BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1099 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc khen thưởng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường Đại học";

Căn cứ Luật Thi đua Khen thưởng số 39/2013/QH 13 ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về công tác Thi đua Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 22/2018/TT-BGDĐT ngày 28/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác Thi đua, Khen thưởng trong ngành Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 878/QĐ-MĐC ngày 05/7/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định về công tác Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 858/QĐ-MĐC ngày 28/6/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định công tác Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 1522/QĐ-MĐC ngày 01/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định Quản lý tài chính và Chi tiêu nội bộ;

Xét đề nghị Thường trực Hội đồng Thi đua Khen thưởng Trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận các tập thể, cá nhân đạt danh hiệu thi đua năm học 2018 - 2019 cụ thể như sau:

1. Tập thể Lao động tiên tiến: 83 tập thể
2. Chiến sỹ thi đua cơ sở: 207 cá nhân
3. Lao động tiên tiến: 433 cá nhân
4. Giấy khen Hiệu trưởng:

- Tập thể: 15 tập thể;
- Cá nhân: 36 cá nhân.

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Kinh phí lấy từ quỹ thi đua khen thưởng năm 2019 thưởng cho các tập thể, cá nhân được công nhận tại Điều 1 theo các mức như sau:

1. Tập thể Lao động tiên tiến: 1.192.000 đồng/tập thể
2. Chiến sỹ thi đua cơ sở: 1.490.000 đồng/cá nhân
3. Lao động tiên tiến: 447.000 đồng/cá nhân
4. Giấy khen Hiệu trưởng: 894.000 đồng/tập thể
5. Giấy khen Hiệu trưởng: 447.000 đồng/cá nhân

Tổng số tiền thưởng là: 630.419.000 đồng *(Sáu trăm ba mươi triệu bốn trăm mười chín nghìn đồng)*.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính và các tập thể, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như điều 3;
- Lưu: HCTH,TĐKT(8).

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Trần Thanh Hải

DANH SÁCH TẬP THỂ, CÁ NHÂN ĐẠT DANH HIỆU THI ĐUA NĂM HỌC 2018 - 2019 CẤP TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số: 1099/QĐ-MĐC ngày 22/8/2019)

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị
I. Chiến sỹ thi đua cơ sở		
1	Đỗ Mạnh An	BM Tìm kiếm thăm dò
2	Trần Thị Phúc An	BM TT HCM
3	Vũ Diệp Anh	BM Kinh tế cơ sở
4	Trần Vân Anh	BM Đo ảnh và Viễn thám
5	Đỗ Ngọc Anh	BM XDCTN&Mỏ
6	Lê Hồng Anh	BM Khoa học máy tính
7	Lê Ngọc Ánh	BM Địa chất dầu khí
8	Bùi Hoàng Bắc	BM Tìm kiếm thăm dò
9	Đỗ Văn Bình	BM Địa sinh thái &CNMT
10	Hồ Việt Bun	BM Điện khí hóa XN
11	Nguyễn Văn Bưởi	BM Kinh tế cơ sở
12	Lê Văn Cảnh	BM Trắc địa mỏ
13	Đào Văn Chi	BM Khai thác hầm lò
14	Phạm Thị Phương Chi	Phòng Kế hoạch tài chính
15	Lê Đình Chiều	BM QTDN Mỏ
16	Tạ Quang Chiểu	BM HTTT&TT
17	Phạm Văn Chung	BM Trắc địa mỏ
18	Nguyễn Kim Chung	Phòng QHCC và DN
19	Nguyễn Thế Công	BM Địa chính
20	Nguyễn Thị Cúc	BM Ngoại ngữ
21	Phí Mạnh Cường	BM Kinh tế cơ sở
22	Cao Xuân Cường	BM Trắc địa mỏ
23	Phạm Quốc Đảm	GDQP
24	Nguyễn Thị Dàng	Phòng HCTH
25	Đào Viết Đoàn	BM XDCTN&Mỏ
26	Phạm Văn Đồng	BM Công nghệ phần mềm
27	Bùi Văn Đức	BM Kỹ thuật xây dựng
28	Hoàng Anh Đức	BM Công nghệ phần mềm
29	Nguyễn Danh Đức	BM Bản đồ
30	Nhữ Thị Kim Dung	BM Tuyển khoáng
31	Nguyễn Tiến Dũng	BM Tìm kiếm thăm dò
32	Công Tiến Dũng	BM Hóa
33	Lê Tiến Dũng	BM Khai thác hầm lò
34	Nguyễn Trọng Dũng	BM Xây dựng HTCS
35	Hoàng Anh Dũng	BM TBDK&CT
36	Nguyễn Văn Dũng	BM Môi trường cơ sở
37	Nguyễn Quốc Dũng	Phòng Đào tạo Đại học
38	Trần Văn Được	BM Tuyển khoáng
39	Trần Thùy Dương	BM Địa chính
40	Lê Thị Duyên	BM Hóa
41	Lê Quang Duyến	BM Khoan - Khai thác
42	Nguyễn Thu Hà	BM QTDN ĐC-DK
43	Lưu Thị Thu Hà	BM Kế toán DN
44	Đỗ Thị Vân Hà	BM TT HCM
45	Nguyễn Việt Hà	BM Trắc địa công trình
46	Lê Thị Thu Hà	BM Trắc địa mỏ
47	Trương Thúy Hà	Phòng Công tác CT-SV

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị
48	Phạm Ngọc Hà	Phòng ĐT Sau đại học
49	Trần Thanh Hải	BM Địa chất
50	Đỗ Thị Hồng Hải	BM Vật lý
51	Phạm Minh Hải	BM Kế toán DN
52	Đỗ Thị Hải	BM Địa sinh thái &CNMT
53	Nguyễn Thanh Hải	Phòng Khoa học, CN
54	Hoàng Thu Hằng	Phòng Khoa học, CN
55	Phạm Thị Hồng Hạnh	BM Kế toán DN
56	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Phòng Xuất bản
57	Vũ Quang Hay	GDQP
58	Nguyễn Thị Hiền	BM Địa chính
59	Cao Xuân Hiển	BM Ngoại ngữ
60	Nguyễn Hữu Hiệp	BM Địa chất
61	Vũ Đình Hiếu	BM Khai thác lộ thiên
62	Trần Quang Hiếu	BM Khai thác lộ thiên
63	Đào Hiếu	BM Tự động hóa xí nghiệp
64	Phạm Văn Hòa	BM Khai thác lộ thiên
65	Đinh Công Hòa	BM Trắc địa PT&SS
66	Cao Thu Hoài	Phòng Kế hoạch tài chính
67	Nguyễn Hoàng	BM Khai thác lộ thiên
68	Diêm Công Hoàng	BM Mạng máy tính
69	Lê Thị Thu Hồng	BM Kế toán DN
70	Khương Thế Hùng	BM Tìm kiếm thăm dò
71	Nguyễn Mạnh Hùng	BM Vật lý
72	Nguyễn Phi Hùng	BM Khai thác hầm lò
73	Võ Trọng Hùng	BM XDCTN&Mỏ
74	Nguyễn Tiến Hùng	BM Khoan - Khai thác
75	Nguyễn Tiến Hưng	BM Kế toán DN
76	Phạm Đức Hưng	BM Khai thác hầm lò
77	Lê Văn Hưng	BM Công nghệ phần mềm
78	Trần Thị Lan Hương	BM NLCNMLN
79	Nguyễn Thu Hương	VPK Lý luận chính trị
80	Dương Thúy Hường	BM Ngoại ngữ
81	Tạ Thị Thu Hường	VPK Khoa TĐ-BĐ&QLĐĐ
82	Phạm Thị Thu Hường	Phòng QHCC và DN
83	Vũ Thu Hường	VP Chương trình tiến tiến
84	Ngô Văn Hưởng	BM NLCNMLN
85	Nguyễn Duy Huy	BM Khoa học máy tính
86	Vương Trọng Kha	BM Trắc địa mỏ
87	Nguyễn Cao Khải	BM Khai thác hầm lò
88	Phạm Công Khải	BM Trắc địa mỏ
89	Lương Quang Khang	BM Tìm kiếm thăm dò
90	Nguyễn Ngọc Khánh	BM QTDN Mỏ
91	Trần Khánh	BM Trắc địa công trình
92	Nguyễn Thạc Khánh	BM Kỹ thuật điện - Điện tử
93	Nguyễn Đức Khoát	BM Tự động hóa xí nghiệp
94	Nguyễn Gia Khuê	Ban quản lý các dự án
95	Phạm Trung Kiên	BM Lọc - Hóa dầu
96	Nguyễn Duy Lạc	BM Kế toán DN
97	Phạm Thị Làn	BM Trắc địa mỏ
98	Vũ Thị Kim Liên	BM Tin học Kinh tế
99	Nguyễn Thị Liên	VPK Cơ - Điện
100	Nguyễn Thị Hồng Loan	BM Kinh tế cơ sở

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị
101	Phạm Hữu Lợi	Phòng Thí nghiệm ĐTH
102	Phạm Văn Luận	BM Tuyển khoáng
103	Bùi Thị Mai	Phòng Đào tạo Đại học
104	Nguyễn Xuân Mãn	BM Kỹ thuật xây dựng
105	Nguyễn Văn Mạnh	BM Kỹ thuật xây dựng
106	Trần Xuân Miễn	BM Địa chính
107	Trần Tuấn Minh	BM XDCTN&Mỏ
108	Bùi Xuân Nam	BM Khai thác lộ thiên
109	Đặng Văn Nam	BM Khoa học máy tính
110	Nguyễn Hoàng Nam	BM Kỹ thuật môi trường
111	Nguyễn Thị Hoài Nga	BM QTDN Mỏ
112	Hoàng Thị Nga	VPK Mỏ
113	Phạm Thị Việt Nga	VP Đảng - Đoàn thể
114	Đặng Thị Hằng Nga	VP Đảng - Đoàn thể
115	Nguyễn Thị Kim Ngân	BM QTDN ĐC-DK
116	Vũ Minh Ngạn	BM Xây dựng HTCS
117	Nguyễn Viết Nghĩa	BM Trắc địa mỏ
118	Nguyễn Thị Bích Ngọc	BM Kinh tế cơ sở
119	Dương Thị Nhàn	BM Kế toán DN
120	Phạm Thị Nhàn	BM Kỹ thuật xây dựng
121	Nguyễn Thị Nụ	BM Địa chất công trình
122	Phạm Xuân Núi	BM Lọc - Hóa dầu
123	Nguyễn Thị Kim Oanh	BM Kế toán DN
124	Đặng Văn Phi	BM Kỹ thuật xây dựng
125	Nguyễn Quốc Phi	BM Môi trường cơ sở
126	Dương Vân Phong	BM Trắc địa cao cấp
127	Nguyễn Duyên Phong	BM XDCTN&Mỏ
128	Nguyễn Văn Phong	GDQP
129	Khổng Cao Phong	BM Tự động hóa xí nghiệp
130	Lê Chí Phúc	Phòng QHCC và DN
131	Nguyễn Thi Phương	BM NLCNMLN
132	Nguyễn Thị Hữu Phương	BM Công nghệ phần mềm
133	Nguyễn Phương	BM Môi trường cơ sở
134	Đoàn Thị Nam Phương	BM Đo ảnh và Viễn thám
135	Trần Thị Lan Phương	Phòng HCTH
136	Lê Bích Phượng	BM Toán
137	Nguyễn Thị Bích Phượng	BM Kế toán DN
138	Nguyễn Văn Quảng	GDQP
139	Bùi Ngọc Quý	BM Bản đồ
140	Nguyễn Văn Sáng	BM Trắc địa cao cấp
141	Bùi Trường Sơn	BM Địa chất công trình
142	Phan Viết Sơn	BM Tìm kiếm thăm dò
143	Nguyễn Hoàng Sơn	BM Tuyển khoáng
144	Phạm Trung Sơn	BM Điện khí hóa XN
145	Vũ Duy Tấn	Phòng Tổ chức - Cán bộ
146	Đoàn Nguyễn Th.Hương	Phòng Tổ chức - Cán bộ
147	Đặng Huy Thái	BM QTDN Mỏ
148	Phan Thị Thái	BM QTDN ĐC-DK
149	Đào Việt Thắng	BM Vật lý
150	Công Ngọc Thắng	BM Lọc - Hóa dầu
151	Nguyễn Trường Thanh	BM Toán
152	Ngô Xuân Thành	BM Địa chất
153	Đặng Trung Thành	BM XDCTN&Mỏ

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị
154	Lê Xuân Thành	BM Điện khí hóa XN
155	Nguyễn Bách Thảo	BM Địa chất thủy văn
156	Dư Thị Xuân Thảo	BM Vật lý
157	Nguyễn Thị Thảo	BM Ngoại ngữ
158	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	BM QTDN ĐC-DK
159	Đỗ Thị Phương Thảo	BM Bản đồ
160	Ngô Thị Phương Thảo	BM Tin Trắc Địa
161	Nguyễn Thị Thu Thảo	Phòng HCTH
162	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng Hợp tác quốc tế
163	Phạm Đức Thiên	BM Kỹ thuật Cơ khí
164	Nguyễn Văn Thịnh	BM Khai thác hầm lò
165	Nguyễn Văn Thịnh	BM TBDK&CT
166	Phạm Đức Thọ	BM Xây dựng HTCS
167	Đào Thị Thơm	Phòng Công tác CT-SV
168	Kiều Duy Thông	BM Địa vật lý
169	Lê Minh Thống	BM QTDN ĐC-DK
170	Nguyễn Thị Minh Thu	BM Kế toán DN
171	Lê Thị Thu	Phòng Tổ chức - Cán bộ
172	Đào Đình Thuần	BM Kỹ thuật môi trường
173	Trần Thị Thu Thúy	BM Mạng máy tính
174	Trương Thị Thanh Thủy	BM Ngoại ngữ
175	Nguyễn Thanh Thủy	BM QTDN ĐC-DK
176	Bùi Thị Thu Thủy	BM Kế toán DN
177	Bùi Thị Lệ Thủy	BM Lọc - Hóa dầu
178	Đỗ Thị Thanh Thủy	TT Ngoại ngữ - Tin học
179	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phòng Đào tạo Đại học
180	Phạm Thị Thu Thủy	Phòng Kế hoạch tài chính
181	Phạm Thu Trang	BM Kinh tế cơ sở
182	Nguyễn Thị Huyền Trang	BM Kế toán DN
183	Nguyễn Văn Trung	BM Đo ảnh và Viễn thám
184	Trần Xuân Trường	BM Đo ảnh và Viễn thám
185	Triệu Hùng Trường	BM TBDK&CT
186	Nguyễn Hồng Trường	TT Thông tin - Thư viện
187	Phạm Công Tú	VP Khoa GDQP
188	Nguyễn Trần Tuân	BM Khoan - Khai thác
189	Tống Bá Tuấn	BM Vật lý
190	Đào Anh Tuấn	BM QTDN Mỏ
191	Phạm Ngọc Tuấn	BM QTDN ĐC-DK
192	Phạm Văn Tuấn	BM Địa chất dầu khí
193	Ngô Thanh Tuấn	BM Điện khí hóa XN
194	Trần Anh Tuấn	BM Trắc địa PT&SS
195	Đỗ Hữu Tùng	BM QTDN ĐC-DK
196	Bùi Mạnh Tùng	BM Khai thác hầm lò
197	Lê Đắc Tuyên	BM Vật lý
198	Phạm Tố Uyên	VP Đảng - Đoàn thể
199	Trần Thị Hải Vân	Phòng Thí nghiệm ĐTH
200	Nguyễn Thế Vinh	BM Khoan - Khai thác
201	Lê Đức Vinh	BM TBDK&CT
202	Nguyễn Văn Xô	BM Máy và TBCN
203	Đỗ Như Ý	BM Điện khí hóa XN
204	Nguyễn Thị Hải Yến	BM TBDK&CT
205	Phạm Thị Yến	BM XDCTN&Mỏ
206	Dương Mai Yến	Phòng ĐBCLGD

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị
207	Nguyễn Thị Hải Yến	TT Thông tin - Thư viện
II. Lao động tiên tiến		
A. Cá nhân		
1	Nguyễn Đình An	BM Khai thác lộ thiên
2	Trần Quỳnh An	BM Bản đồ
3	Phạm Thị Vân Anh	BM Khoáng Thạch và ĐH
4	Phạm Ngọc Anh	BM Toán
5	Hồ Quỳnh Anh	BM Vật lý
6	Phạm Thị Mai Anh	BM Hình Họa
7	Đỗ Việt Anh	BM Hình Họa
8	Nguyễn Thị Ngọc Anh	BM Kinh tế cơ sở
9	Trần Trung Anh	BM Đo ảnh và Viễn thám
10	Bùi Thị Vân Anh	BM HTTT&TT
11	Vũ Thị Lan Anh	BM Môi trường cơ sở
12	Tống Ngọc Anh	BM Kỹ thuật điện - Điện tử
13	Kiều Thị Vân Anh	BM Địa chất thủy văn
14	Nguyễn Thế Anh	Phòng QHCC và DN
15	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	BM Ngoại ngữ
16	Kim Thị Cẩm Ánh	BM Kỹ thuật điện - Điện tử
17	Thái Hải Âu	BM Tự động hóa xí nghiệp
18	Nguyễn Thị Phương Bắc	BM Khoa học máy tính
19	Tô Xuân Bản	BM Khoáng Thạch và ĐH
20	Đào Đức Bằng	BM Địa chất thủy văn
21	Trần Đình Bão	BM Khai thác lộ thiên
22	Đồng Thị Bích	BM QTDN Mỏ
23	Nguyễn Thị Biên	Phòng QHCC và DN
24	Dương Văn Bình	BM Địa chất công trình
25	Phan Văn Bình	BM Địa chất
26	Nguyễn Thế Bình	BM Tin học Kinh tế
27	Trương Xuân Bình	BM Tin học Địa chất
28	Nguyễn Văn Bình	BM Môi trường cơ sở
29	Hồ Thanh Bình	VPK Khoa học và KTĐC
30	Nguyễn Văn Bình	Phòng Cơ sở vật chất
31	Trần Bắc Bộ	GDQP
32	Ngô Thị Kim Chi	BM Địa chất
33	Đỗ Lệ Chi	TT Thông tin - Thư viện
34	Đặng Vũ Chí	BM Khai thác hầm lò
35	Đặng Văn Chí	BM Tự động hóa xí nghiệp
36	Lê Văn Chiến	BM QTDN Mỏ
37	Vũ Thị Chinh	BM Tuyển khoáng
38	Trương Thị Chinh	BM Địa vật lý
39	Võ Thị Công Chính	Phòng Xuất bản
40	Nguyễn Duy Chỉnh	BM Kỹ thuật Cơ khí
41	Hà Thị Chúc	BM Kỹ thuật điện - Điện tử
42	Phạm Ngọc Chung	BM Cơ lý thuyết
43	Trần Trung Chuyên	BM Tin Trắc Địa
44	Nguyễn Thị Cúc	BM Môi trường cơ sở
45	Lại Kim Cương	Phòng Đào tạo Đại học
46	Đặng Ngọc Cương	TT Thông tin - Thư viện
47	Phạm Tuấn Cường	BM Toán
48	Nguyễn Hồng Cường	BM Khai thác hầm lò
49	Đỗ Cao Cường	BM Địa sinh thái &CNMT
50	Lê Đức Cường	Phòng HCTH

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị
51	Nguyễn Đình Cường	Phòng Cơ sở vật chất
52	Dương Thị Hồng Đài	Phòng ĐBCLGD
53	Vũ Anh Đạo	BM Địa chất
54	Đinh Công Đạt	BM Cơ lý thuyết
55	Lê Thị Định	VP Khoa GDQP
56	Nguyễn Đình Độ	BM Hóa
57	Trần Văn Độ	GDQP
58	Nguyễn Hữu Độ	TT Thông tin - Thư viện
59	Nguyễn Trường Đông	BM Giáo dục thể chất
60	Nguyễn Phương Đông	BM Kỹ thuật môi trường
61	Nguyễn Khắc Du	BM Tìm kiếm thăm dò
62	Nguyễn Thị Kim Dung	BM TT HCM
63	Nguyễn Thị Dung	BM Địa chính
64	Nguyễn Thị Mai Dung	BM Tin Trắc Địa
65	Nguyễn Thị Thu Dung	VPK Kinh tế - QTKD
66	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Phòng Khoa học, CN
67	Lê Tiến Dũng	BM Khoáng Thạch và ĐH
68	Vũ Bá Dũng	BM Vật lý
69	Phạm Tiến Dũng	BM Hóa
70	Trần Anh Dũng	BM Kinh tế cơ sở
71	Vũ Thái Tiến Dũng	BM Khai thác hầm lò
72	Võ Ngọc Dũng	BM Trắc địa mỏ
73	Nguyễn Anh Dũng	BM Lọc - Hóa dầu
74	Nguyễn Tiến Dũng	Ban quản lý các dự án
75	Bùi Thị Thùy Dương	BM NLCNMLN
76	Nguyễn Thùy Dương	BM Khoa học máy tính
77	Vũ Hồng Dương	BM Địa vật lý
78	Nguyễn Ánh Dương	BM Tự động hóa xí nghiệp
79	Nguyễn Ngọc Dương	Phòng HCTH
80	Trần Văn Duy	TT Thông tin - Thư viện
81	Lê Thị Hương Giang	BM Toán
82	Vũ Thị Hương Giang	BM Giáo dục thể chất
83	Lê Ngọc Giang	BM Trắc địa PT&SS
84	Nguyễn Trường Giang	BM Kỹ thuật điện - Điện tử
85	Phạm Thị Châu Giang	VPK Kinh tế - QTKD
86	Ngô Huyền Giang	TT Ngoại ngữ - Tin học
87	Nhâm Quỳnh Giang	Phòng Kế hoạch tài chính
88	Nguyễn Khắc Giảng	BM Khoáng Thạch và ĐH
89	Nguyễn Văn Giáp	BM TBDK&CT
90	Đoàn Văn Giáp	BM Máy và TBCN
91	Nhữ Việt Hà	BM Địa chất công trình
92	Trần Thị Hà	BM Vật lý
93	Lê Thị Thúy Hà	BM Ngoại ngữ
94	Nguyễn Thị Thúy Hà	BM ĐLCMĐCSVN
95	Đinh Thị Thu Hà	BM Sức bền vật liệu
96	Trần Thanh Hà	BM Đo ảnh và Viễn thám
97	Đinh Thị Lệ Hà	BM Trắc địa công trình
98	Nguyễn Hà	BM Trắc địa công trình
99	Hoàng Ngọc Hà	BM Trắc địa PT&SS
100	Vũ Thanh Hà	GDQP
101	Trần Thị Kim Hà	BM Địa sinh thái &CNMT
102	Phạm Thị Ngọc Hà	BM Địa chất công trình
103	Lê Việt Hà	BM Tuyển khoáng

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị
104	Cù Thị Thu Hà	Tổ máy trắc địa
105	Nguyễn Thúy Hà	Phòng Cơ sở vật chất
106	Nguyễn Thị Thu Hà	Phòng Cơ sở vật chất
107	Đỗ Thị Hải	BM Hóa
108	Trần Hồng Hải	BM Hình Họa
109	Đỗ Như Hải	BM Mạng máy tính
110	Phạm Minh Hải	BM Tự động hóa xí nghiệp
111	Phùng Hữu Hải	BM Địa chất công trình
112	Phạm Thị Thanh Hải	BM Kỹ thuật cơ khí
113	Nguyễn Thị Hằng	BM Toán
114	Nguyễn Thu Hằng	BM Toán
115	Lê Thị Thanh Hằng	BM Hình Họa
116	Nguyễn Thu Hằng	BM Tin học Kinh tế
117	Nguyễn Thị Thu Hằng	BM Địa chất dầu khí
118	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Phòng Tổ chức - Cán bộ
119	Trần Thanh Hanh	GDQP
120	Võ Thị Hạnh	BM Hóa
121	Chu Thị Hồng Hạnh	BM Giáo dục thể chất
122	Trần Hồng Hạnh	BM Đo ảnh và Viễn thám
123	Nguyễn Hồng Hạnh	Phòng QHCC và DN
124	Ngô Doãn Hào	BM XDCTN&Mỏ
125	Dương Văn Hào	BM Địa vật lý
126	Nguyễn Thị Hậu	BM Vật lý
127	Phạm Đức Hậu	BM HTTT&TT
128	Nguyễn Thị Bích Hậu	BM Điện khí hóa XN
129	Nguyễn Thị Hậu	VPK Môi trường
130	Hà Thị Hiến	VPK Khoa học cơ bản
131	Vũ Thu Hiền	BM Địa chất thủy văn
132	Phạm Thị Thanh Hiền	BM Tìm kiếm thăm dò
133	Nguyễn Thị Hiền	BM Toán
134	Nguyễn Thị Thu Hiền	BM Hóa
135	Vũ Thị Hiền	BM Kinh tế cơ sở
136	Bùi Thị Thu Hiền	BM Điện khí hóa XN
137	Bùi Thị Thu Hiền	BM Địa chất
138	Vũ Thị Hiền	Bảng tàng địa chất
139	Hoàng Thị Hiền	TT Thông tin - Thư viện
140	Phạm Quang Hiển	BM Tin học Kinh tế
141	Lê Quốc Hiệp	BM ĐLCMĐCSVN
142	Phạm Văn Hiệp	BM Bản đồ
143	Nguyễn Thế Hiệp	Tổ máy trắc địa
144	Trần Văn Hiệp	Phòng ĐBCLGD
145	Nguyễn Duy Hiệp	Phòng Cơ sở vật chất
146	Nguyễn Ánh Hoa	BM Ngoại ngữ
147	Lê Thị Thu Hoa	BM Khai thác lộ thiên
148	Nguyễn Mai Hoa	BM Địa sinh thái &CNMT
149	Phan Thị Mai Hoa	BM Môi trường cơ sở
150	Trần Thị Như Hoa	BM HTTT&TT
151	Phạm Thị Thanh Hòa	BM Đo ảnh và Viễn thám
152	Nguyễn Minh Hòa	BM Địa chất dầu khí
153	Nguyễn Thị Hòa	BM Kỹ thuật môi trường
154	Nguyễn Nam Hòa	BM Sức bền vật liệu
155	Đỗ Ngọc Hoàn	BM Khai thác lộ thiên
156	Nguyễn Thế Hoàng	BM Máy và TBCN

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị
157	Bùi Minh Hoàng	BM Kỹ thuật Cơ khí
158	Vũ Thị Minh Hồng	BM Hóa
159	Nguyễn Thị Hồng	BM Kỹ thuật môi trường
160	Trịnh Thị Hợp	Phòng Cơ sở vật chất
161	Trần Đức Huân	BM Kỹ thuật Cơ khí
162	Hoàng Ngự Huấn	BM Toán
163	Lê Thanh Huệ	BM Tin học Kinh tế
164	Nguyễn Văn Hùng	BM Địa chất công trình
165	Hà Mạnh Hùng	BM Hóa
166	Nguyễn Viết Hùng	BM Hóa
167	Lương Anh Hùng	BM Giáo dục thể chất
168	Nguyễn Như Hùng	BM Sức bền vật liệu
169	Phạm Văn Hùng	BM Xây dựng HTCS
170	Trần Danh Hùng	BM Địa vật lý
171	Trần Mạnh Hùng	BM Xây dựng HTCS
172	Bùi Ngọc Hùng	BM Kỹ thuật điện - Điện tử
173	Trương Minh Hùng	BM Trắc địa PT&SS
174	Nguyễn Quốc Hưng	BM Địa chất
175	Đào Xuân Hưng	BM Toán
176	Thái Việt Hưng	BM Giáo dục thể chất
177	Đặng Quang Hưng	BM Khai thác hầm lò
178	Nguyễn Phùng Hưng	BM TBDK&CT
179	Nguyễn Thị Lan Hương	BM Toán
180	Trần Lan Hương	BM Giáo dục thể chất
181	Phạm Thu Hương	BM Kế toán DN
182	Nguyễn Thị Thu Hương	BM ĐLCMĐCSVN
183	Nguyễn Thị Thu Hương	BM Trắc địa PT&SS
184	Trần Mai Hương	BM Tin Trắc Địa
185	Phan Thiên Hương	BM Địa vật lý
186	Tống Thị Thanh Hương	BM Lọc - Hóa dầu
187	Trần Thị Thu Hương	BM Địa sinh thái &CNMT
188	Nguyễn Thị Hương	VPK Xây dựng
189	Nguyễn Thị Hương	Phòng Công tác CT-SV
190	Trần Thị Hương	Phòng Cơ sở vật chất
191	Trần Thị Mai Hương	VP Đại diện
192	Lê Thị Thu Hường	BM QTDN Mỏ
193	Nguyễn Thị Hường	BM QTDN Mỏ
194	Nguyễn Quang Huy	BM Giáo dục thể chất
195	Phạm Khánh Huy	BM Địa sinh thái &CNMT
196	Phạm Thanh Huyền	VPK Xây dựng
197	Nguyễn Thanh Huyền	Trạm Y tế
198	Trần Thị Thu Huyền	Phòng Cơ sở vật chất
199	Trương Thị Thanh Huyền	Phòng Kế hoạch tài chính
200	Phạm Thế Huynh	BM Địa chính
201	Cung Quang Khang	BM Kỹ thuật điện - Điện tử
202	Phạm Quốc Khánh	BM Trắc địa công trình
203	Nguyễn Quang Khánh	BM Tin Trắc Địa
204	Đinh Hữu Khánh	Trung tâm dịch vụ
205	Đặng Văn Kiên	BM XDCTN&Mỏ
206	Trần Đình Kiên	BM Khoan - Khai thác
207	Hà Ngọc Kiên	Phòng ĐT Sau đại học
208	Nguyễn Văn Lại	BM Kỹ thuật Cơ khí
209	Nguyễn Văn Lâm	BM Địa chất thủy văn

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị
210	Nguyễn Văn Lâm	BM Tìm kiếm thăm dò
211	Nguyễn Thế Lâm	BM Toán
212	Nguyễn Văn Lâm	BM Trắc địa cao cấp
213	Tăng Văn Lâm	BM Kỹ thuật xây dựng
214	Nguyễn Mộng Lân	BM Ngoại ngữ
215	Hà Thị Liễu	Phòng Tổ chức - Cán bộ
216	Vũ Thái Linh	BM Địa chất công trình
217	Nguyễn Thùy Linh	BM Toán
218	Lã Ngọc Linh	BM Giáo dục thể chất
219	Phan Thị Thùy Linh	BM QTDN Mỏ
220	Trần Thùy Linh	BM Trắc địa công trình
221	Nguyễn Thị Linh	BM Lọc - Hóa dầu
222	Trần Viết Linh	BM Máy và TBCN
223	Kim Ngọc Linh	BM Kỹ thuật điện - Điện tử
224	Nguyễn Thùy Linh	Phòng Công tác CT-SV
225	Nguyễn Khắc Lĩnh	BM Máy và TBCN
226	Phạm Thị Thanh Loan	BM Tự động hóa xí nghiệp
227	Nguyễn Thị Loan	VPK Công nghệ thông tin
228	Nguyễn Thị Thanh Loan	BM Tự động hóa xí nghiệp
229	Nguyễn Thế Lộc	BM Công nghệ phần mềm
230	Nguyễn Văn Lợi	BM Bản đồ
231	Trần Vũ Long	BM Địa chất thủy văn
232	Phạm Tuấn Long	BM Sức bền vật liệu
233	Nguyễn Quốc Long	BM Trắc địa mỏ
234	Nguyễn Hoàng Long	BM Tin Trắc Địa
235	Trương Xuân Luận	BM Tin học Địa chất
236	Nguyễn Thế Lực	BM Tự động hóa xí nghiệp
237	Trịnh Thế Lực	TT Phân tích CNC
238	Đoàn Thị Luyên	Phòng QHCC và DN
239	Đặng Thanh Mai	BM Ngoại ngữ
240	Nguyễn Thị Tuyết Mai	VPK Mỏ
241	Đỗ Thúy Mai	Trạm Y tế
242	Nguyễn Minh Mẫn	BM Toán
243	Nguyễn Thị Mến	Tổ máy trắc địa
244	Nguyễn Quang Minh	BM Trắc địa PT&SS
245	Nguyễn Quang Minh	BM Địa sinh thái &CNMT
246	Hoàng Lê Minh	Tổ máy trắc địa
247	Tạ Văn Minh	Phòng Cơ sở vật chất
248	Đỗ Thị Mường	TT Thông tin - Thư viện
249	Đỗ Thủy Trà My	Phòng Kế hoạch tài chính
250	Lê Văn Nam	BM Giáo dục thể chất
251	Đinh Hải Nam	BM Địa chính
252	Lê Văn Nam	BM Khoan - Khai thác
253	Đào Duy Nam	Phòng Đào tạo Đại học
254	Nguyễn Đức Năng	Phòng HCTH
255	Chu Thị Thúy Nga	Phòng Công tác CT-SV
256	Hoàng Thị Nga	TT Thông tin - Thư viện
257	Bùi Thị Ngân	BM Địa chất dầu khí
258	Vũ Nam Ngạn	BM Máy và TBCN
259	Lê Thanh Nghị	BM Đo ảnh và Viễn thám
260	Đặng Hữu Nghị	BM Công nghệ phần mềm
261	Phạm Đức Nghiệp	Phòng Khoa học, CN
262	Nguyễn Văn Ngọc	BM Toán

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị
263	Đinh Bảo Ngọc	BM Tin Trắc Địa
264	Trần Thị Ngọc	BM Kỹ thuật môi trường
265	Vũ Thị Ngọc	TT Thông tin - Thư viện
266	Phạm Thị Nguyên	Phòng Đào tạo Đại học
267	Phạm Thị Nguyệt	BM Tin học Kinh tế
268	Bùi Thị Ánh Nguyệt	BM Tin học Địa chất
269	Đinh Thị Thanh Nhàn	BM Khai thác hầm lò
270	Quách Thị Nhịp	Phòng Kế hoạch tài chính
271	Hà Thành Như	BM Khoáng thạch và ĐH
272	Đỗ Văn Nhuận	BM Môi trường cơ sở
273	Dương Thị Tuyết Nhung	BM Pháp luật
274	Phạm Thị Nhung	BM Tuyển khoáng
275	Nông Thị Oanh	BM Khoa học máy tính
276	Phí Mạnh Phong	BM NLCNMLN
277	Nguyễn Văn Phóng	BM Địa chất công trình
278	Nguyễn Ngọc Phú	BM Tuyển khoáng
279	Nguyễn Thị Thu Phúc	BM Ngoại ngữ
280	Nguyễn Quang Phúc	BM Trắc địa công trình
281	Hoàng Đình Phúc	BM Xây dựng HTCS
282	Lê Quang Phục	BM Khai thác hầm lò
283	Vũ Lan Phương	BM HTTT&TT
284	Vũ Cúc Phương	BM TBDK&CT
285	Phan Thị Mai Phương	BM Tự động hóa xí nghiệp
286	Phan Thị Phượng	TT Thông tin - Thư viện
287	Dương Anh Quân	BM Bản đồ
288	Hồ Văn Quân	Phòng Đào tạo Đại học
289	Phan Minh Quang	BM Kế toán DN
290	Nguyễn Văn Quang	BM Khai thác hầm lò
291	Phạm Ngọc Quang	BM Trắc địa cao cấp
292	Lê Văn Quyền	BM Khai thác lộ thiên
293	Vương Thị Như Quỳnh	BM HTTT&TT
294	Phạm Như Sang	BM Tìm kiếm thăm dò
295	Hoàng Văn Sinh	Phòng HCTH
296	Nguyễn Thị Kim Sơn	BM Toán
297	Trần Đình Sơn	BM Cơ lý thuyết
298	Nguyễn Văn Sơn	BM TT HCM
299	Đỗ Anh Sơn	BM Khai thác hầm lò
300	Ngô Hà Sơn	BM Lọc - Hóa dầu
301	Nguyễn Thị Sơn	Ban quản lý các dự án
302	Phạm Trường Sơn	Phòng HCTH
303	Nguyễn Tiến Sỹ	BM Kỹ thuật điện - Điện tử
304	Hoàng Văn Tài	BM Hình Họa
305	Vũ Thanh Tâm	BM Ngoại ngữ
306	Lê Thị Thanh Tâm	BM Trắc địa cao cấp
307	Phạm Đình Tân	BM Mạng máy tính
308	Nguyễn Đăng Tấn	BM Máy và TBCN
309	Phan Minh Tạo	BM Tự động hóa xí nghiệp
310	Vũ Thiết Thạch	BM Khoan - Khai thác
311	Đỗ Ngọc Thái	BM XDCTN&Mỏ
312	Nguyễn Thị Thắm	Phòng HCTH
313	Lê Trọng Thắng	BM Địa chất công trình
314	Nguyễn Đức Thắng	BM QTDN Mỏ
315	Nguyễn Viết Thắng	BM Sức bền vật liệu

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị
316	Nguyễn Quang Thắng	BM Trắc địa công trình
317	Bùi Anh Thắng	BM Xây dựng HTCS
318	Đinh Văn Thắng	BM Kỹ thuật điện - Điện tử
319	Lê Thị Hồng Thắng	BM Máy và TBCN
320	Trần Văn Thanh	BM Khai thác hầm lò
321	Nguyễn Thị Kim Thanh	BM Trắc địa công trình
322	Dương Thị Hiền Thanh	BM Tin học Kinh tế
323	Nguyễn Thị Thanh	BM Công nghệ phần mềm
324	Bùi Đình Thanh	BM Điện khí hóa XN
325	Nguyễn Chí Thành	BM XDCTN&Mỏ
326	Nguyễn Văn Thành	BM Khoan - Khai thác
327	Đào Trung Thành	BM Kỹ thuật môi trường
328	Đỗ Đức Thành	BM Điện khí hóa XN
329	Nguyễn Tuấn Thành	Phòng Đào tạo Đại học
330	Nguyễn Thị Thanh Thảo	BM Tìm kiếm thăm dò
331	Lê Thị Phương Thảo	BM Hóa
332	Nguyễn Thanh Thảo	BM Kinh tế cơ sở
333	Lê Quí Thảo	BM Khai thác lộ thiên
334	Đặng Phương Thảo	BM Khai thác hầm lò
335	Vũ Thị Phương Thảo	BM Địa sinh thái &CNMT
336	Nguyễn Thế	Phòng Cơ sở vật chất
337	Đinh Văn Thiên	BM Vật lý
338	Dương Chí Thiện	BM HTTT&TT
339	Vũ Duy Thịnh	BM Hóa
340	Vũ Ngọc Thịnh	BM Kế toán DN
341	Tạ Đức Thịnh	BM Xây dựng HTCS
342	Kiều Đức Thịnh	BM Máy và TBCN
343	Nguyễn Thị Kim Thoa	BM Hóa
344	Phạm Thị Kim Thoa	BM Địa chính
345	Nguyễn Huy Thông	BM Giáo dục thể chất
346	Lê Thị Thu	BM Tìm kiếm thăm dò
347	Nguyễn Thị Diệu Thu	BM Vật lý
348	Vũ Thị Hoài Thu	TT Ngoại ngữ - Tin học
349	Vũ Kim Thư	BM Hóa
350	Đào Anh Thư	BM Mạng máy tính
351	Nguyễn Xuân Thuận	Trung tâm dịch vụ
352	Trần Đình Thước	BM Ngoại ngữ
353	Nguyễn Văn Thưởng	BM QTDN Mỏ
354	Bùi Thị Thúy	BM Cơ lý thuyết
355	Phan Thị Thúy	Phòng Công tác CT-SV
356	Hoàng Thị Thúy	TT Thông tin - Thư viện
357	Diêm Thị Thùy	BM Tin Trắc địa
358	Dương Thị Thanh Thủy	BM Địa chất thủy văn
359	Nguyễn Thị Thanh Thủy	BM Địa chất thủy văn
360	Hoàng Thị Thủy	BM Trắc địa PT&SS
361	Đặng Thị Ngọc Thủy	BM Kỹ thuật môi trường
362	Trần Thị Thanh Thủy	BM Địa sinh thái &CNMT
363	Phạm Thị Thủy	BM Kỹ thuật Cơ khí
364	Nguyễn Thu Thủy	VPK Dầu khí
365	Hà Văn Thủy	Xưởng Cơ - Điện
366	Đào Thị Thủy	BM Điện khí hóa XN
367	Nguyễn Thị Thu Thủy	TT Thông tin - Thư viện
368	Vũ Trung Tiến	BM Khai thác hầm lò

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị
369	Nguyễn Tài Tiến	BM XDCTN&Mỏ
370	Phạm Văn Tiến	BM Máy và TBCN
371	Nguyễn Hanh Tiến	BM Điện khí hóa XN
372	Đồng Hữu Tiến	VP Đại diện
373	Nguyễn Viết Tình	BM Địa chất công trình
374	Lê Đức Tình	BM Trắc địa công trình
375	Nguyễn Chí Tình	BM Tự động hóa xí nghiệp
376	Nguyễn Thế Tĩnh	Phòng Cơ sở vật chất
377	Bùi Thanh Tịnh	BM Tìm kiếm thăm dò
378	Tạ Thị Toán	BM Tìm kiếm thăm dò
379	Vũ Văn Toàn	BM Lọc - Hóa dầu
380	Trần Trung Tới	BM Tuyển khoáng
381	Vũ Ngọc Trà	BM Máy và TBCN
382	Đặng Thị Thanh Trâm	BM ĐLCMĐCSVN
383	Doãn Thị Trâm	BM Khoan - Khai thác
384	Võ Thị Thu Trang	BM Tin học Kinh tế
385	Hồ Thị Thảo Trang	BM Công nghệ phần mềm
386	Trần Thị Thu Trang	BM Trắc địa cao cấp
387	Hoàng Thu Trang	VPK Môi trường
388	Trần Đình Trí	BM Đo ảnh và Viễn thám
389	Nguyễn Văn Trí	BM XDCTN&Mỏ
390	Hà Hữu Cao Trình	BM Toán
391	Nguyễn Gia Trọng	BM Trắc địa cao cấp
392	Phạm Kiên Trung	BM QTDN Mỏ
393	Dương Thành Trung	BM Trắc địa PT&SS
394	Đặng Quốc Trung	BM HTTT&TT
395	Hoàng Xuân Trường	GDQP
396	Hà Ngọc Trường	Phòng HCTH
397	Đỗ Ngọc Tú	BM Sức bền vật liệu
398	Trương Văn Từ	BM Khoan - Khai thác
399	Trần Ngọc Tuân	BM Lọc - Hóa dầu
400	Lê Viết Tuấn	BM Giáo dục thể chất
401	Nguyễn Anh Tuấn	BM Khai thác lộ thiên
402	Trần Viết Tuấn	BM Trắc địa công trình
403	Nguyễn Thanh Tuấn	BM TBDK&CT
404	Nguyễn Văn Tuệ	BM Kỹ thuật Cơ khí
405	Nguyễn Sơn Tùng	BM Kỹ thuật Cơ khí
406	Huỳnh Thanh Tùng	Phòng Cơ sở vật chất
407	Vũ Hữu Tuyên	BM Hình Họa
408	Uông Quang Tuyến	BM Tự động hóa xí nghiệp
409	Đào Thị Tuyết	BM Pháp luật
410	Đào Thị Tuyết	BM Mạng máy tính
411	Nguyễn Hồng Vân	BM Ngoại ngữ
412	Trịnh Thị Vân	BM Ngoại ngữ
413	Đào Thị Thu Vân	BM HTTT&TT
414	Phạm Thị Hải Vân	BM Công nghệ phần mềm
415	Bùi Thị Thanh Vân	Trạm Y tế
416	Nguyễn Thị Hồng Vân	Phòng Công tác CT-SV
417	Nguyễn Thị Vân	Phòng ĐT Sau đại học
418	Phan Quang Văn	BM Kỹ thuật môi trường
419	Bùi Huy Văn	Phòng HCTH
420	Phạm Văn Việt	BM Khai thác lộ thiên
421	Lê Huy Việt	BM Kỹ thuật xây dựng

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị
422	Đặng Thị Vinh	BM Khoáng Thạch và ĐH
423	Lê Thị Vinh	BM Hóa
424	Trần Thị Tuyết Vinh	BM Bản đồ
425	Nguyễn Văn Vinh	BM Khoan - Khai thác
426	Tô Xuân Vu	BM Địa chất công trình
427	Nguyễn Khắc Anh Vũ	BM Giáo dục thể chất
428	Nguyễn Tuấn Vương	BM ĐLCMĐCSVN
429	Nguyễn Trường Xuân	BM Tin Trắc Địa
430	Nguyễn Bình Yên	BM Pháp luật
431	Lê Thị Yến	BM TT HCM
432	Nguyễn Thị Kim Yến	BM Địa chính
433	Nguyễn Thị Hải Yến	BM Tin học Địa chất
B. Tập thể		
1	Ban quản lý các dự án	
2	Phòng Cơ sở vật chất	
3	Phòng Công tác CT-SV	
4	Phòng Đào tạo Đại học	
5	Phòng ĐBCLGD	
6	Phòng ĐT Sau đại học	
7	Phòng Hợp tác quốc tế	
8	Phòng Kế hoạch tài chính	
9	Phòng Khoa học - Công nghệ	
10	Phòng QHCC và DN	
11	Phòng Tổ chức - Cán bộ	
12	Phòng Xuất bản	
13	Trạm Y tế	
14	TT Ngoại ngữ - Tin học	
15	TT Phân tích CNC	
16	TT Thông tin - Thư viện	
17	VP Chương trình tiến tiến	
18	VP Đảng - Đoàn thể	
19	Khoa Cơ - Điện	
20	BM Điện khí hóa XN	
21	BM Kỹ thuật Cơ khí	
22	BM Kỹ thuật điện - Điện tử	
23	BM Máy và TBCN	
24	BM Tự động hóa xí nghiệp	
25	Xưởng Cơ - Điện	
26	Khoa Công nghệ thông tin	
27	BM Khoa học máy tính	
28	BM Tin học Trắc Địa	
29	Phòng Thí nghiệm ĐTH	
30	Khoa Dầu khí	
31	BM Địa chất dầu khí	
32	BM Địa vật lý	
33	BM Khoan - Khai thác	
34	BM Lọc - Hóa dầu	
35	BM TBDK&CT	
36	Khoa Khoa học cơ bản	
37	BM Cơ lý thuyết	
38	BM Giáo dục thể chất	
39	BM Hình Họa	
40	BM Hóa	

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị
41	BM Ngoại ngữ	
42	BM Toán	
43	BM Vật lý	
44	Khoa Khoa học và KTĐC	
45	BM Địa chất	
46	BM Địa chất công trình	
47	BM Địa chất thủy văn	
48	BM Khoáng Thạch và ĐH	
49	BM Tìm kiếm thăm dò	
50	Khoa Kinh tế - QTKD	
51	BM Kế toán DN	
52	BM Kinh tế cơ sở	
53	BM QTDN ĐC-DK	
54	BM QTDN Mỏ	
55	Khoa Lý luận chính trị	
56	BM ĐLCMĐCSVN	
57	BM Nguyên lý CN Mác - Lênin	
58	BM Tư tưởng HCM	
59	Khoa Mỏ	
60	BM Khai thác hầm lò	
61	BM Khai thác lộ thiên	
62	BM Sức bền vật liệu	
63	BM Tuyển khoáng	
64	Khoa Môi trường	
65	BM Địa sinh thái &CNMT	
66	BM Kỹ thuật môi trường	
67	BM Môi trường cơ sở	
68	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	
69	BM Bản đồ	
70	BM Địa chính	
71	BM Đo ảnh và Viễn thám	
72	BM Trắc địa cao cấp	
73	BM Trắc địa công trình	
74	BM Trắc đia mỏ	
75	BM Trắc địa PT&SS	
76	Tổ máy trắc địa	
77	Khoa Xây dựng	
78	BM Kỹ thuật xây dựng	
79	BM Xây dựng HTCS	
80	BM XDCTN&Mỏ	
81	Khoa GDQP	
82	Bộ môn Đường lối quân sự	
83	Bộ môn Kỹ thuật quân sự	
III. Giấy khen Hiệu trưởng		
A. Cá nhân		
1	Đặng Vũ Chí	BM Khai thác hầm lò
2	Đặng Văn Chí	BM Tự động hóa xí nghiệp
3	Lê Văn Chiến	BM QTDN Mỏ
4	Vũ Thị Chinh	BM Tuyển khoáng
5	Trần Trung Chuyên	BM Tin Trắc Địa
6	Đinh Thị Lệ Hà	BM Trắc địa công trình
7	Lê Việt Hà	BM Tuyển khoáng
8	Lê Thị Thanh Hằng	BM Hình Họa

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị
9	Phạm Văn Hiệp	BM Bản đồ
10	Nguyễn Văn Hùng	BM Địa chất công trình
11	Đặng Quang Hưng	BM Khai thác hầm lò
12	Phạm Thu Hương	BM Kế toán DN
13	Phan Thiên Hương	BM Địa vật lý
14	Trần Thị Thu Hường	BM Địa sinh thái &CNMT
15	Phạm Thế Huynh	BM Địa chính
16	Phạm Quốc Khánh	BM Trắc địa công trình
17	Đặng Văn Kiên	BM XDCTN&Mỏ
18	Trần Viết Linh	BM Máy và TBCN
19	Kim Ngọc Linh	BM Kỹ thuật điện - Điện tử
20	Đỗ Văn Nhuận	BM Môi trường cơ sở
21	Phạm Thị Nhung	BM Tuyển khoáng
22	Nguyễn Văn Phóng	BM Địa chất công trình
23	Nguyễn Ngọc Phú	BM Tuyển khoáng
24	Nguyễn Văn Quang	BM Khai thác hầm lò
25	Ngô Hà Sơn	BM Lọc - Hóa dầu
26	Nguyễn Đức Thắng	BM QTDN Mỏ
27	Đinh Văn Thắng	BM Kỹ thuật điện - Điện tử
28	Lê Quí Thảo	BM Khai thác lộ thiên
29	Đặng Phương Thảo	BM Khai thác hầm lò
30	Trần Thị Thanh Thủy	BM Địa sinh thái &CNMT
31	Phạm Thị Thủy	BM Kỹ thuật Cơ khí
32	Hà Văn Thủy	Xưởng Cơ - Điện
33	Trần Trung Tới	BM Tuyển khoáng
34	Nguyễn Anh Tuấn	BM Khai thác lộ thiên
35	Nguyễn Sơn Tùng	BM Kỹ thuật Cơ khí
36	Phạm Văn Việt	BM Khai thác lộ thiên
B. Tập thể		
1	BM Công nghệ phần mềm	
2	BM HTTT&TT	
3	BM Mạng máy tính	
4	BM Tin học Kinh tế	
5	BM Địa chất dầu khí	
6	BM Hình Họa	
7	BM Hóa	
8	BM Ngoại ngữ	
9	BM Toán	
10	BM Vật lý	
11	Khoa Mỏ	
12	BM Khai thác hầm lò	
13	BM Khai thác lộ thiên	
14	BM Tuyển khoáng	
15	BM Địa chính	

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 884 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân năm học 2019 - 2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 809/QĐ-MĐC ngày 14/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 360/QĐ-MĐC ngày 09/4/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 832/QĐ-MĐC ngày 27/6/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc sửa đổi, bổ dung một số điều của Quy định đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 558/QĐ-MĐC ngày 30/6/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định Chế độ làm việc đối với viên chức giảng dạy và Quy định đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân;

Căn cứ Quyết định số 779/QĐ-MĐC ngày 14/6/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định chế độ làm việc đối với viên chức giảng dạy;

Căn cứ Kết luận cuộc họp của Hội đồng đánh giá, phân loại và thi đua, khen thưởng năm học 2019 - 2020 ngày 01/9/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân năm học 2019 - 2020 gồm các cá nhân và đơn vị có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông/bà Trưởng Phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các cán bộ có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2 (để thực hiện);
- Các Phó Hiệu trưởng (để p/hợp chỉ đạo);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu: HCTH, TCCB$_{(6)}$.

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Trần Thanh Hải



KẾT QUẢ PHÂN LOẠI, ĐÁNH GIÁ TẬP THỂ NĂM HỌC 2019 - 2020

(Kèm theo Quyết định số 884/QĐ-MĐC ngày 16 tháng 9 năm 2020) của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

TT	Đơn vị	Mức phân loại, đánh giá năm học
1	Phòng ĐTĐH	A+
2	Trạm Y tế	A+
3	TTDV	B+
4	P. KHTC	A+
5	Phòng Xuất Bản	A
6	TT NNTH	A
7	Phòng ĐT SĐH	A+
8	Văn phòng Chương trình tiên tiến	B+
9	HCTH	A+
10	Ban QLCDA	A+
11	P. HTQT	A+
12	Phòng CSVC	A
13	Phòng Tổ chức Cán bộ	A+
14	P. QHCC&DN	A
15	TTTT-TV	A+
16	Phòng Đảm bảo CLGD	A+
17	TT Phân tích, TN công nghệ cao	A
18	Phòng CTCTSV	A+
19	Văn phòng Đảng - Đoàn thể	A+
20	P.KHCN	A+
21	**Khoa Môi trường**	A+
	Bộ môn Địa sinh thái và Công nghệ môi trường	A+
	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường	A+
	Bộ môn Môi trường cơ sở	A
22	**Khoa Kinh tế - QTKD**	A+
	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A+
	Bộ môn Kinh tế cơ sở	A+
	Bộ môn QTKD Địa chất - Dầu khí	A+
	Bộ môn QTKD Mỏ	A+
23	**Khoa KHCB**	B
	Bộ môn Cơ lý thuyết	A+
	Bộ môn Giáo dục thể chất	A+
	Bộ môn Hình họa	A
	Bộ môn Hóa	A+
	Bộ môn Ngoại ngữ	A+
	Bộ môn Toán	B
	Bộ môn Vật lý	A+
24	**Khoa KH&KTĐC**	A+
	Bộ môn Địa chất	A
	Bộ môn Địa chất công trình	A+
	Bộ môn Địa chất Thủy văn	A+
	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa	A+
	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	A+
	Bảo tàng địa chất	B+
25	**Khoa Giáo dục QP**	A+

	Bộ môn Đường lối quận sự	A+
	Bộ môn Kỹ thuật quân sự	A+
26	**Khoa Xây dựng**	A+
	Bộ môn Kỹ thuật Xây dựng	A+
	Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ	A+
	Bộ môn Xây dựng Hạ tầng Cơ sở	A+
27	**Khoa Trắc địa-BĐ&QLĐĐ**	A+
	Bộ môn Bản đồ	A
	Bộ môn Địa chính	A+
	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám	A+
	Bộ môn Trắc địa Cao cấp	A+
	Bộ môn Trắc địa Công trình	A+
	Bộ môn Trắc địa Mỏ	A+
	Bộ môn Trắc địa Phổ thông	A
	Tổ máy trắc địa	A+
28	**Khoa Mỏ**	A+
	Bộ môn Khai thác hầm lò	A+
	Bộ môn Khai thác lộ thiên	A+
	Bộ môn Sức bền vật liệu	A+
	Bộ môn Tuyển khoáng	A+
29	**Khoa LLCT**	A+
	Bộ môn Kinh tế chính trị và Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam	A+
	Bộ môn Triết học và Pháp luật	A+
	Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và Chủ nghĩa xã hội khoa học	A+
30	**Khoa Dầu khí**	A+
	Bộ môn Địa chất dầu	A+
	Bộ môn Địa vật lý	A+
	Bộ môn Khoan - Khai thác	A+
	Bộ môn Lọc hóa dầu	A+
	Bộ môn Thiết bị dầu khí và công trình	A+
31	**Khoa Cơ - Điện**	B
	Bộ môn Điện khí hóa	A+
	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	A+
	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử	A+
	Bộ môn Máy và Thiết bị Công nghiệp	A+
	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ và Dầu khí	B
	Xưởng Cơ	B+
32	**Khoa CNTT**	A+
	Bộ môn Công nghệ phần mềm	A+
	Bộ môn Hệ thống thông tin và tri thức	A+
	Bộ môn Khoa học máy tính	A+
	Bộ môn Mạng máy tính	A+
	Bộ môn Tin học Địa chất	A
	Bộ môn Tin học Kinh tế	A+
	Bộ môn Tin học Trắc địa	A+
	Phòng Thí nghiệm Địa Tin học	A+

KẾT QUẢ PHÂN LOẠI, ĐÁNH GIÁ CÁ NHÂN NĂM HỌC 2019 - 2020

(Kèm theo Quyết định số 884 /QĐ-MĐC ngày 16 tháng 9 năm 2020) của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức phân loại, đánh giá năm học 2019 -
A	**Nhóm chuyên viên VP Khoa**		
1	Hà Thị Hiến	Văn phòng khoa KHCB	B+
2	Hồ Thanh Bình	Văn phòng khoa KH&KTĐC	B
3	Phan Thị Thùy Dương	Văn phòng khoa KH&KTĐC	A
4	Phạm Thị Châu Giang	Văn phòng Khoa Kinh tế	A
5	Nguyễn Thị Thu Dung	Văn phòng Khoa Kinh tế	A
6	Nguyễn Thị Liên	Văn phòng Khoa Cơ điện	A+
7	Đào Thị Hiền	Văn phòng Khoa Cơ điện	A
8	Hoàng Thu Trang	VPK Môi trường	A+
9	Nguyễn Thị Thu Hằng	VP Khoa DK	A
10	Nguyễn Thu Thủy	VP Khoa DK	A
11	Tạ Thị Thu Hường	VP Khoa TĐBĐ&QLĐĐ	A+
12	Nguyễn Thị Hà	VP Khoa TĐBĐ&QLĐĐ	B+
13	Hoàng Thị Nga	VP Khoa Mỏ	A
14	Nguyễn Thị Tuyết Mai	VP Khoa Mỏ	A+
15	Nguyễn Thị Hương	VP Khoa Xây dựng	A
16	Phạm Thanh Huyền	VP Khoa Xây dựng	B+
17	Nguyễn Thu Hương	VP Khoa LLCT	A+
18	Phạm Công Tú	VP Khoa GDQP	A+
19	Lê Thị Định	VP Khoa GDQP	B+
20	Nguyễn Đức Quân	VPK Khoa CNTT	B+
21	Nguyễn Thị Loan	VPK Khoa CNTT	A
B	**Nhóm chuyên viên Khối phòng ban**		
	Phòng Đào tạo Đại học		
22	Lại Kim Cương	Phòng ĐTĐH	A
23	Nguyễn Quốc Dũng	Phòng ĐTĐH	A
24	Nguyễn Văn Đức	Phòng ĐTĐH	A
25	Nguyễn Thị Thanh Loan	Phòng ĐTĐH	A
26	Bùi Thị Mai	Phòng ĐTĐH	A
27	Đào Duy Nam	Phòng ĐTĐH	B+
28	Phạm Thị Nguyên	Phòng ĐTĐH	A
29	Nguyễn Tuấn Thành	Phòng ĐTĐH	A+
30	Nguyễn Thị Minh Thu	Phòng ĐTĐH	A
31	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phòng ĐTĐH	A+
32	Đặng Thị Hồng Vân	Phòng ĐTĐH	A+
	Trạm Y tế		
33	Đỗ Thúy Mai	Trạm Y tế	A+
34	Nguyễn Thanh Huyền	Trạm Y tế	A
35	Bùi Thị Thanh Vân	Trạm Y tế	A
36	Nguyễn Thị Thu Thụy	Trạm Y tế	B+
37	Mai Ngọc Liên	Trạm Y tế	B+
	Trung tâm dịch vụ		

38	Đinh Hữu Khánh	TTDV	B+
39	Vũ Thế Hùng	TTDV	A
40	Nguyễn Văn Hùng	TTDV	B+
41	Nguyễn Văn Khẩn	TTDV	A
42	Nguyễn Xuân Thuận	TTDV	B+
43	Lê Thị Thanh Xuân	TTDV	A
44	Hà Tú Hương	TTDV	B+
45	Nguyễn Thị Hồng	TTDV	B+
46	Phan Thanh Chương	TTDV	B+
47	Phạm Thị Quy	TTDV	B+
48	Nguyễn Thị Thu	TTDV	A
49	Quách Thị Thu Phương	TTDV	KĐG
50	Đỗ Khắc Điệp	TTDV	B+
51	Nguyễn Thị Sim	TTDV	B+
52	Bùi Thị Kim Anh	TTDV	B+
53	Trần Thị Dược	TTDV	B+
54	Vũ Thị Phương Thùy	TTDV	B+
55	Nguyễn Mai Hà	TTDV	B+
56	Phạm Thị Thanh Tâm	TTDV	B+
	Phòng Kế hoạch tài chính		
57	Phạm Thị Thu Thủy	P. KHTC	A+
58	Phạm Thị Phương Chi	P. KHTC	A+
59	Quách Thị Nhịp	P. KHTC	A
60	Nhâm Quỳnh Giang	P. KHTC	A
61	Trương Thị Thanh Huyền	P. KHTC	A
62	Nguyễn Thu Hà	P. KHTC	A
63	Cao Thu Hoài	P. KHTC	A+
64	Nguyễn Thị Phương Thảo	P. KHTC	B+
65	Đỗ Thủy Trà My	P. KHTC	A
66	Phạm Tuyết Mai	P. KHTC	A
	Phòng Xuất bản		
67	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Phòng Xuất Bản	A
68	Vộ Thị Công Chính	Phòng Xuất Bản	A
69	Trịnh Trọng An	Phòng Xuất Bản	A
	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học		
70	Vũ Thị Hoài Thu	TT NNTH	A
71	Đỗ Thị Thanh Thủy	TT NNTH	B+
72	Trần Thị Thu Hiền	TT NNTH	B+
73	Ngô Huyền Giang	TT NNTH	A
	Phòng Đào tạo SĐH		
74	Hà Ngọc Kiên	Phòng ĐT SĐH	A
75	Hoàng T.Phương Dung	Phòng ĐT SĐH	A
76	Nguyễn Thị Vân	Phòng ĐT SĐH	A
77	Phạm Ngọc Hà	Phòng ĐT SĐH	A+
	Văn phòng Chương trình tiên tiến		
78	Phạm Quang Ba	Văn phòng Chương trình tiên tiến	B+
79	Vũ Thu Hường	Văn phòng Chương trình tiên tiến	A
80	Đỗ Thanh Dũng	Văn phòng Chương trình tiên tiến	B
	Phòng Hành chính - Tổng hợp		
81	Nguyễn Thị Thu Thảo	HCTH	A+
82	Nguyễn Thị Dàng	HCTH	A+
83	Nguyễn Minh Thu	HCTH	A+

84	Nguyễn Thị Thắm	HCTH	A+
85	Trần Thị Lan Phương	HCTH	A+
86	Nguyễn Thị Chi	HCTH	A
87	Nguyễn Thị Nga	HCTH	A
88	Nguyễn Ngọc Sự	HCTH	B+
89	Hoàng Văn Sinh	HCTH	A
90	Lý Hồng Khanh	HCTH	B+
91	Nguyễn Đức Toàn	HCTH	A
92	Phạm Trường Sơn	HCTH	B+
93	Nguyễn Quang Hải	HCTH	B+
94	Lê Hoài Nam	HCTH	B+
95	Trần Văn Huyên	HCTH	A
96	Phạm Văn Khương	HCTH	B+
97	Lưu Hữu Phước	HCTH	A
98	Dương Thành Quảng	HCTH	B+
99	Lê Đức Minh	HCTH	B+
100	Hàn Văn Tưởng	HCTH	B+
101	Chu Thế Mạnh	HCTH	B+
102	Lê Đức Cường	HCTH	A
103	Nguyễn Đức Năng	HCTH	A
104	Bùi Huy Văn	HCTH	A
105	Hà Ngọc Trường	HCTH	A
	Ban quản lý dự án		
106	Nguyễn Gia Khuê	Ban QLCDA	A+
107	Lại Thiên Nguyên	Ban QLCDA	A+
108	Nguyễn Tiến Dũng	Ban QLCDA	A+
109	Nguyễn Ngọc Dương	Ban QLCDA	A+
110	Nguyễn Thị Sơn	Ban QLCDA	B+
	Hợp tác quốc tế		
111	Nguyễn Thị Phương Thảo	P. HTQT	A+
	Phòng Cơ sở vật chất		
112	Huỳnh Thanh Tùng	Phòng CSVC	A
113	Nguyễn Thúy Hà	Phòng CSVC	A
114	Nguyễn Thế Tĩnh	Phòng CSVC	A
115	Nguyễn Thị Thu Hà	Phòng CSVC	A
116	Lê Tiến Dũng	Phòng CSVC	B+
117	Trần Thị Hương	Phòng CSVC	A
118	Nguyễn Duy Hiệp	Phòng CSVC	A
119	Tạ Văn Minh	Phòng CSVC	A
120	Ninh Ngọc Cương	Phòng CSVC	A
121	Nguyễn Đình Cường	Phòng CSVC	A
122	Nguyễn Thế	Phòng CSVC	A
123	Trần Thiện Căn	Phòng CSVC	B
124	Trịnh Thị Hợp	Phòng CSVC	A
125	Nguyễn Thị Thúy	Phòng CSVC	A
126	Trần Thị Thu Huyền	Phòng CSVC	A
127	Đoàn Thị Kim Quy	Phòng CSVC	B+
	Phòng Tổ chức - Cán bộ		
128	Vũ Duy Tấn	Phòng Tổ chức Cán bộ	A
129	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Phòng Tổ chức Cán bộ	A+
130	Hà Thị Liễu	Phòng Tổ chức Cán bộ	A
131	Lê Thị Thu	Phòng Tổ chức Cán bộ	A+

132	Đoàn Nguyễn Thanh Hương	Phòng Tổ chức Cán bộ	A
	Phòng Quan hệ Công chúng và DN		
133	Nguyễn Kim Chung	P. QHCC&DN	A+
134	Nguyễn Chí Hiếu	P. QHCC&DN	KĐG
135	Lê Chí Phúc	P. QHCC&DN	B+
136	Nguyễn Hồng Hạnh	P. QHCC&DN	A+
137	Đoàn Thị Luyên	P. QHCC&DN	A+
138	Nguyễn Thị Biên	P. QHCC&DN	B+
139	Trần Thị Thu Trang	P. QHCC&DN	A+
140	Nguyễn Thế Anh	P. QHCC&DN	B+
141	Đặng Lê Văn	P. QHCC&DN	A
	Trung tâm TT thư viện		
142	Nguyễn Hồng Trường	TTTT-TV	A+
143	Nguyễn Thị Hải Yến	TTTT-TV	A+
144	Nguyễn Thị Thu Thủy	TTTT-TV	A
145	Hoàng Thị Thúy	TTTT-TV	A+
146	Đỗ Lệ Chi	TTTT-TV	A
147	Hoàng Thị Nga	TTTT-TV	A
148	Đỗ Thị Mường	TTTT-TV	B+
149	Nguyễn Hữu Độ	TTTT-TV	A
150	Vũ Thị Ngọc	TTTT-TV	A
151	Đặng Ngọc Cương	TTTT-TV	A
152	Nguyễn Duy Hiếu	TTTT-TV	A
153	Phan Thị Phượng	TTTT-TV	A
154	Đào Thị Hồng Diệp	TTTT-TV	A
155	Ngô Thị Thanh Hương	TTTT-TV	B+
156	Hoàng Thị Hiền	TTTT-TV	A
157	Trần Văn Duy	TTTT-TV	A
158	Ngô Thị Hương Liên	TTTT-TV	B+
	Phòng Đảm bảo chất lượng giáo dục		
159	Dương Mai Yến	Phòng Đảm bảo CLGD	A+
160	Ngô Thái Vinh	Phòng Đảm bảo CLGD	A
161	Dương Thị Hồng Đài	Phòng Đảm bảo CLGD	A
162	Trần Văn Hiệp	Phòng Đảm bảo CLGD	A+
	TT Phân tích, TN công nghệ cao		
163	Trịnh Thế Lực	TT Phân tích, TN công nghệ cao	A+
	Phòng Công tác chính trị sinh viên		
164	Chu Thị Thúy Nga	Phòng CTCTSV	A
165	Phạm Thị Hương	Phòng CTCTSV	A
166	Đào Thị Thơm	Phòng CTCTSV	A+
167	Phan Thị Thúy	Phòng CTCTSV	A
168	Nguyễn Thùy Linh	Phòng CTCTSV	A+
169	Nguyễn Thị Hồng Vân	Phòng CTCTSV	A
170	Trương Thúy Hà	Phòng CTCTSV	A
	VP Bà Rịa VT		
171	Đồng Hữu Tiến	VP Bà Rịa VT	A+
172	Trần Thị Mai Hương	VP Bà Rịa VT	A
	Văn phòng Đảng - Đoàn thể		
173	Phạm Tố Uyên	Văn phòng Đảng-Đoàn thể	A+
174	Đặng Thị Hằng Nga	Văn phòng Đảng-Đoàn thể	A
175	Phạm Thị Việt Nga	Văn phòng Đảng-Đoàn thể	A
	Phòng Khoa học công nghệ		

176	Nguyễn Thị Ngọc Dung	P.KHCN	A+
177	Hoàng Thu Hằng	P.KHCN	A+
178	Nguyễn Thanh Hải	P.KHCN	A
179	Phạm Đức Nghiệp	P.KHCN	A
C	**Khối Kỹ sư**		
180	Phạm Thị Thanh Hải	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	A+
181	Kiều Thị Vân Anh	BM ĐCTV	A+
182	Phạm Thị Ngọc Hà	Bộ môn ĐCCT	A+
183	Phùng Hữu Hải	Bộ môn ĐCCT	A
184	Hà Thành Như	Khoáng Thạch và ĐH	A
185	Bùi Thị Thu Hiền	BM Địa chất	A
186	Vũ Thị Hiền	BTĐC	B+
187	Trần Thị Khánh Vân	Phòng Thực nghiệm	B+
188	Lê Thị Hồng Thắng	Bộ môn Máy &TBCN	A+
189	Hà Văn Thủy	Xưởng cơ điện	A
190	Đặng Viết Khuê	Xưởng cơ điện	B+
191	Chu Mạnh Cường	Xưởng cơ điện	B+
192	Lê T. Hồng Diệp	Xưởng cơ điện	B+
193	Đào Thị Thủy	Bộ môn Điện khí hóa	A
194	Phan Thị Mai Phương	Tự động hóa	A+
195	Nguyễn Thị Thu Huyền	BM Kỹ thuậtmôi trường	B+
196	Trần Văn Hữu	ĐVL	B+
197	Vũ Cúc Phương	TBDK&CT	B+
198	Trần Ngọc Tuân	LHD	B+
199	Lê Văn Nam	KKT	A+
200	Nguyễn Văn Vinh	KKT	A
201	Nguyễn Danh Đức	BM Bản đồ	A+
202	Nguyễn Thị Hiền	Địa chính	B
203	Trương Minh Hùng	Trắc địa phổ thông và sai số	A+
204	Trần Anh Tuấn	Trắc địa phổ thông và sai số	A+
205	Nguyễn Thế Hiệp	Tổ máy trắc địa	A+
206	Nguyễn Quang Thắng	Tổ máy trắc địa	A
207	Nguyễn Thị Mến	Tổ máy trắc địa	A+
208	Cù Thị Thu Hà	Tổ máy trắc địa	A
209	Đoàn Thị Nam Phương	Đo ảnh & viễn thám	B
210	Lê Việt Hà	TK	A+
211	Nguyễn Nam Hòa	SBVL	B+
212	Đinh Thị Thanh Nhàn	KTHL	A+
213	Nhữ Văn Phúc	KTLT	B
214	Lê Thị Hải	KTLT	B+
215	Phạm Thị Yến	XD CTN&M	B+
216	Ngọ Thị Hương Trang	XD HTCS	A
217	Bùi Thị Ánh Nguyệt	Tin học Địa chất	A
218	Trần Thị Như Hoa	HTTT&TT	A
219	Diêm Thị Thùy	Tin Trắc địa	B+
220	Nguyễn Thị Phấn	Tin Trắc địa	B+
221	Phạm Hữu Lợi	Phòng TN ĐTH	A+
222	Đào Thị Hồng Thắm	Phòng TN ĐTH	A
223	Trần Thị Hải Vân	Phòng TN ĐTH	A+
224	Đào Thị Tuyết	Mạng máy tính	A
225	Vũ Thị Kim Liên	Tin học kinh tế	A+
226	Phạm Thị Hải Vân	CNPM	B+

KẾT QUẢ PHÂN LOẠI, ĐÁNH GIÁ CÁ NHÂN NĂM HỌC 2019 - 2020

(Kèm theo Quyết định số 884/QĐ-MĐC ngày 16 tháng 9 năm 2020) của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

TT	Mã giảng viên	Họ và tên	Đơn vị quản lý	Mức phân loại đánh giá năm học 2019 - 2020
1	0408-13	Đỗ Văn Bình	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT	A+
2	0408-03	Trần Thị Kim Hà	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT	B+
3	0408-10	Nguyễn Quang Minh	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT	B+
4	0408-14	Vũ Thị Phương Thảo	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT	A
5	0408-06	Trần Thị Thu Hương	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT	A+
6	0408-05	Phạm Khánh Huy	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT	A
7	0408-08	Trần Thị Thanh Thủy	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT	A
8	0408-11	Đỗ Thị Hải	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT	A+
9	0408-07	Nguyễn Mai Hoa	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT	A
10	0408-09	Đỗ Cao Cường	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT	A
11	0408-12	Trần Anh Quân	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT	A+
12	0408-02	Đào Đình Thuần	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường	A+
13	0302-08	Phan Quang Văn	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường	A+
14	0103-15	Nguyễn Hoàng Nam	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường	A+
15	1103-04	Đặng Thị Ngọc Thủy	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường	B+
16	1103-05	Đào Trung Thành	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường	A
17	1103-06	Nguyễn Thị Hòa	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường	A
18	1103-07	Nguyễn Thị Hồng	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường	B+
19	1103-09	Nguyễn Phương Đông	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường	A+
20	1103-10	Trần Thị Ngọc	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường	A
21	0402-01	Nguyễn Phương	Bộ môn Môi trường cơ sở	A+
22	0403-09	Đỗ Văn Nhuận	Bộ môn Môi trường cơ sở	B+
23	0601-06	Nguyễn Văn Dũng	Bộ môn Môi trường cơ sở	A+
24	1101-03	Nguyễn Quốc Phi	Bộ môn Môi trường cơ sở	A+
25	0103-02	Hoàng Thị Chung	Bộ môn Môi trường cơ sở	B
26	0407-06	Nguyễn Văn Bình	Bộ môn Môi trường cơ sở	A+
27	0402-12	Nguyễn Thị Cúc	Bộ môn Môi trường cơ sở	A
28	1101-09	Vũ Thị Lan Anh	Bộ môn Môi trường cơ sở	A+
29	1101-08	Phan Thị Mai Hoa	Bộ môn Môi trường cơ sở	A
30	0704-01	Nguyễn Duy Lạc	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A+
31	0704-02	Bùi Thị Thu Thủy	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A+
32	0704-03	Nguyễn Thị Bích Phượng	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A+

33	0704-04	Nguyễn Thị Kim Oanh	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A+
34	0704-05	Phí Thị Kim Thư	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A+
35	0704-07	Phạm Thị Hồng Hạnh	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A+
36	0704-06	Lưu Thị Thu Hà	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A+
37	0704-08	Nguyễn Tiến Hưng	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A+
38	0902-09	Phạm Minh Hải	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A
39	0704-11	Dương Thị Nhàn	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A+
40	0704-10	Phạm Thu Hương	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A+
41	0704-14	Hoàng Thị Thủy	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A
42	0704-16	Lê Thị Thu Hồng	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A
43	0704-13	Nguyễn Thị Minh Thu	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A+
44	0704-17	Nguyễn Thị Huyền Trang	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A+
45	0704-19	Phan Minh QUang	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A+
46	0702-02	Nguyễn Văn Bưởi	Bộ môn Kinh tế cơ sở	A+
47	0701-02	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Bộ môn Kinh tế cơ sở	A+
48	0701-03	Nguyễn Thị Hồng Loan	Bộ môn Kinh tế cơ sở	A+
49	0701-05	Phí Mạnh Cường	Bộ môn Kinh tế cơ sở	A+
50	0701-04	Trần Anh Dũng	Bộ môn Kinh tế cơ sở	A
51	0701-06	Vũ Diệp Anh	Bộ môn Kinh tế cơ sở	A+
52	0701-07	Phạm Thu Trang	Bộ môn Kinh tế cơ sở	A
53	0701-10	Nguyễn Thanh Thảo	Bộ môn Kinh tế cơ sở	A
54	0701-09	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Bộ môn Kinh tế cơ sở	A+
55	0701-08	Vũ Thị Hiền	Bộ môn Kinh tế cơ sở	A
56	0703-02	Đỗ Hữu Tùng	Bộ môn QTKD Địa chất - Dầu khí	A+
57	0703-03	Phan Thị Thái	Bộ môn QTKD Địa chất - Dầu khí	A+
58	0703-04	Nguyễn Thị Kim Ngân	Bộ môn QTKD Địa chất - Dầu khí	A+
59	0703-05	Nguyễn Thanh Thủy	Bộ môn QTKD Địa chất - Dầu khí	A+
60	0703-07	Lê Minh Thống	Bộ môn QTKD Địa chất - Dầu khí	A+
61	0703-09	Nguyễn Thu Hà	Bộ môn QTKD Địa chất - Dầu khí	A
62	0703-08	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	Bộ môn QTKD Địa chất - Dầu khí	A+
63	0703-10	Phạm Ngọc Tuấn	Bộ môn QTKD Địa chất - Dầu khí	A
64	0702-01	Đặng Huy Thái	Bộ môn QTKD Mỏ	A
65	0702-03	Đào Anh Tuấn	Bộ môn QTKD Mỏ	A+
66	0702-04	Nguyễn Thị Hoài Nga	Bộ môn QTKD Mỏ	A+
67	0702-05	Đồng Thị Bích	Bộ môn QTKD Mỏ	A+
68	0702-06	Nguyễn Ngọc Khánh	Bộ môn QTKD Mỏ	A+
69	0702-07	Lê Thị Thu Hường	Bộ môn QTKD Mỏ	A
70	0702-09	Phan Thị Thùy Linh	Bộ môn QTKD Mỏ	A
71	0702-10	Nguyễn Đức Thắng	Bộ môn QTKD Mỏ	A+
72	0702-12	Lê Đình Chiều	Bộ môn QTKD Mỏ	A+

73	0702-11	Nguyễn Thị Hường	Bộ môn QTKD Mỏ	A
74	0702-13	Phạm Kiên Trung	Bộ môn QTKD Mỏ	A+
75	0702-14	Nguyễn Văn Thưởng	Bộ môn QTKD Mỏ	A
76	0702-15	Lê Văn Chiến	Bộ môn QTKD Mỏ	A+
77	0105-01	Trần Đình Sơn	Bộ môn Cơ lý thuyết	A
78	0105-03	Trần Thị Trâm	Bộ môn Cơ lý thuyết	B+
79	0105-07	Bùi Thị Thúy	Bộ môn Cơ lý thuyết	A
80	0105-09	Phạm Ngọc Chung	Bộ môn Cơ lý thuyết	A+
81	0105-10	Đinh Công Đạt	Bộ môn Cơ lý thuyết	A
82	0107-02	Nguyễn Quang Huy	Bộ môn Giáo dục thể chất	A
83	0107-05	Thái Việt Hưng	Bộ môn Giáo dục thể chất	A
84	0107-08	Lương Anh Hùng	Bộ môn Giáo dục thể chất	A+
85	0107-10	Lê Viết Tuấn	Bộ môn Giáo dục thể chất	A+
86	0107-12	Lã Ngọc Linh	Bộ môn Giáo dục thể chất	A+
87	0107-17	Trần Lan Hương	Bộ môn Giáo dục thể chất	A
88	0107-15	Nguyễn Huy Thông	Bộ môn Giáo dục thể chất	A+
89	0107-21	Vũ Thị Hương Giang	Bộ môn Giáo dục thể chất	B+
90	0107-19	Nguyễn Trường Đông	Bộ môn Giáo dục thể chất	A
91	0107-20	Chu Thị Hồng Hạnh	Bộ môn Giáo dục thể chất	A
92	0104-01	Trần Hồng Hải	Bộ môn Hình họa	A
93	0104-04	Lê Thị Thanh Hằng	Bộ môn Hình họa	A
94	0104-05	Vũ Hữu Tuyên	Bộ môn Hình họa	B+
95	0104-08	Đỗ Việt Anh	Bộ môn Hình họa	B+
96	0104-06	Hoàng Văn Tài	Bộ môn Hình họa	B+
97	0104-07	Phạm Thị Mai Anh	Bộ môn Hình họa	B+
98	0103-09	Nguyễn Thu Hà	Bộ môn Hóa	B+
99	0103-10	Đỗ Thị Hải	Bộ môn Hóa	B+
100	0103-12	Hà Mạnh Hùng	Bộ môn Hóa	A+
101	0103-16	Vũ Kim Thư	Bộ môn Hóa	A+
102	0103-21	Lê Thị Vinh	Bộ môn Hóa	A
103	0103-08	Nguyễn Mạnh Hà	Bộ môn Hóa	A
104	0103-06	Lê Thị Duyên	Bộ môn Hóa	A
105	0103-07	Nguyễn Đình Độ	Bộ môn Hóa	B+
106	0103-18	Lê Thị Phương Thảo	Bộ môn Hóa	A
107	0103-24	Vũ Thị Minh Hồng	Bộ môn Hóa	A
108	0103-13	Nguyễn Thị Thu Hiền	Bộ môn Hóa	B+
109	0103-20	Vũ Duy Thịnh	Bộ môn Hóa	A
110	0103-05	Phạm Tiến Dũng	Bộ môn Hóa	B+
111	0103-03	Công Tiến Dũng	Bộ môn Hóa	A+
112	0103-11	Võ Thị Hạnh	Bộ môn Hóa	B+

113	0103-25	Nguyễn Viết Hùng	Bộ môn Hóa	A+
114	0103-26	Nguyễn Thị Kim Thoa	Bộ môn Hóa	B+
115	0106-08	Cao Xuân Hiển	Bộ môn Ngoại ngữ	A
116	0405-19	Vũ Thái Linh	Bộ môn Ngoại ngữ	A
117	0106-07	Nguyễn Mộng Lân	Bộ môn Ngoại ngữ	A
118	0106-09	Trần Đình Thước	Bộ môn Ngoại ngữ	A
119	0106-11	Nguyễn Thị Thu Phúc	Bộ môn Ngoại ngữ	A
120	0106-15	Trương Thị Thanh Thủy	Bộ môn Ngoại ngữ	A+
121	0106-23	Đặng Thanh Mai	Bộ môn Ngoại ngữ	A
122	0106-13	Nguyễn Hồng Vân	Bộ môn Ngoại ngữ	A+
123	0106-12	Lê Thị Thúy Hà	Bộ môn Ngoại ngữ	A
124	0106-17	Nguyễn Thị Nguyệt ánh	Bộ môn Ngoại ngữ	A
125	0106-14	Dương Thúy Hường	Bộ môn Ngoại ngữ	A+
126	0106-16	Nguyễn Thị Thảo	Bộ môn Ngoại ngữ	A
127	0106-22	Vũ Thanh Tâm	Bộ môn Ngoại ngữ	A
128	0106-19	Nguyễn ánh Hoa	Bộ môn Ngoại ngữ	A
129	0106-20	Trịnh Thị Vân	Bộ môn Ngoại ngữ	A
130	0106-24	Nguyễn Đạo Lý Nhân Phúc	Bộ môn Ngoại ngữ	B+
131	0106-21	Nguyễn Thị Cúc	Bộ môn Ngoại ngữ	A+
132	0101-04	Nguyễn Văn Ngọc	Bộ môn Toán	A
133	0101-09	Nguyễn Thị Hằng	Bộ môn Toán	A+
134	0101-10	Đào Xuân Hưng	Bộ môn Toán	B+
135	0101-12	Nguyễn Thị Lan Hương	Bộ môn Toán	A+
136	0101-17	Phạm Tuấn Cường	Bộ môn Toán	A+
137	0101-11	Nguyễn Trường Thanh	Bộ môn Toán	A+
138	0101-18	Phạm Ngọc Anh	Bộ môn Toán	A
139	0101-21	Nguyễn Thị Kim Sơn	Bộ môn Toán	A
140	0101-25	Hoàng Ngự Huấn	Bộ môn Toán	A+
141	0101-24	Lê Bích Phượng	Bộ môn Toán	A+
142		Hà Hữu Cao Trình	Bộ môn Toán	C
143	0101-22	Nguyễn Thế Lâm	Bộ môn Toán	A
144	0101-19	Nguyễn Thu Hằng	Bộ môn Toán	A
145	0101-20	Lê Thị Hương Giang	Bộ môn Toán	A
146	0101-23	Nguyễn Thị Hiền	Bộ môn Toán	A
147	0101-26	Nguyễn Thùy Linh	Bộ môn Toán	A+
148	0102-04	Vũ Bá Dũng	Bộ môn Vật lý	A
149	0102-01	Hồ Quỳnh Anh	Bộ môn Vật lý	B+
150	0102-10	Dư Thị Xuân Thảo	Bộ môn Vật lý	A
151	0102-11	Nguyễn Thị Diệu Thu	Bộ môn Vật lý	A
152	0102-13	Lê Đắc Tuyên	Bộ môn Vật lý	A+

153	0102-07	Nguyễn Mạnh Hùng	Bộ môn Vật lý	A+
154	0102-15	Tống Bá Tuấn	Bộ môn Vật lý	A
155	0102-06	Đỗ Thị Hồng Hải	Bộ môn Vật lý	A
156	0102-16	Đào Việt Thắng	Bộ môn Vật lý	A+
157	0102-03	Nguyễn Xuân Chung	Bộ môn Vật lý	B+
158	0102-14	Trần Thị Hà	Bộ môn Vật lý	A+
159	0102-17	Nguyễn Thị Hậu	Bộ môn Vật lý	A+
160	0401-06	Trần Thanh Hải	Bộ môn Địa chất	A+
161	0401-09	Nguyễn Quốc Hưng	Bộ môn Địa chất	A
162	0401-13	Ngô Xuân Thành	Bộ môn Địa chất	A+
163	0401-02	Ngô Thị KIm Chi	Bộ môn Địa chất	A
164	0401-21	Nguyễn Hữu Hiệp	Bộ môn Địa chất	A+
165	0401-18	Hoàng Đình Quế	Bộ môn Địa chất	B
166	0401-26	Bùi Vinh Hậu	Bộ môn Địa chất	B+
167	0401-24	Phan Văn Bình	Bộ môn Địa chất	B+
168	0405-05	Tô Xuân Vu	Bộ môn Địa chất công trình	A
169	0405-03	Lê Trọng Thắng	Bộ môn Địa chất công trình	A
170	0405-09	Phạm Minh Tuấn	Bộ môn Địa chất công trình	B+
171	0405-10	Bùi Trường Sơn	Bộ môn Địa chất công trình	A+
172	0405-11	Nguyễn Văn Phóng	Bộ môn Địa chất công trình	A+
173	0405-12	Nguyễn Thị Nụ	Bộ môn Địa chất công trình	A+
174	0405-14	Nhữ Việt Hà	Bộ môn Địa chất công trình	A+
175	0405-22	Nguyễn Thành Dương	Bộ môn Địa chất công trình	A+
176	0405-24	Nguyễn Văn Hùng	Bộ môn Địa chất công trình	A+
177	0406-03	Nguyễn Văn Lâm	Bộ môn Địa chất Thủy văn	A+
178	0406-06	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Bộ môn Địa chất Thủy văn	B+
179	0406-07	Dương Thị Thanh Thủy	Bộ môn Địa chất Thủy văn	B+
180	0406-09	Vũ Thu Hiền	Bộ môn Địa chất Thủy văn	B+
181	0406-10	Nguyễn Bách Thảo	Bộ môn Địa chất Thủy văn	A+
182	0406-11	Trần Vũ Long	Bộ môn Địa chất Thủy văn	A
183	0406-15	Đào Đức Bằng	Bộ môn Địa chất Thủy văn	A
184	0403-04	Lê Tiến Dũng	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa	A
185	0403-06	Nguyễn Khắc Giảng	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa	A
186	0403-01	Phạm Thị Vân Anh	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa	A
187		Phạm Trường Sinh	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa	B+
188	0403-16	Đặng Thị Vinh	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa	B+
189	0403-03	Tô Xuân Bản	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa	A+
190	0403-12	Nguyễn Trung Thành	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa	B+
191	0403-17	Lê Thị Ngọc Tú	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa	A
192	0402-03	Nguyễn Tiến Dũng	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	A+

193	0402-04	Lương Quang Khang	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	A+
194	0404-05	Lê Thị Thu	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	B+
195	0407-04	Tạ Thị Toán	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	B+
196	0402-06	Bùi Hoàng Bắc	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	A+
197	0402-07	Phan Viết Sơn	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	A
198	0402-08	Khương Thế Hùng	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	A+
199	0407-03	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	A+
200	0404-07	Hoàng Thị Thoa	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	B+
201	0407-08	Phạm Thị Thanh Hiền	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	B+
202	0402-11	Đỗ Mạnh An	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	A
203	0407-10	Nguyễn Khắc Du	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	B+
204	0402-15	Bùi Thanh Tịnh	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	A
205	3001-01	Phạm Quốc Đảm	Khoa Giáo dục QP	A+
206	3001-03	Nguyễn Văn Quảng	Khoa Giáo dục QP	A
207	3001-05	Trần Bắc Bộ	Khoa Giáo dục QP	A+
208	3001-06	Hoàng Xuân Trường	Khoa Giáo dục QP	A+
209	3002-03	Trần Văn Độ	Khoa Giáo dục QP	A+
210	3002-04	Vũ Quang Hay	Khoa Giáo dục QP	A+
211	3002-05	Nguyễn Văn Phong	Khoa Giáo dục QP	A+
212	3002-06	Trần Thanh Hanh	Khoa Giáo dục QP	A
213	3002-09	Nghiêm Công Đĩnh	Khoa Giáo dục QP	B+
214	0303-35	Nguyễn Xuân Mãn	Bộ môn Kỹ thuật Xây dựng	A+
215	0303-08	Nguyễn Văn Mạnh	Bộ môn Kỹ thuật Xây dựng	A+
216	0303-26	Bùi Văn Đức	Bộ môn Kỹ thuật Xây dựng	A+
217	1002-02	Tăng Văn Lâm	Bộ môn Kỹ thuật Xây dựng	A+
218	0303-15	Phạm Thị Nhàn	Bộ môn Kỹ thuật Xây dựng	A+
219	0303-01	Võ Trọng Hùng	Bộ môn Xây dựng CTN&M	A+
220	0303-05	Ngô Doãn Hào	Bộ môn Xây dựng CTN&M	A
221	0303-07	Đỗ Ngọc Anh	Bộ môn Xây dựng CTN&M	A+
222	0303-09	Đặng Trung Thành	Bộ môn Xây dựng CTN&M	A+
223	0303-17	Nguyễn Duyên Phong	Bộ môn Xây dựng CTN&M	A+
224	0303-10	Đặng Văn Kiên	Bộ môn Xây dựng CTN&M	A+
225	0303-12	Đào Viết Đoàn	Bộ môn Xây dựng CTN&M	A+
226	0303-11	Trần Tuấn MInh	Bộ môn Xây dựng CTN&M	A+
227	0303-20	Nguyễn Chí Thành	Bộ môn Xây dựng CTN&M	A
228	0303-19	Đỗ Ngọc Thái	Bộ môn Xây dựng CTN&M	A+
229	0405-04	Tạ Đức Thịnh	Bộ môn Xây dựng Hạ tầng Cơ sở	A
230	0303-25	Hoàng Đình Phúc	Bộ môn Xây dựng Hạ tầng Cơ sở	A
231	1003-04	Phạm Văn Hùng	Bộ môn Xây dựng Hạ tầng Cơ sở	A+
232	0303-21	Vũ Minh Ngạn	Bộ môn Xây dựng Hạ tầng Cơ sở	A+

233	1003-02	Nguyễn Trọng Dũng	Bộ môn Xây dựng Hạ tầng Cơ sở	A+
234	0303-24	Phạm Đức Thọ	Bộ môn Xây dựng Hạ tầng Cơ sở	A+
235		Đặng Quang Huy	Bộ môn Xây dựng Hạ tầng Cơ sở	KĐG
236	1003-05	Bùi Anh Thắng	Bộ môn Xây dựng Hạ tầng Cơ sở	A+
237	0507-04	Đỗ Thị Phương Thảo	Bộ môn Bản đồ	A+
238	0507-06	Bùi Ngọc Quý	Bộ môn Bản đồ	A+
239	0507-05	Trần Quỳnh An	Bộ môn Bản đồ	A
240	0507-11	Phạm Văn Hiệp	Bộ môn Bản đồ	A
241	0507-07	Dương Anh Quân	Bộ môn Bản đồ	A
242	0507-08	Trần Thị Tuyết Vinh	Bộ môn Bản đồ	B+
243	0507-12	Nguyễn Văn Lợi	Bộ môn Bản đồ	B
244	0506-03	Trần Thùy Dương	Bộ môn Địa chính	A+
245	0506-04	Nguyễn Thị Dung	Bộ môn Địa chính	A
246	0506-05	Trần Đình Thành	Bộ môn Địa chính	B+
247	0506-09	Phạm Thị Kim Thoa	Bộ môn Địa chính	A
248	0506-06	Nguyễn Thị Kim Yến	Bộ môn Địa chính	A
249	0506-07	Nguyễn Thế Công	Bộ môn Địa chính	A
250	0506-08	Phạm Thế Huynh	Bộ môn Địa chính	A
251	0506-12	Đinh Hải Nam	Bộ môn Địa chính	B+
252	0506-10	Đặng Thị Hoàng Nga	Bộ môn Địa chính	B+
253	0506-13	Trần Xuân Miễn	Bộ môn Địa chính	A
254	0506-14	Phùng Minh Sơn	Bộ môn Địa chính	B+
255	0503-02	Trần Đình Trí	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám	A
256	0503-04	Trần Vân Anh	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám	A+
257	0503-13	Trần Xuân Trường	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám	A+
258	0503-15	Nguyễn Văn Trung	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám	A
259	0503-05	Trần Trung Anh	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám	A
260	0503-10	Trần Thanh Hà	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám	A+
261	0503-07	Trần Hồng Hạnh	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám	A
262	0503-17	Lê Thanh Nghị	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám	A
263	0503-19	Phạm Thị Thanh Hòa	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám	A
264	0502-08	Dương Vân Phong	Bộ môn Trắc địa Cao cấp	A+
265	0502-09	Nguyễn Văn Sáng	Bộ môn Trắc địa Cao cấp	A+
266	0502-14	Nguyễn Gia Trọng	Bộ môn Trắc địa Cao cấp	A
267	0502-11	Lê Thị Thanh Tâm	Bộ môn Trắc địa Cao cấp	B+
268	0502-17	Phạm Ngọc Quang	Bộ môn Trắc địa Cao cấp	B+
269	0501-01	Trần Khánh	Bộ môn Trắc địa Công trình	A
270	0501-03	Nguyễn Quang Phúc	Bộ môn Trắc địa Công trình	B+
271	0501-02	Nguyễn Quang Thắng	Bộ môn Trắc địa Công trình	A
272	0501-04	Trần Viết Tuấn	Bộ môn Trắc địa Công trình	A

273	0501-07	Nguyễn Việt Hà	Bộ môn Trắc địa Công trình	A+
274	0501-08	Đinh Thị Lệ Hà	Bộ môn Trắc địa Công trình	B+
275	0501-10	Lê Đức Tình	Bộ môn Trắc địa Công trình	A
276	0501-09	Phạm Quốc Khánh	Bộ môn Trắc địa Công trình	A+
277	0501-11	Nguyễn Hà	Bộ môn Trắc địa Công trình	A
278	0501-14	Nguyễn Thị Kim Thanh	Bộ môn Trắc địa Công trình	A
279	0501-15	Trần Thùy Linh	Bộ môn Trắc địa Công trình	A
280	0505-03	Vương Trọng Kha	Bộ môn Trắc địa Mỏ	A
281	0505-04	Phạm Công Khải	Bộ môn Trắc địa Mỏ	A+
282	0505-05	Lê Thị Thu Hà	Bộ môn Trắc địa Mỏ	A+
283	0505-08	Võ Ngọc Dũng	Bộ môn Trắc địa Mỏ	A
284	0505-07	Nguyễn Quốc Long	Bộ môn Trắc địa Mỏ	A+
285	0505-10	Phạm Văn Chung	Bộ môn Trắc địa Mỏ	A+
286	0505-06	Nguyễn Viết Nghĩa	Bộ môn Trắc địa Mỏ	A+
287	0505-09	Phạm Thị Làn	Bộ môn Trắc địa Mỏ	A+
288	0505-30	Cao Xuân Cường	Bộ môn Trắc địa Mỏ	A
289	0505-11	Lê Văn Cảnh	Bộ môn Trắc địa Mỏ	A+
290	0504-02	Đinh Công Hòa	Bộ môn Trắc địa Phổ thông	B+
291	0504-01	Hoàng Ngọc Hà	Bộ môn Trắc địa Phổ thông	A
292	0504-03	Nguyễn Quang Minh	Bộ môn Trắc địa Phổ thông	A
293	0504-09	Hoàng Anh Tuấn	Bộ môn Trắc địa Phổ thông	B
294	0504-06	Hoàng Thị Thủy	Bộ môn Trắc địa Phổ thông	A
295	0504-10	Lưu Anh Tuấn	Bộ môn Trắc địa Phổ thông	A
296	0504-07	Dương Thành Trung	Bộ môn Trắc địa Phổ thông	A
297	0504-08	Nguyễn Thị Thu Hương	Bộ môn Trắc địa Phổ thông	B+
298	0504-14	Lê Ngọc Giang	Bộ môn Trắc địa Phổ thông	B+
299	0302-05	Trần Văn Thanh	Bộ môn Khai thác hầm lò	A
300	0302-09	Nguyễn Cao Khải	Bộ môn Khai thác hầm lò	A+
301	0302-10	Đỗ Anh Sơn	Bộ môn Khai thác hầm lò	B+
302	0302-11	Vũ Trung Tiến	Bộ môn Khai thác hầm lò	A+
303	0302-17	Bùi Mạnh Tùng	Bộ môn Khai thác hầm lò	A+
304	0302-12	Phạm Đức Hưng	Bộ môn Khai thác hầm lò	A
305	0302-13	Đào Văn Chi	Bộ môn Khai thác hầm lò	A+
306	0302-14	Nguyễn Phi Hùng	Bộ môn Khai thác hầm lò	A+
307	0302-18	Nguyễn Văn Thịnh	Bộ môn Khai thác hầm lò	A+
308	0302-15	Đặng Quang Hưng	Bộ môn Khai thác hầm lò	B+
309	0302-19	Nguyễn Hồng Cường	Bộ môn Khai thác hầm lò	B+
310	0302-16	Lê Tiến Dũng	Bộ môn Khai thác hầm lò	A+
311	0302-24	Vũ Thái Tiến Dũng	Bộ môn Khai thác hầm lò	A
312	0302-21	Nguyễn Văn Quang	Bộ môn Khai thác hầm lò	A+

313	0302-23	Đặng Phương Thảo	Bộ môn Khai thác hầm lò	B+
314	0301-06	Lê Thị Thu Hoa	Bộ môn Khai thác lộ thiên	A
315	0301-04	Bùi Xuân Nam	Bộ môn Khai thác lộ thiên	A+
316	0301-09	Nguyễn Đình An	Bộ môn Khai thác lộ thiên	A
317	0301-07	Phạm Văn Hòa	Bộ môn Khai thác lộ thiên	A+
318	0301-10	Vũ Đình Hiếu	Bộ môn Khai thác lộ thiên	B+
319	0301-11	Nguyễn Anh Tuấn	Bộ môn Khai thác lộ thiên	A+
320	0301-14	Trần Quang Hiếu	Bộ môn Khai thác lộ thiên	A+
321	0301-15	Lê Quí Thảo	Bộ môn Khai thác lộ thiên	A
322	0301-16	Phạm Văn Việt	Bộ môn Khai thác lộ thiên	A
323	0301-17	Trần Đình Bão	Bộ môn Khai thác lộ thiên	B+
324	0301-20	Nguyễn Hoàng	Bộ môn Khai thác lộ thiên	A+
325	0305-04	Nguyễn Viết Thắng	Bộ môn Sức bền vật liệu	A
326	0305-05	Nguyễn Như Hùng	Bộ môn Sức bền vật liệu	A
327	0305-07	Đỗ Ngọc Tú	Bộ môn Sức bền vật liệu	A
328	0305-11	Đinh Thị Thu Hà	Bộ môn Sức bền vật liệu	A
329	0305-10	Trần Mạnh Tiến	Bộ môn Sức bền vật liệu	A+
330	0304-05	Nguyễn Ngọc Phú	Bộ môn Tuyển khoáng	A+
331	0304-04	Nguyễn Hoàng Sơn	Bộ môn Tuyển khoáng	A+
332	0304-06	Nhữ Thị Kim Dung	Bộ môn Tuyển khoáng	A+
333	0304-07	Phạm Văn Luận	Bộ môn Tuyển khoáng	A+
334	0304-08	Vũ Thị Chinh	Bộ môn Tuyển khoáng	A+
335	0304-09	Trần Trung Tới	Bộ môn Tuyển khoáng	A+
336	0304-15	Trần Văn Được	Bộ môn Tuyển khoáng	A+
337	0304-14	Phạm Thị Nhung	Bộ môn Tuyển khoáng	A
338	0304-13	Phùng Tiến Thuật	Bộ môn Tuyển khoáng	B+
339	0203-05	Lê Quốc Hiệp	Bộ môn Kinh tế chính trị và Lịch sử đ	A+
340	0203-03	Nguyễn Thị Thu Hương	Bộ môn Kinh tế chính trị và Lịch sử đ	A+
341	0203-02	Đặng Thị Thanh Trâm	Bộ môn Kinh tế chính trị và Lịch sử đ	A+
342	0201-08	Phí Mạnh Phong	Bộ môn Kinh tế chính trị và Lịch sử đ	A+
343	0203-04	Nguyễn Thị Thúy Hà	Bộ môn Kinh tế chính trị và Lịch sử đ	A+
344	0203-06	Nguyễn Tuấn Vương	Bộ môn Kinh tế chính trị và Lịch sử đ	A+
345	0204-01	Dương Thị Tuyết Nhung	Bộ môn Triết học và Pháp luật	A
346	0201-10	Nguyễn Thi Phương	Bộ môn Triết học và Pháp luật	A+
347	0201-09	Trần Thị Lan Hương	Bộ môn Triết học và Pháp luật	A+
348	0201-12	Bùi Thị Thùy Dương	Bộ môn Triết học và Pháp luật	B+
349	0201-13	Ngô Văn Hưởng	Bộ môn Triết học và Pháp luật	A+
350	0201-14	Đào Thị Tuyết	Bộ môn Triết học và Pháp luật	A
351	0201-15	Nguyễn Lê Hà Giang	Bộ môn Triết học và Pháp luật	A
352	0202-04	Nguyễn Thị Kim Dung	Bộ môn Tư tưởng HCM&CNXHKH	A+

353	0202-03	Trần Thị Phúc An	Bộ môn Tư tưởng HCM&CNXHKH	A+
354	0202-05	Đỗ Thị Vân Hà	Bộ môn Tư tưởng HCM&CNXHKH	A+
355	0202-06	Lê Thị Yến	Bộ môn Tư tưởng HCM&CNXHKH	A+
356	0602-05	Nguyễn Thị Minh Hồng	Bộ môn Địa chất dầu	B+
357	0602-06	Phạm Văn Tuấn	Bộ môn Địa chất dầu	A+
358	0602-08	Lê Ngọc ánh	Bộ môn Địa chất dầu	A
359	0602-10	Nguyễn Duy Mười	Bộ môn Địa chất dầu	B+
360	0602-13	Nguyễn Minh Hòa	Bộ môn Địa chất dầu	A
361	0602-12	Bùi Thị Ngân	Bộ môn Địa chất dầu	A
362	0601-09	Phan Thiên Hương	Bộ môn Địa vật lý	A+
363	0601-07	Kiều Duy Thông	Bộ môn Địa vật lý	A+
364	0601-08	Trần Danh Hùng	Bộ môn Địa vật lý	A+
365	0601-13	Dương Văn Hào	Bộ môn Địa vật lý	A+
366	0601-14	Vũ Hồng Dương	Bộ môn Địa vật lý	B+
367	0604-02	Trần Đình Kiên	Bộ môn Khoan - Khai thác	A
368	0604-04	Vũ Thiết Thạch	Bộ môn Khoan - Khai thác	A
369	0604-05	Nguyễn Thế Vinh	Bộ môn Khoan - Khai thác	A+
370	0604-13	Nguyễn Trần Tuân	Bộ môn Khoan - Khai thác	A+
371	0604-07	Lê Quang Duyến	Bộ môn Khoan - Khai thác	A+
372	0604-09	Doãn Thị Trâm	Bộ môn Khoan - Khai thác	A
373	0604-12	Nguyễn Văn Thành	Bộ môn Khoan - Khai thác	A
374	0604-19	Nguyễn Tiến Hùng	Bộ môn Khoan - Khai thác	A+
375	0604-17	Trương Văn Từ	Bộ môn Khoan - Khai thác	A+
376	0604-16	Nguyễn Khắc Long	Bộ môn Khoan - Khai thác	A+
377	0603-12	Bùi Thị Lệ Thủy	Bộ môn Lọc hóa dầu	A+
378	0603-06	Tống Thị Thanh Hương	Bộ môn Lọc hóa dầu	A+
379	0603-09	Phạm Xuân Núi	Bộ môn Lọc hóa dầu	A+
380	0603-11	Công Ngọc Thắng	Bộ môn Lọc hóa dầu	A+
381	0603-08	Nguyễn Thị Linh	Bộ môn Lọc hóa dầu	A+
382	0603-13	Vũ Văn Toàn	Bộ môn Lọc hóa dầu	A+
383	0603-05	Ngô Thanh Hải	Bộ môn Lọc hóa dầu	B+
384	0603-07	Phạm Trung Kiên	Bộ môn Lọc hóa dầu	A+
385	0603-14	Ngô Hà Sơn	Bộ môn Lọc hóa dầu	A+
386	0605-02	Nguyễn Văn Giáp	Bộ môn Thiết bị dầu khí và CT	B+
387	0605-03	Lê Đức Vinh	Bộ môn Thiết bị dầu khí và CT	A+
388	0605-04	Nguyễn Văn Thịnh	Bộ môn Thiết bị dầu khí và CT	A+
389	0605-11	Hoàng Anh Dũng	Bộ môn Thiết bị dầu khí và CT	A+
390	0605-09	Triệu Hùng Trường	Bộ môn Thiết bị dầu khí và CT	A+
391	0605-07	Nguyễn Thị Hải Yến	Bộ môn Thiết bị dầu khí và CT	B+
392	0605-08	Nguyễn Thanh Tuấn	Bộ môn Thiết bị dầu khí và CT	A+

393	0901-02	Nguyễn Hanh Tiến	Bộ môn Điện khí hóa	A
394	0901-04	Lê Xuân Thành	Bộ môn Điện khí hóa	A+
395	0901-09	Ngô Thanh Tuấn	Bộ môn Điện khí hóa	A+
396	0901-05	Phạm Trung Sơn	Bộ môn Điện khí hóa	A+
397	0901-10	Hồ Việt Bun	Bộ môn Điện khí hóa	A+
398	0901-08	Đỗ Như ý	Bộ môn Điện khí hóa	A+
399	0901-11	Nguyễn Thị Bích Hậu	Bộ môn Điện khí hóa	A
400	0904-19	Đoàn Kim Bình	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	A
401	0904-06	Nguyễn Văn Tuệ	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	B+
402	0904-03	Nguyễn Văn Lại	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	B+
403	0904-07	Phạm Đức Thiên	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	A
404	0904-05	Phạm Thị Thủy	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	A
405	0904-12	Bùi Minh Hoàng	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	A
406	0904-14	Nguyễn Thanh Tùng	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	A+
407	0904-17	Trần Đức Huân	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	A+
408	0305-02	Phạm Tuấn Long	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	B+
409	0904-18	Nguyễn Sơn Tùng	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	A+
410	0903-06	Kim Ngọc Linh	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử	A+
411	0903-07	Đinh Văn Thắng	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử	A
412	0903-08	Cung Quang Khang	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử	A
413	0903-09	Nguyễn Thạc Khánh	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử	A+
414	0903-10	Nguyễn Trường Giang	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử	A
415	0903-13	Kim Thị Cẩm ánh	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử	A
416	0903-15	Hà Thị Chúc	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử	A
417	0903-18	Nguyễn Tiến Sỹ	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử	A+
418	0903-17	Tống Ngọc Anh	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử	A
419	0905-02	Đoàn Văn Giáp	Bộ môn Máy và Thiết bị Công nghiệp	A
420	0905-08	Phạm Văn Tiến	Bộ môn Máy và Thiết bị Công nghiệp	A
421	0905-03	Nguyễn Đăng Tấn	Bộ môn Máy và Thiết bị CN	A+
422	0904-09	Nguyễn Văn Xô	Bộ môn Máy và Thiết bị CN	A+
423	0905-15	Nguyễn Thế Hoàng	Bộ môn Máy và Thiết bị CN	A
424	0905-14	Trần Viết Linh	Bộ môn Máy và Thiết bị CN	A+
425	0902-03	Phan Minh Tạo	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ &DK	A
426	0902-04	Nguyễn Chí Tình	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ &DK	A
427	0902-07	Đặng Văn Chí	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ &DK	A+
428	0902-05	Nguyễn Đức Khoát	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ &DK	A+
429	0902-08	Khổng Cao Phong	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ &DK	A+
430	0902-09	Phạm Minh Hải	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ &DK	A
431	0902-15	Thái Hải Âu	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ &DK	B+
432	0902-11	Phạm Thị Thanh Loan	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ &DK	A+

433		Nguyễn Thanh Lịch	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ &DK	C
434	0902-12	Uông Quang Tuyến	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ &DK	A
435	0902-14	Đào Hiếu	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ &DK	A+
436	0902-19	Nguyễn Thế Lực	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ &DK	A+
437	0801-01	Lê Văn Hưng	Bộ môn Công nghệ phần mềm	A+
438	0801-04	Phạm Văn Đồng	Bộ môn Công nghệ phần mềm	A
439	0801-02	Nguyễn Thế Lộc	Bộ môn Công nghệ phần mềm	A+
440	0801-14	Hồ Thị Thảo Trang	Bộ môn Công nghệ phần mềm	A+
441	0801-06	Hoàng Anh Đức	Bộ môn Công nghệ phần mềm	A+
442	0801-10	Nguyễn Thị Hữu Phương	Bộ môn Công nghệ phần mềm	A+
443	0801-13	Nguyễn Thị Thanh	Bộ môn Công nghệ phần mềm	A
444	0804-04	Phạm Đức Hậu	Bộ môn Hệ thống thông tin và TT	A
445	0802-02	Đặng Hữu Nghị	Bộ môn Hệ thống thông tin và TT	A
446	0802-13	Bùi Thị Vân Anh	Bộ môn Hệ thống thông tin và TT	A
447	0802-03	Dương Chí Thiện	Bộ môn Hệ thống thông tin và TT	B+
448	0802-04	Tạ Quang Chiểu	Bộ môn Hệ thống thông tin và TT	A+
449	0802-10	Vương Thị Như Quỳnh	Bộ môn Hệ thống thông tin và TT	A
450	0802-07	Đào Thị Thu Vân	Bộ môn Hệ thống thông tin và TT	A+
451	0802-09	Vũ Lan Phương	Bộ môn Hệ thống thông tin và TT	A+
452	0805-04	Nông Thị Oanh	Bộ môn Khoa học máy tính	A+
453	0805-03	Nguyễn Thùy Dương	Bộ môn Khoa học máy tính	A
454	0805-05	Nguyễn Duy Huy	Bộ môn Khoa học máy tính	A+
455	0805-06	Nguyễn Thị Phương Bắc	Bộ môn Khoa học máy tính	A
456	0805-07	Lê Hồng Anh	Bộ môn Khoa học máy tính	A+
457	0805-08	Đặng Văn Nam	Bộ môn Khoa học máy tính	A+
458	0802-05	Đỗ Như Hải	Bộ môn Mạng máy tính	A
459	0801-07	Đào Anh Thư	Bộ môn Mạng máy tính	A+
460	0801-15	Phạm Đình Tân	Bộ môn Mạng máy tính	A+
461	0802-11	Trần Thị Thu Thúy	Bộ môn Mạng máy tính	A+
462	0801-09	Diêm Công Hoàng	Bộ môn Mạng máy tính	A+
463	0802-14	Đặng Quốc Trung	Bộ môn Mạng máy tính	A
464	0804-01	Trương Xuân Luận	Bộ môn Tin học Địa chất	A
465	0804-11	Phạm An Cương	Bộ môn Tin học Địa chất	A
466	0804-05	Dương Thị Tâm	Bộ môn Tin học Địa chất	B+
467	0804-07	Ngô Hùng Long	Bộ môn Tin học Địa chất	B+
468	0804-08	Nguyễn Thị Hải Yến	Bộ môn Tin học Địa chất	A
469	0804-12	Trương Xuân Bình	Bộ môn Tin học Địa chất	A
470	0806-01	Lê Thanh Huệ	Bộ môn Tin học Kinh tế	A
471	0806-02	Dương Thị Hiền Thanh	Bộ môn Tin học Kinh tế	A+
472	0806-06	Võ Thị Thu Trang	Bộ môn Tin học Kinh tế	B+

473	0806-05	Phạm Thị Nguyệt	Bộ môn Tin học Kinh tế	A
474	0806-03	Nguyễn Thu Hằng	Bộ môn Tin học Kinh tế	B+
475	0806-07	Nguyễn Thế Bình	Bộ môn Tin học Kinh tế	A
476	0806-08	Phạm Quang hiển	Bộ môn Tin học Kinh tế	A
477	0803-01	Nguyễn Trường Xuân	Bộ môn Tin học Trắc địa	A+
478	0803-02	Trần Trung Chuyên	Bộ môn Tin học Trắc địa	A+
479	0803-03	Nguyễn Quang Khánh	Bộ môn Tin học Trắc địa	B+
480	0803-08	Ngô Thị Phương Thảo	Bộ môn Tin học Trắc địa	A
481	0803-05	Nguyễn Thị Mai Dung	Bộ môn Tin học Trắc địa	A+
482	0803-07	Trần Mai Hương	Bộ môn Tin học Trắc địa	B+
483	0803-11	Nguyễn Hoàng Long	Bộ môn Tin học Trắc địa	A+
484	0803-14	Đinh Bảo Ngọc	Bộ môn Tin học Trắc địa	A

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 995 /QĐ-MĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc khen thưởng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học ngày 18/6/2020 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học

Căn cứ Luật Thi đua Khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về công tác Thi đua Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 21/2020/TT-BGDĐT ngày 31/7/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác Thi đua, Khen thưởng trong ngành Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 878/QĐ-MĐC ngày 05/7/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định về công tác Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 858/QĐ-MĐC ngày 28/6/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định công tác Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 1522/QĐ-MĐC ngày 01/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định Quản lý tài chính và Chi tiêu nội bộ;

Căn cứ Quyết định số 884/QĐ-MĐC ngày 16/9/2020 về việc công nhận kết quả đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân năm học 2019-2020;

Theo đề nghị Thường trực Hội đồng Thi đua Khen thưởng Trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận các tập thể, cá nhân đạt danh hiệu thi đua năm học 2019 - 2020 cụ thể như sau:

1. Tập thể Lao động tiên tiến: 83 tập thể
2. Chiến sỹ thi đua cơ sở: 237 cá nhân
3. Lao động tiên tiến: 317 cá nhân
4. Giấy khen Hiệu trưởng:

- Tập thể: 03 tập thể;
- Cá nhân: 35 cá nhân.

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Kinh phí lấy từ quỹ thi đua khen thưởng năm 2020 thưởng cho các tập thể, cá nhân được công nhận tại Điều 1 theo các mức như sau:

1. Tập thể Lao động tiên tiến: 1.192.000 đồng/tập thể
2. Chiến sỹ thi đua cơ sở: 1.490.000 đồng/cá nhân
3. Lao động tiên tiến: 447.000 đồng/cá nhân
4. Giấy khen Hiệu trưởng: 894.000 đồng/tập thể
   447.000 đồng/cá nhân

Tổng số tiền thưởng là: 612.092.000 đồng *(Sáu trăm mười hai triệu không trăm chín mươi hai nghìn đồng)*.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính và các tập thể, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu HCTH.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

DANH SÁCH TẬP THỂ, CÁ NHÂN ĐẠT DANH HIỆU THI ĐUA
NĂM HỌC 2019-2020 CẤP TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số: 995/QĐ-MĐC ngày15/10/2020)

STT	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị
I. Chiến sỹ thi đua cơ sở		
1	Nguyễn Viết Nghĩa	BM Trắc địa Mỏ
2	Nguyễn Văn Thịnh	BM Thiết bị DK và công trình
3	Tô Xuân Bản	BM Khoáng thạch và Địa hóa
4	Bùi Trường Sơn	BM Địa chất công trình
5	Đỗ Ngọc Anh	BM XD CT ngầm và Mỏ
6	Lê Văn Hưng	BM Công nghệ phần mềm
7	Trần Thị Phúc An	BM Tư tưởng HCM&CNXHKH
8	Bùi Hoàng Bắc	BM Tìm kiếm thăm dò
9	Nguyễn Quốc Phi	BM Môi trường cơ sở
10	Lê Hồng Anh	BM Khoa học máy tính
11	Phạm Quốc Đảm	Khoa GDQP
12	Lê Xuân Thành	BM Điện khí hóa
13	Diêm Công Hoàng	BM Mạng máy tính
14	Trần Bắc Bộ	Khoa GDQP
15	Lê Quang Duyên	BM Khoan - Khai thác
16	Nguyễn Mạnh Hùng	BM Vật lý
17	Nhữ Thị Kim Dung	BM Tuyên khoáng
18	Công Ngọc Thăng	BM Lọc hóa dầu
19	Không Cao Phong	BM Tự động hóa XN Mỏ &DK
20	Nguyễn Thế Lộc	BM Công nghệ phần mềm
21	Ngô Thanh Tuân	BM Điện khí hóa
22	Ngô Xuân Thành	BM Địa chất
23	Tông Thị Thanh Hương	BM Lọc hóa dầu
24	Nguyễn Ngọc Khánh	BM QTKD Mỏ
25	Đào Đình Thuần	BM Kỹ thuật Môi trường
26	Nguyễn Đức Khoát	BM Tự động hóa XN Mỏ &DK
27	Vũ Kim Thư	BM Hóa
28	Bùi Mạnh Tùng	BM Khai thác hầm lò
29	Nguyễn Thị Thu Hương	BM KTCT và LS Đảng CSVN
30	Phạm Văn Hòa	BM Khai thác lộ thiên
31	Phạm Văn Luận	BM Tuyên khoáng
32	Đào Anh Tuân	BM QTKD Mỏ
33	Nguyễn Duy Huy	BM Khoa học máy tính
34	Công Tiên Dũng	BM Hóa
35	Vũ Trung Tiến	BM Khai thác hầm lò
36	Trần Đức Huân	BM Kỹ thuật cơ khí
37	Nguyễn Thị Hoài Nga	BM QTKD Mỏ
38	Nguyễn Trọng Dũng	BM XD Hạ tầng Cơ sở
39	Đặng Trung Thành	BM XD CT ngầm và Mỏ
40	Dương Thúy Hường	BM Ngoại ngữ
41	Nguyễn Văn Sáng	BM Trắc địa Cao cấp
42	Nguyễn Việt Hà	BM Trắc địa Công trình
43	Đỗ Văn Bình	BM Địa sinh thái và CNMT
44	Nguyễn Thạc Khánh	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử
45	Nguyễn Thị Mai Dung	BM Tin học Trắc địa
46	Nguyễn Tiên Dũng	BM Tìm kiếm thăm dò
47	Trần Thùy Dương	BM Địa chính
48	Lương Quang Khang	BM Tìm kiếm thăm dò
49	Bùi Ngọc Quý	BM Bản đồ
50	Nguyễn Thế Vinh	BM Khoan - Khai thác
51	Nguyễn Thanh Tuân	BM Thiết bị DK và công trình
52	Hoàng Anh Dũng	BM Thiết bị DK và công trình
53	Lê Đức Vinh	BM Thiết bị DK và công trình
54	Phạm Văn Tuân	BM Địa chất dầu
55	Trần Xuân Trường	BM Đo ảnh & Viễn Thám
56	Trần Thanh Hải	BM Địa chất
57	Bùi Xuân Nam	BM Khai thác lộ thiên
58	Triệu Hùng Trường	BM Thiết bị DK và công trình
59	Nguyễn Văn Xô	BM Máy &TBCN
60	Nguyễn Thị Nụ	BM Địa chất công trình

STT	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị
61	Bùi Thị Lệ Thủy	BM Lọc hóa dầu
62	Nguyễn Quốc Long	BM Trắc địa Mỏ
63	Nguyễn Văn Thịnh	BM Khai thác hầm lò
64	Dương Văn Hào	BM Địa vật lý
65	Phạm Xuân Núi	BM Lọc hóa dầu
66	Trần Thị Hà	BM Vật lý
67	Nguyễn Hoàng	BM Khai thác lộ thiên
68	Bùi Văn Đức	BM Kỹ thuật Xây dựng
69	Đào Việt Thăng	BM Vật lý
70	Ngô Hà Sơn	BM Lọc hóa dầu
71	Nguyễn Bách Thảo	BM Địa chất Thủy văn
72	Phạm Đức Thọ	BM XD Hạ tầng Cơ sở
73	Lê Đình Chiều	BM QTKD Mỏ
74	Nguyễn Phi Hùng	BM Khai thác hầm lò
75	Phạm Thị Hồng Hạnh	BM Kế toán doanh nghiệp
76	Hoàng Anh Đức	BM Công nghệ phần mềm
77	Tăng Văn Lâm	BM Kỹ thuật Xây dựng
78	Đỗ Như ý	BM Điện khí hóa
79	Hồ Việt Bun	BM Điện khí hóa
80	Nguyễn Thị Hữu Phương	BM Công nghệ phần mềm
81	Nguyễn Duyên Phong	BM XD CT ngầm và Mỏ
82	Đặng Văn Chí	BM Tự động hóa XN Mỏ &DK
83	Lê Đắc Tuyên	BM Vật lý
84	Nguyễn Thị Kim Ngân	BM QTKD Địa chất - DK
85	Phí Thị Kim Thư	BM Kế toán doanh nghiệp
86	Nguyễn Thị Kim Oanh	BM Kế toán doanh nghiệp
87	Hoàng Ngự Huân	BM Toán
88	Đặng Thị Thanh Trâm	BM KTCT và LS Đảng CSVN
89	Phạm Trung Kiên	BM Lọc hóa dầu
90	Đào Văn Chi	BM Khai thác hầm lò
91	Nguyễn Thị Minh Thu	BM Kế toán doanh nghiệp
92	Nguyễn Văn Dũng	BM Môi trường cơ sở
93	Nguyễn Thị Hồng Loan	BM Kinh tế cơ sở
94	Nguyễn Cao Khải	BM Khai thác hầm lò
95	Phạm Thị Thanh Loan	BM Tự động hóa XN Mỏ &DK
96	Phạm Văn Chung	BM Trắc địa Mỏ
97	Vũ Diệp Anh	BM Kinh tế cơ sở
98	Phạm Thị Nhàn	BM Kỹ thuật Xây dựng
99	Vũ Quang Hay	Khoa GDQP
100	Lê Thị Thu Hà	BM Trắc địa Mỏ
101	Nguyễn Xuân Mãn	BM Kỹ thuật Xây dựng
102	Đặng Văn Nam	BM Khoa học máy tính
103	Đỗ Thị Vân Hà	BM Tư tưởng HCM&CNXHKH
104	Trần Việt Linh	BM Máy &TBCN
105	Nguyễn Thị Linh	BM Lọc hóa dầu
106	Trần Văn Được	BM Tuyển khoáng
107	Đỗ Ngọc Thái	BM XD CT ngầm và Mỏ
108	Trần Quang Hiếu	BM Khai thác lộ thiên
109	Phạm Trung Sơn	BM Điện khí hóa
110	Nguyễn Văn Phong	Khoa GDQP
111	Kiều Duy Thông	BM Địa vật lý
112	Nguyễn Tiến Hùng	BM Khoan - Khai thác
113	Đặng Văn Kiên	BM XD CT ngầm và Mỏ
114	Vũ Minh Ngạn	BM XD Hạ tầng Cơ sở
115	Vũ Thị Lan Anh	BM Môi trường cơ sở
116	Phan Thị Thái	BM QTKD Địa chất - DK
117	Lương Anh Hùng	BM Giáo dục thể chất
118	Phạm Kiên Trung	BM QTKD Mỏ
119	Nguyễn Tiên Hưng	BM Kế toán doanh nghiệp
120	Lê Thị Yên	BM Tư tưởng HCM&CNXHKH
121	Ngô Văn Hưởng	BM Triết học và Pháp luật
122	Phạm Quốc Khánh	BM Trắc địa Công trình
123	Trương Văn Từ	BM Khoan - Khai thác
124	Đào Hiếu	BM Tự động hóa XN Mỏ &DK
125	Đào Viết Đoàn	BM XD CT ngầm và Mỏ

STT	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị
126	Phạm Công Khải	BM Trắc địa Mỏ
127	Nguyễn Thị Bích Phượng	BM Kê toán doanh nghiệp
128	Phan Thiên Hương	BM Địa vật lý
129	Trần Thị Thu Thúy	BM Mạng máy tính
130	Vũ Thị Chinh	BM Tuyên khoáng
131	Phạm Thu Hương	BM Kê toán doanh nghiệp
132	Trần Danh Hùng	BM Địa vật lý
133	Phạm Văn Hùng	BM XD Hạ tầng Cơ sở
134	Phạm Thị Làn	BM Trắc địa Mỏ
135	Nguyễn Tuấn Vương	BM KTCT và LS Đảng CSVN
136	Nguyễn Thị Ngọc Anh	BM Kinh tế cơ sở
137	Võ Trọng Hùng	BM XD CT ngầm và Mỏ
138	Nguyễn Huy Thông	BM Giáo dục thể chất
139	Nguyễn Hoàng Long	BM Tin học Trắc địa
140	Nguyễn Thi Phương	BM Triết học và Pháp luật
141	Đỗ Thị Hải	BM Địa sinh thái và CNMT
142	Nông Thị Oanh	BM Khoa học máy tính
143	Trần Thanh Hà	BM Đo ảnh & Viễn Thám
144	Nguyễn Văn Lâm	BM Địa chất Thủy văn
145	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	BM QTKD Địa chất - DK
146	Trần Thị Thu Hương	BM Địa sinh thái và CNMT
147	Nguyễn Thị Kim Dung	BM Tư tưởng HCM&CNXHKH
148	Nguyễn Phương	BM Môi trường cơ sở
149	Trần Thị Lan Hương	BM Triết học và Pháp luật
150	Lê Văn Cảnh	BM Trắc địa Mỏ
151	Nguyễn Văn Bình	BM Môi trường cơ sở
152	Vũ Văn Toàn	BM Lọc hóa dầu
153	Đỗ Hữu Tùng	BM QTKD Địa chất - DK
154	Nguyễn Khắc Long	BM Khoan - Khai thác
155	Nguyễn Thị Thúy Hà	BM KTCT và LS Đảng CSVN
156	Nguyễn Hồng Vân	BM Ngoại ngữ
157	Trần Mạnh Tiến	BM Sức bền vật liệu
158	Lê Văn Chiến	BM QTKD Mỏ
159	Nguyễn Sơn Tùng	BM Kỹ thuật cơ khí
160	Phạm Đình Tân	BM Mạng máy tính
161	Nguyễn Thanh Thủy	BM QTKD Địa chất - DK
162	Đồng Thị Bích	BM QTKD Mỏ
163	Nguyễn Văn Mạnh	BM Kỹ thuật Xây dựng
164	Nguyễn Văn Phóng	BM Địa chất công trình
165	Nguyễn Thanh Tùng	BM Kỹ thuật cơ khí
166	Nguyễn Văn Bưởi	BM Kinh tế cơ sở
167	Nguyễn Thị Bích Ngọc	BM Kinh tế cơ sở
168	Trần Tuân Minh	BM XD CT ngầm và Mỏ
169	Nguyễn Duy Lạc	BM Kê toán doanh nghiệp
170	Tạ Quang Chiểu	BM Hệ thống thông tin và TT
171	Phí Mạnh Phong	BM KTCT và LS Đảng CSVN
172	Nguyễn Thị Hậu	BM Vật lý
173	Nguyễn Văn Quang	BM Khai thác hầm lò
174	Vũ Lan Phương	BM Hệ thống thông tin và TT
175	Lê Quốc Hiệp	BM KTCT và LS Đảng CSVN
176	Đào Anh Thư	BM Mạng máy tính
177	Dương Vân Phong	BM Trắc địa Cao cấp
178	Lê Bích Phượng	BM Toán
179	Nguyễn Viêt Hùng	BM Hóa
180	Đào Thị Thu Vân	BM Hệ thống thông tin và TT
181	Nguyễn Phương Đông	BM Kỹ thuật Môi trường
182	Nguyễn Thế Lực	BM Tự động hóa XN Mỏ &DK
183	Nguyễn Trần Tuân	BM Khoan - Khai thác
184	Trần Trung Chuyên	BM Tin học Trắc địa
185	Phạm Ngọc Chung	BM XD CT ngầm và Mỏ
186	Kim Ngọc Linh	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử
187	Nguyễn Tiên Sỹ	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử
188	Nguyễn Thùy Linh	BM Toán
189	Phan Minh Quang	BM Kê toán doanh nghiệp
190	Bùi Anh Thăng	BM XD Hạ tầng Cơ sở

STT	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị
191	Bùi Thị Thu Thủy	BM Kê toán doanh nghiệp
192	Nguyễn Kim Chung	Phòng QHCC & DN
193	Nguyễn Thị Thu Thảo	Phòng HCTH
194	Nguyễn Gia Khuê	Ban QLCDA
195	Trần Thị Thu Trang	VP Đảng - Đoàn thể
196	Đỗ Thúy Mai	Trạm Y tế
197	Phạm Thị Phương Chi	Phòng KHTC
198	Phạm Thị Thu Thủy	Phòng KHTC
199	Nguyễn Thị Hải Yên	TT Thông tin - Thư viện
200	Nguyễn Hồng Trường	TT Thông tin - Thư viện
201	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Phòng Tổ chức Cán bộ
202	Lê Thị Thu	Phòng Tổ chức Cán bộ
203	Phạm Công Tú	VP Khoa GDQP
204	Đào Thị Thơm	Phòng CTCTSV
205	Nguyễn Thị Tuyết Mai	VP Khoa Mỏ
206	Lại Thiên Nguyên	Ban QLCDA
207	Nguyễn Tiến Dũng	Ban QLCDA
208	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Phòng KHCN
209	Phạm Tô Uyên	VP Đảng-Đoàn thể
210	Hoàng Thu Hằng	Phòng KHCN
211	Nguyễn Ngọc Dương	Ban QLCDA
212	Nguyễn Thùy Linh	Phòng CTCTSV
213	Nguyễn Thu Hương	VP Khoa LLCT
214	Phạm Ngọc Hà	Phòng ĐT SĐH
215	Nguyễn Thị Liên	Văn phòng Khoa Cơ điện
216	Hoàng Thị Thúy	TTTT-TV
217	Đặng Thị Hồng Vân	Phòng ĐTĐH
218	Dương Mai Yên	Phòng Đảm bảo CLGD
219	Nguyễn Tuấn Thành	Phòng ĐTĐH
220	Tạ Thị Thu Hường	VP Khoa TĐBĐ&QLĐĐ
221	Đoàn Thị Luyên	Phòng QHCC & DN
222	Cao Thu Hoài	Phòng KHTC
223	Nguyễn Thị Thăm	Phòng HCTH
224	Trần Văn Hiệp	Phòng Đảm bảo CLGD
225	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phòng ĐTĐH
226	Trịnh Thế Lực	TT PTTNCNC
227	Lê Văn Nam	BM Khoan - Khai thác
228	Nguyễn Thế Hiệp	Tổ máy trắc địa
229	Lê Thị Hồng Thắng	BM Máy &TBCN
230	Phan Thị Mai Phương	BM Tự động hóa XN Mỏ &DK
231	Trương Minh Hùng	BM TĐPT và sai số
232	Trần Anh Tuấn	BM TĐPT và sai số
233	Nguyễn Thị Mên	Tổ máy trắc địa
234	Đinh Thị Thanh Nhàn	BM Khai thác hầm lò
235	Phạm Hữu Lợi	Phòng TN ĐTH
236	Phạm Thị Thanh Hải	BM Kỹ thuật cơ khí
237	Lê Việt Hà	BM Tuyên khoáng
II. Lao động tiên tiến		
A. Cá nhân		
1	Lê Minh Thông	BM QTKD Địa chất - DK
2	Khương Thế Hùng	BM Tìm kiếm thăm dò
3	Nguyễn Thị Lan Hương	BM Toán
4	Nguyễn Thành Dương	BM Địa chất công trình
5	Nhữ Việt Hà	BM Địa chất công trình
6	Nguyễn Anh Tuấn	BM Khai thác lộ thiên
7	Nguyễn Trường Thanh	BM Toán
8	Nguyễn Văn Hùng	BM Địa chất công trình
9	Nguyễn Đức Thắng	BM QTKD Mỏ
10	Hoàng Xuân Trường	Khoa GDQP
11	Nguyễn Hoàng Sơn	BM Tuyên khoáng
12	Lưu Thị Thu Hà	BM Kê toán doanh nghiệp
13	Phạm Tuấn Cường	BM Toán
14	Trần Văn Độ	Khoa GDQP
15	Nguyễn Thị Huyền Trang	BM Kê toán doanh nghiệp
16	Nguyễn Thị Hằng	BM Toán

STT	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị
17	Nguyễn Ngọc Phú	BM Tuyên khoáng
18	Dương Thị Nhàn	BM Kê toán doanh nghiệp
19	Lê Viết Tuấn	BM Giáo dục thể chất
20	Nguyễn Thị Thanh Thảo	BM Tìm kiếm thăm dò
21	Nguyễn Hữu Hiệp	BM Địa chất
22	Ngô Doãn Hào	BM XD CT ngầm và Mỏ
23	Phạm Ngọc Anh	BM Toán
24	Phạm Ngọc Tuấn	BM QTKD Địa chất - DK
25	Nguyễn Thị Thanh	BM Công nghệ phần mềm
26	Phan Viết Sơn	BM Tìm kiếm thăm dò
27	Nguyễn Thế Bình	BM Tin học Kinh tế
28	Bùi Minh Hoàng	BM Kỹ thuật cơ khí
29	Trần Trung Tới	BM Tuyên khoáng
30	Vũ Thị Hiền	BM Kinh tế cơ sở
31	Nguyễn Thanh Thảo	BM Kinh tế cơ sở
32	Phạm Minh Hải	BM Tự động hóa XN Mỏ &DK
33	Phạm Minh Hải	BM Kê toán doanh nghiệp
34	Lê Thị Vinh	BM Hóa
35	Nguyễn Thế Công	BM Địa chính
36	Nguyễn Thị Bích Hậu	BM Điện khí hóa
37	Nguyễn Thu Hằng	BM Toán
38	Trần Xuân Miễn	BM Địa chính
39	Phạm Đức Hưng	BM Khai thác hầm lò
40	Nguyễn Thế Lâm	BM Toán
41	Phạm Thị Thủy	BM Kỹ thuật cơ khí
42	Nguyễn Trường Giang	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử
43	Nguyễn Thị Diệu Thu	BM Vật lý
44	Nguyễn Thế Hoàng	BM Máy &TBCN
45	Trần Đình Thước	BM Ngoại ngữ
46	Đặng Huy Thái	BM QTKD Mỏ
47	Nguyễn Thị Cúc	BM Môi trường cơ sở
48	Nguyễn Thị Hường	BM QTKD Mỏ
49	Hoàng Đình Phúc	BM XD Hạ tầng Cơ sở
50	Bùi Thị Vân Anh	BM Hệ thống thông tin và TT
51	Đinh Bảo Ngọc	BM Tin học Trắc địa
52	Uông Quang Tuyến	BM Tự động hóa XN Mỏ &DK
53	Lê Thị Thu Hoa	BM Khai thác lộ thiên
54	Vương Trọng Kha	BM Trắc địa Mỏ
55	Hà Thị Chúc	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử
56	Nguyễn Thu Hà	BM QTKD Địa chất - DK
57	Thái Việt Hưng	BM Giáo dục thể chất
58	Nguyễn Thị Phương Bắc	BM Khoa học máy tính
59	Phạm Thị Nhung	BM Tuyên khoáng
60	Đỗ Ngọc Tú	BM Sức bên vật liệu
61	Hoàng Ngọc Hà	BM TĐPT và sai số
62	Phạm Thị Nguyệt	BM Tin học Kinh tế
63	Lê Quí Thảo	BM Khai thác lộ thiên
64	Nguyễn Thùy Dương	BM Khoa học máy tính
65	Trần Thị Thanh Thủy	BM Địa sinh thái và CNMT
66	Đặng Hữu Nghị	BM Hệ thống thông tin và TT
67	Đỗ Như Hải	BM Mạng máy tính
68	Đinh Công Đạt	BM Cơ lý thuyết
69	Cao Xuân Cường	BM Trắc địa Mỏ
70	Phan Thị Thùy Linh	BM QTKD Mỏ
71	Nguyễn Thị Thảo	BM Ngoại ngữ
72	Võ Ngọc Dũng	BM Trắc địa Mỏ
73	Phạm Văn Việt	BM Khai thác lộ thiên
74	Lê Thanh Huệ	BM Tin học Kinh tế
75	Bùi Thị Thúy	BM Cơ lý thuyết
76	Vũ Thiết Thạch	BM Khoan - Khai thác
77	Nguyễn Văn Trung	BM Đo ảnh & Viễn Thám
78	Trịnh Thị Vân	BM Ngoại ngữ
79	Lê Thanh Nghị	BM Đo ảnh & Viễn Thám
80	Dương Thành Trung	BM TĐPT và sai số
81	Đỗ Mạnh An	BM Tìm kiếm thăm dò

STT	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị
82	Kim Thị Cẩm ánh	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử
83	Nguyễn Minh Hòa	BM Địa chất dầu
84	Nguyễn Thị Kim Thanh	BM Trắc địa Công trình
85	Đoàn Kim Bình	BM Kỹ thuật cơ khí
86	Nguyễn Lê Hà Giang	BM Triết học và Pháp luật
87	Trần Thị Ngọc	BM Kỹ thuật Môi trường
88	Nguyễn Trường Đông	BM Giáo dục thể chất
89	Trần Thanh Hanh	Khoa GDQP
90	Vũ Thanh Tâm	BM Ngoại ngữ
91	Nguyễn Chí Thành	BM XD CT ngầm và Mỏ
92	Vương Thị Như Quỳnh	BM Hệ thông thông tin và TT
93	Đoàn Văn Giáp	BM Máy &TBCN
94	Nguyễn Văn Thành	BM Khoan - Khai thác
95	Lê Tiến Dũng	BM Khoáng thạch và Địa hóa
96	Phạm Quang hiển	BM Tin học Kinh tê
97	Nguyễn Mai Hoa	BM Địa sinh thái và CNMT
98	Phạm Thế Huynh	BM Địa chính
99	Đào Thị Tuyết	BM Triết học và Pháp luật
100	Nguyễn ánh Hoa	BM Ngoại ngữ
101	Lê Đức Tình	BM Trắc địa Công trình
102	Nguyễn Quang Huy	BM Giáo dục thể chất
103	Tạ Đức Thịnh	BM XD Hạ tầng Cơ sở
104	Phạm Đức Hậu	BM Hệ thông thông tin và TT
105	Trần Anh Dũng	BM Kinh tê cơ sở
106	Lê Ngọc ánh	BM Địa chất dầu
107	Hoàng Thị Thủy	BM TĐPT và sai số
108	Hoàng Thị Thủy	BM Kê toán doanh nghiệp
109	Nguyễn Mạnh Hà	BM Hóa
110	Đặng Quốc Trung	BM Mạng máy tính
111	Tống Ngọc Anh	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử
112	Trần Vũ Long	BM Địa chất Thủy văn
113	Cung Quang Khang	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử
114	Nguyễn Văn Thưởng	BM QTKD Mỏ
115	Nguyễn Đình An	BM Khai thác lộ thiên
116	Phan Minh Tạo	BM Tự động hóa XN Mỏ &DK
117	Lê Thị Hương Giang	BM Toán
118	Vũ Thị Phương Thảo	BM Địa sinh thái và CNMT
119	Nguyễn Thị Kim Yến	BM Địa chính
120	Phạm Thu Trang	BM Kinh tê cơ sở
121	Dương Thị Tuyết Nhung	BM Triết học và Pháp luật
122	Vũ Bá Dũng	BM Vật lý
123	Vũ Duy Thịnh	BM Hóa
124	Nguyễn Thị Thu Phúc	BM Ngoại ngữ
125	Lê Thị Thu Hường	BM QTKD Mỏ
126	Dương Anh Quân	BM Bản đồ
127	Trần Hồng Hạnh	BM Đo ảnh & Viễn Thám
128	Trần Văn Thanh	BM Khai thác hầm lò
129	Nguyễn Thị Nguyệt ánh	BM Ngoại ngữ
130	Tô Xuân Vu	BM Địa chất công trình
131	Ngô Thị Phương Thảo	BM Tin học Trắc địa
132	Phạm Thị Thanh Hòa	BM Đo ảnh & Viễn Thám
133	Bùi Thị Ngân	BM Địa chất dầu
134	Ngô Thị KIm Chi	BM Địa chất
135	Nguyễn Gia Trọng	BM Trắc địa Cao cấp
136	Nguyễn Khắc Giảng	BM Khoáng thạch và Địa hóa
137	Vũ Thái Linh	BM Ngoại ngữ
138	Phạm Đức Thiên	BM Kỹ thuật cơ khí
139	Phạm An Cương	BM Tin học Địa chất
140	Trần Quỳnh An	BM Bản đồ
141	Nguyễn Hanh Tiến	BM Điện khí hóa
142	Trần Lan Hương	BM Giáo dục thể chất
143	Nguyễn Chí Tình	BM Tự động hóa XN Mỏ &DK
144	Chu Thị Hồng Hạnh	BM Giáo dục thể chất
145	Nguyễn Thị Hòa	BM Kỹ thuật Môi trường
146	Đỗ Thị Hồng Hải	BM Vật lý

STT	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị
147	Vũ Thái Tiến Dũng	BM Khai thác hâm lò
148	Nguyễn Thị Dung	BM Địa chính
149	Phạm Văn Tiến	BM Máy &TBCN
150	Trương Xuân Bình	BM Tin học Địa chất
151	Lê Trọng Thắng	BM Địa chất công trình
152	Đỗ Cao Cường	BM Địa sinh thái và CNMT
153	Đinh Văn Thắng	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử
154	Phan Thị Mai Hoa	BM Môi trường cơ sở
155	Doãn Thị Trâm	BM Khoan - Khai thác
156	Lê Thị Thu Hồng	BM Kê toán doanh nghiệp
157	Nguyễn Thị Hiền	BM Toán
158	Phạm Thị Vân Anh	BM Khoáng thạch và Địa hóa
159	Đinh Thị Thu Hà	BM Sức bền vật liệu
160	Trần Khánh	BM Trắc địa Công trình
161	Lưu Anh Tuấn	BM TĐPT và sai số
162	Lê Thị Thanh Hằng	BM Hình Họa
163	Nguyễn Viết Thắng	BM Sức bền vật liệu
164	Phạm Khánh Huy	BM Địa sinh thái và CNMT
165	Đào Trung Thành	BM Kỹ thuật Môi trường
166	Phạm Văn Hiệp	BM Bản đồ
167	Nguyễn Hà	BM Trắc địa Công trình
168	Nguyễn Văn Quảng	Khoa GDQP
169	Tống Bá Tuấn	BM Vật lý
170	Lê Thị Thúy Hà	BM Ngoại ngữ
171	Phạm Thị Kim Thoa	BM Địa chính
172	Đặng Thanh Mai	BM Ngoại ngữ
173	Trần Thùy Linh	BM Trắc địa Công trình
174	Lê Thị Ngọc Tú	BM Khoáng thạch và Địa hóa
175	Đào Đức Bằng	BM Địa chất Thủy văn
176	Bùi Thanh Tịnh	BM Tìm kiếm thăm dò
177	Nguyễn Quốc Hưng	BM Địa chất
178	Phạm Văn Đồng	BM Công nghệ phần mềm
179	Nguyễn Quang Thắng	BM Trắc địa Công trình
180	Nguyễn Văn Ngọc	BM Toán
181	Lê Thị Phương Thảo	BM Hóa
182	Nguyễn Quang Minh	BM TĐPT và sai số
183	Nguyễn Như Hùng	BM Sức bền vật liệu
184	Trần Hồng Hải	BM Hình Họa
185	Lê Thị Duyên	BM Hóa
186	Vũ Thị Minh Hồng	BM Hóa
187	Trần Đình Kiên	BM Khoan - Khai thác
188	Trần Viết Tuấn	BM Trắc địa Công trình
189	Vũ Duy Tân	Phòng Tô chức Cán bộ
190	Nguyễn Thị Hải Yến	BM Tin học Địa chất
191	Trần Trung Anh	BM Đo ảnh & Viễn Thám
192	Hoàng Thị Nga	VP Khoa Mỏ
193	Hoàng Thị Nga	TTTT-TV
194	Phùng Hữu Hải	BM Địa chất công trình
195	Kiều Thị Vân Anh	BM Địa chất Thủy văn
196	Đặng Thị Hăng Nga	Văn phòng Đảng-Đoàn thê
197	Phạm Thị Việt Nga	Văn phòng Đảng-Đoàn thê
198	Phạm Thị Châu Giang	Văn phòng Khoa Kinh tê
199	Trương Thúy Hà	Phòng CTCTSV
200	Nguyễn Quốc Dũng	Phòng ĐTĐH
201	Nguyễn Thanh Hải	Phòng KHCN
202	Hà Thị Liễu	Phòng Tô chức Cán bộ
203	Bùi Thị Mai	Phòng ĐTĐH
204	Phạm Thị Hương	Phòng CTCTSV
205	Đặng Lê Văn	Phòng QHCC & DN
206	Trần Thị Mai Hương	VP Bà Rịa VT
207	Nguyễn Thị Thanh Loan	Phòng ĐTĐH
208	Nguyễn Thanh Huyền	Trạm Y tê
209	Đào Thị Thủy	BM Điện khí hóa
210	Đoàn Nguyễn Thanh Hương	Phòng Tô chức Cán bộ
211	Phạm Thị Yến	BM XD CT ngầm và Mỏ

STT	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị
212	Nguyễn Văn Khân	Trung tâm Dịch vụ
213	Phạm Thị Ngọc Hà	BM Địa chất công trình
214	Quách Thị Nhịp	Phòng KHTC
215	Lê Thị Thanh Xuân	Trung tâm Dịch vụ
216	Hà Ngọc Kiên	Phòng ĐT SĐH
217	Huỳnh Thanh Tùng	Phòng CSVC
218	Hà Văn Thủy	Xưởng cơ điện
219	Ngọ Thị Hương Trang	BM XD Hạ tầng Cơ sở
220	Nhâm Quỳnh Giang	Phòng KHTC
221	Nguyễn Duy Hiêu	TTTT-TV
222	Nguyễn Quang Thăng	Tô máy trắc địa
223	Nguyễn Thúy Hà	Phòng CSVC
224	Nguyễn Thị Vân	Phòng ĐT SĐH
225	Hoàng T.Phương Dung	Phòng ĐT SĐH
226	Nguyễn Thu Hà	Phòng KHTC
227	Vũ Thu Hường	VP CTTT
228	Trần Thị Thu Huyên	Phòng CSVC
229	Đỗ Lệ Chi	TTTT-TV
230	Trịnh Thị Hợp	Phòng CSVC
231	Nguyễn Thị Thúy	Phòng CSVC
232	Nguyễn Thị Thu Hăng	VP Khoa DK
233	Lại Kim Cương	Phòng ĐTĐH
234	Phạm Thị Nguyên	Phòng ĐTĐH
235	Nguyễn Thị Chi	Phòng HCTH
236	Nguyễn Thị Nga	Phòng HCTH
237	Hoàng Văn Sinh	Phòng HCTH
238	Lê Đức Cường	Phòng HCTH
239	Nguyễn Đức Năng	Phòng HCTH
240	Bùi Huy Văn	Phòng HCTH
241	Hà Ngọc Trường	Phòng HCTH
242	Ninh Ngọc Cương	Phòng CSVC
243	Nguyễn Thê	Phòng CSVC
244	Nguyễn Thị Thu Thủy	TT TT-TV
245	Vũ Thị Ngọc	TT TT-TV
246	Đào Thị Hồng Diệp	TT TT-TV
247	Hoàng Thị Hiền	TT TT-TV
248	Bùi Thị Anh Nguyệt	BM Tin học Địa chất
249	Trần Thị Như Hoa	BM Hệ thống thông tin và TT
250	Ngô Thái Vinh	Phòng Đảm bảo CLGD
251	Bùi Thị Thanh Vân	Trạm Y tê
252	Nguyễn Văn Đức	Phòng ĐTĐH
253	Nguyễn Thị Thu Hà	Phòng CSVC
254	Võ Thị Công Chính	Phòng Xuất Bản
255	Nguyễn Thu Thủy	VP Khoa DK
256	Nguyễn Thị Hương	VP Khoa Xây dựng
257	Lưu Hữu Phước	Phòng HCTH
258	Phan Thị Phượng	TTTT-TV
259	Trần Văn Duy	TTTT-TV
260	Đào Thị Tuyết	BM Mạng máy tính
261	Phạm Đức Nghiệp	Phòng KHCN
262	Trần Thị Hương	Phòng CSVC
263	Nguyễn Duy Hiệp	Phòng CSVC
264	Nguyễn Đình Cường	Phòng CSVC
265	Nguyễn Thê Tĩnh	Phòng CSVC
266	Bùi Thị Thu Hiền	BM Địa chất
267	Đỗ Thủy Trà My	Phòng KHTC
268	Nguyễn Hữu Độ	TTTT-TV
269	Chu Thị Thúy Nga	Phòng CTCTSV
270	Vũ Thê Hùng	Trung tâm Dịch vụ
271	Nguyễn Thị Hồng Vân	Phòng CTCTSV
272	Hà Thành Như	BM Khoáng thạch và Địa hóa
273	Dương Thị Hồng Đài	Phòng Đảm bảo CLGD
274	Nguyễn Thị Thu	Trung tâm Dịch vụ
275	Nguyễn Thị Loan	VPK Khoa CNTT
276	Trương Thị Thanh Huyền	Phòng KHTC

STT	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị
277	Nguyễn Thị Minh Thu	Phòng ĐTĐH
278	Phan Thị Thúy	Phòng CTCTSV
279	Hồ Thị Thảo Trang	BM Công nghệ phần mềm
280	Đào Thị Hồng Thắm	Phòng TN ĐTH
281	Nguyễn Đức Toàn	Phòng HCTH
282	Tạ Văn Minh	Phòng CSVC
283	Phạm Tuyết Mai	Phòng KHTC
284	Vũ Thị Hoài Thu	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học
285	Nguyễn Văn Vinh	BM Khoan - Khai thác
286	Phan Thị Thùy Dương	Văn phòng khoa KH&KTĐC
287	Trương Xuân Luận	BM Tin học địa chất
288	Ngô Huyền Giang	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học
289	Trần Văn Huyên	Phòng HCTH
290	Nguyễn Thị Thu Dung	Văn phòng Khoa Kinh tê
291	Đặng Ngọc Cương	TTTT-TV
292	Đào Thị Hiền	Văn phòng Khoa Cơ điện
293	Cù Thị Thu Hà	Tô máy trắc địa
294	Trần Đình Trí	BM Đo ảnh & Viễn Thám
295	Trần Anh Quân	BM Địa sinh thái và CNMT
296	Dương Thị Hiền Thanh	BM Tin học Kinh tê
297	Trần Vân Anh	BM Đo ảnh & Viễn Thám
298	Nguyễn Đăng Tấn	BM Máy &TBCN
299	Đỗ Thị Phương Thảo	BM Bản đô
300	Trương Thị Thanh Thủy	BM Ngoại ngữ
301	Phí Mạnh Cường	BM Kinh tê cơ sở
302	Nguyễn Hoàng Nam	BM Kỹ thuật Môi trường
303	Lã Ngọc Linh	BM Giáo dục thê chât
304	Phan Quang Văn	BM Kỹ thuật Môi trường
305	Nguyễn Thị Cúc	BM Ngoại ngữ
306	Lê Tiến Dũng	BM Khai thác hâm lò
307	Hà Mạnh Hùng	BM Hóa
308	Hoàng Thu Trang	VPK Môi trường
309	Trần Thị Lan Phương	Phòng HCTH
310	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng HTQT
311	Nguyễn Minh Thu	Phòng HCTH
312	Nguyễn Thị Dàng	Phòng HCTH
313	Nguyễn Hông Hạnh	Phòng QHCC & DN
314	Vũ Thị Kim Liên	Bộ môn Tin học kinh tê
315	Trần Thị Hải Vân	Phòng TN ĐTH
316	Nguyễn Danh Đức	Bộ môn Bản đô
317	Nguyễn Trường Xuân	BM Tin học Trắc địa
B. Tập thê		
1	Phòng ĐTĐH	
2	Trạm Y tê	
3	Phòng KHTC	
4	Phòng Xuất Bản	
5	Trun tâm NNTH	
6	Phòng Đào tạo SĐH	
7	Phòng HCTH	
8	Ban QLCDA	
9	Phòng HTQT	
10	Phòng CSVC	
11	Phòng TCCB	
12	Phòng QHCC&DN	
13	Trung tâm TT-TV	
14	Phòng ĐBCLGD	
15	Trung tâm Phân tích, TNCNC	
16	Phòng CTCT-SV	
17	Văn phòng Đảng - Đoàn thê	
18	Phòng KHCN	
19	Khoa Môi trường	
20	Bộ môn Địa sinh thái và Công nghệ môi trường	
21	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường	
22	Bộ môn Môi trường cơ sở	
23	Khoa Kinh tê - QTKD	

STT	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị
24	Bộ môn Kê toán doanh nghiệp	
25	Bộ môn Kinh tê cơ sở	
26	Bộ môn QTKD Địa chất - Dầu khí	
27	Bộ môn QTKD Mỏ	
28	Bộ môn Cơ lý thuyêt	
29	Bộ môn Giáo dục thê chât	
30	Bộ môn Hình họa	
31	Bộ môn Hóa	
32	Bộ môn Ngoại ngữ	
33	Bộ môn Vật lý	
34	Khoa KH&KT Địa chât	
35	Bộ môn Địa chât	
36	Bộ môn Địa chât công trình	
37	Bộ môn Địa chât Thủy văn	
38	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa	
39	Bộ môn Tìm kiêm thăm dò	
40	Khoa Giáo dục QP	
41	Bộ môn Đường lôi quân sự	
42	Bộ môn Kỹ thuật quân sự	
43	Khoa Xây dựng	
44	Bộ môn Kỹ thuật Xây dựng	
45	Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ	
46	Bộ môn Xây dựng Hạ tầng Cơ sở	
47	Khoa Trăc địa-BĐ&QLĐĐ	
48	Bộ môn Bản đô	
49	Bộ môn Địa chính	
50	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám	
51	Bộ môn Trăc địa Cao câp	
52	Bộ môn Trăc địa Công trình	
53	Bộ môn Trăc địa Mỏ	
54	Bộ môn Trăc địa Phô thông	
55	Tô máy trăc địa	
56	Khoa Mỏ	
57	Bộ môn Khai thác hâm lò	
58	Bộ môn Khai thác lộ thiên	
59	Bộ môn Sức bền vật liệu	
60	Bộ môn Tuyên khoáng	
61	Khoa LLCT	
62	Bộ môn Kinh tê chính trị và Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam	
63	Bộ môn Triêt học và Pháp luật	
64	Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và Chủ nghĩa xã hội khoa học	
65	Khoa Dầu khí	
66	Bộ môn Địa chât dầu	
67	Bộ môn Địa vật lý	
68	Bộ môn Khoan - Khai thác	
69	Bộ môn Lọc hóa dầu	
70	Bộ môn Thiêt bị dầu khí và công trình	
71	Bộ môn Điện khí hóa	
72	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	
73	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử	
74	Bộ môn Máy và Thiêt bị Công nghiệp	
75	Khoa CNTT	
76	Bộ môn Công nghệ phân mêm	
77	Bộ môn Hệ thông thông tin và tri thức	
78	Bộ môn Khoa học máy tính	
79	Bộ môn Mạng máy tính	
80	Bộ môn Tin học Địa chât	
81	Bộ môn Tin học Kinh tê	
82	Bộ môn Tin học Trăc địa	
83	Phòng Thí nghiệm Địa Tin học	
III. Giấy khen Hiệu trưởng		
A. Cá nhân		
1	Nguyễn Thị Lan Hương	BM Toán
2	Nguyễn Anh Tuân	BM Khai thác lộ thiên
3	Nguyễn Trường Thanh	BM Toán

STT	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị
4	Nguyễn Hoàng Sơn	BM Tuyên khoáng
5	Lưu Thị Thu Hà	BM Kê toán doanh nghiệp
6	Phạm Tuấn Cường	BM Toán
7	Nguyễn Thị Huyền Trang	BM Kê toán doanh nghiệp
8	Nguyễn Thị Hăng	BM Toán
9	Nguyễn Ngọc Phú	BM Tuyên khoáng
10	Lê Viết Tuấn	BM Giáo dục thê chât
11	Nguyễn Đức Thăng	BM QTDN Mỏ
12	Trần Trung Tới	BM Tuyên khoáng
13	Trần Anh Quân	BM Địa sinh thái và CNMT
14	Dương Thị Hiên Thanh	BM Tin học Kinh tê
15	Trần Vân Anh	BM Đo ảnh & Viễn Thám
16	Nguyễn Đăng Tân	BM Máy &TBCN
17	Đỗ Thị Phương Thảo	BM Bản đô
18	Trương Thị Thanh Thủy	BM Ngoại ngữ
19	Phí Mạnh Cường	BM Kinh tê cơ sở
20	Nguyễn Hoàng Nam	BM Kỹ thuật Môi trường
21	Lã Ngọc Linh	BM Giáo dục thê chât
22	Phan Quang Văn	BM Kỹ thuật Môi trường
23	Nguyễn Thị Cúc	BM Ngoại ngữ
24	Lê Tiên Dũng	BM Khai thác hâm lò
25	Hà Mạnh Hùng	BM Hóa
26	Nguyễn Trường Xuân	BM Tin học Trắc địa
27	Hoàng Thu Trang	VPK Môi trường
28	Trân Thị Lan Phương	Phòng HCTH
29	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng HTQT
30	Nguyễn Minh Thu	Phòng HCTH
31	Nguyễn Thị Dàng	Phòng HCTH
32	Nguyễn Hồng Hạnh	Phòng QHCC & DN
33	Vũ Thị Kim Liên	BM Tin học Kinh tê
34	Trân Thị Hải Vân	Phòng TN ĐTH
35	Nguyễn Danh Đức	BM Bản đô
B. Tập thê		
1	**Khoa Mỏ**	
2	Bộ môn Khai thác lộ thiên	
3	Bộ môn Tuyên khoáng	

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 966 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động (không giữ chức vụ quản lý) năm học 2020 - 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất,

Căn cứ Kết luận cuộc họp ngày 15/10/2021 của Hội đồng đánh giá, xếp loại và thi đua, khen thưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất năm học 2020 – 2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động (không giữ chức vụ quản lý) năm học 2020 - 2021 gồm các cá nhân có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các cán bộ có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như Điều 2 (để thực hiện);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu: HCTH, TCCB(08).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG VIÊN CHỨC
VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG (KHÔNG GIỮ CHỨC VỤ QUẢN LÝ NĂM HỌC 2020 - 2021

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 966 /QĐ-MĐC ngày 2 tháng 11 năm 2021)

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức đánh giá xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
1	Phạm Trung Sơn	Khoa Cơ - Điện	x				
2	Nguyễn Thị Bích Hậu	Khoa Cơ - Điện	x				
3	Đào Thị Thủy	Khoa Cơ - Điện	x				
4	Đỗ Đức Thành	Khoa Cơ - Điện					x
5	Nguyễn Văn Lại	Khoa Cơ - Điện			x		
6	Nguyễn Văn Tuệ	Khoa Cơ - Điện			x		
7	Bùi Minh Hoàng	Khoa Cơ - Điện			x		
8	Phạm Tuấn Long	Khoa Cơ - Điện			x		
9	Nguyễn Sơn Tùng	Khoa Cơ - Điện		x			
10	Đoàn Kim Bình	Khoa Cơ - Điện		x			
11	Kim Ngọc Linh	Khoa Cơ - Điện	x				
12	Đinh Văn Thắng	Khoa Cơ - Điện		x			
13	Cung Quang Khang	Khoa Cơ - Điện		x			
14	Nguyễn Trường Giang	Khoa Cơ - Điện		x			
15	Hà Thị Chúc	Khoa Cơ - Điện			x		
16	Tống Ngọc Anh	Khoa Cơ - Điện		x			
17	Bùi Ngọc Hùng	Khoa Cơ - Điện			x		
18	Vũ Đỗ Dũng	Khoa Cơ - Điện					x
19	Đoàn Văn Giáp	Khoa Cơ - Điện			x		
20	Phạm Văn Tiến	Khoa Cơ - Điện			x		
21	Nguyễn Thế Hoàng	Khoa Cơ - Điện		x			
22	Kiều Đức Thịnh	Khoa Cơ - Điện			x		
23	Nguyễn Khắc Lĩnh	Khoa Cơ - Điện	x				
24	Lê Thị Hồng Thắng	Khoa Cơ - Điện	x				
25	Đặng Vũ Đinh	Khoa Cơ - Điện			x		
26	Trần Bá Trung	Khoa Cơ - Điện			x		
27	Đoàn Công Luận	Khoa Cơ - Điện					x
28	Phạm Minh Hải	Khoa Cơ - Điện	x				
29	Phạm Thị Thanh Loan	Khoa Cơ - Điện	x				
30	Uông Quang Tuyến	Khoa Cơ - Điện	x				
31	Đào Hiếu	Khoa Cơ - Điện	x				
32	Thái Hải Âu	Khoa Cơ - Điện	x				
33	Nguyễn Thế Lực	Khoa Cơ - Điện	x				
34	Phan Thị Mai Phương	Khoa Cơ - Điện	x				
35	Nguyễn Ánh Dương	Khoa Cơ - Điện					x
36	Lê Thị Hồng Diệp	Khoa Cơ - Điện		x			
37	Đặng Viết Khuê	Khoa Cơ - Điện		x			
38	Chu Mạnh Cường	Khoa Cơ - Điện		x			
39	Đào Thị Hiền	Khoa Cơ - Điện	x				
40	Nguyễn Thị Liên	Khoa Cơ - Điện	x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức đánh giá xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
41	Phạm Thị Thanh Hải	Khoa Cơ - Điện	x				
42	Lê Thanh Huệ	Khoa Công nghệ thông tin	x				
43	Vũ Thị Kim Liên	Khoa Công nghệ thông tin		x			
44	Phạm Thị Nguyệt	Khoa Công nghệ thông tin	x				
45	Nguyễn Thế Bình	Khoa Công nghệ thông tin	x				
46	Phạm Quang Hiển	Khoa Công nghệ thông tin	x				
47	Nguyễn Thị Phương Bắc	Khoa Công nghệ thông tin	x				
48	Nguyễn Thùy Dương	Khoa Công nghệ thông tin		x			
49	Nông Thị Oanh	Khoa Công nghệ thông tin	x				
50	Đỗ Như Hải	Khoa Công nghệ thông tin	x				
51	Đào Anh Thư	Khoa Công nghệ thông tin	x				
52	Phạm Đình Tân	Khoa Công nghệ thông tin	x				
53	Đặng Quốc Trung	Khoa Công nghệ thông tin	x				
54	Nguyễn Tuấn Anh	Khoa Công nghệ thông tin		x			
55	Đào Thị Tuyết	Khoa Công nghệ thông tin	x				
56	Trần Thị Hải Vân	Khoa Công nghệ thông tin	x				
57	Đào Thị Hồng Thắm	Khoa Công nghệ thông tin	x				
58	Dương Thị Tâm	Khoa Công nghệ thông tin		x			
59	Ngô Hùng Long	Khoa Công nghệ thông tin			x		
60	Phạm An Cương	Khoa Công nghệ thông tin		x			
61	Trương Xuân Bình	Khoa Công nghệ thông tin		x			
62	Bùi Thị Ánh Nguyệt	Khoa Công nghệ thông tin		x			
63	Bùi Thị Vân Anh	Khoa Công nghệ thông tin		x			
64	Vũ Lan Phương	Khoa Công nghệ thông tin	x				
65	Vương Thị Như Quỳnh	Khoa Công nghệ thông tin		x			
66	Phạm Đức Hậu	Khoa Công nghệ thông tin	x				
67	Dương Chí Thiện	Khoa Công nghệ thông tin		x			
68	Trần Thị Như Hoa	Khoa Công nghệ thông tin		x			
69	Nguyễn Thị Loan	Khoa Công nghệ thông tin		x			
70	Nguyễn Đức Quân	Khoa Công nghệ thông tin		x			
71	Nguyễn Quang Khánh	Khoa Công nghệ thông tin			x		
72	Ngô Thị Phương Thảo	Khoa Công nghệ thông tin	x				
73	Trần Mai Hương	Khoa Công nghệ thông tin			x		
74	Đinh Bảo Ngọc	Khoa Công nghệ thông tin	x				
75	Nguyễn Thị Phấn	Khoa Công nghệ thông tin		x			
76	Diêm Thị Thùy	Khoa Công nghệ thông tin		x			
77	Nguyễn Thị Hữu Phương	Khoa Công nghệ thông tin	x				
78	Phạm Văn Đồng	Khoa Công nghệ thông tin			x		
79	Hồ Thị Thảo Trang	Khoa Công nghệ thông tin		x			
80	Nguyễn Thị Thanh	Khoa Công nghệ thông tin	x				
81	Đặng Hữu Nghị	Khoa Công nghệ thông tin		x			
82	Phạm Thị Hải Vân	Khoa Công nghệ thông tin		x			
83	Bùi Thế Vinh	Khoa Công nghệ thông tin					x
84	Võ Thị Thu Trang	Khoa Công nghệ thông tin					x

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức đánh giá xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
85	Đoàn Khánh Hoàng	Khoa Công nghệ thông tin					x
86	Trần Trường Giang	Khoa Công nghệ thông tin					x
87	Trần Thị Hòa	Khoa Công nghệ thông tin					x
88	Nguyễn Trường Linh	Khoa Công nghệ thông tin					x
89	Nguyễn Minh Hòa	Khoa Dầu khí			x		
90	Bùi Thị Ngân	Khoa Dầu khí			x		
91	Nguyễn Duy Mười	Khoa Dầu khí			x		
92	Nguyễn Thị Minh Hồng	Khoa Dầu khí			x		
93	Trần Danh Hùng	Khoa Dầu khí	x				
94	Kiều Duy Thông	Khoa Dầu khí		x			
95	Dương Văn Hào	Khoa Dầu khí	x				
96	Vũ Hồng Dương	Khoa Dầu khí	x				
97	Trương Văn Từ	Khoa Dầu khí		x			
98	Nguyễn Văn Thành	Khoa Dầu khí	x				
99	Doãn Thị Trâm	Khoa Dầu khí		x			
100	Nguyễn Khắc Long	Khoa Dầu khí	x				
101	Nguyễn Trần Tuân	Khoa Dầu khí	x				
102	Bùi Thị Lệ Thủy	Khoa Dầu khí	x				
103	Phạm Xuân Núi	Khoa Dầu khí	x				
104	Phạm Trung Kiên	Khoa Dầu khí	x				
105	Ngô Thanh Hải	Khoa Dầu khí		x			
106	Vũ Văn Toàn	Khoa Dầu khí	x				
107	Nguyễn Thu Thủy	Khoa Dầu khí	x				
108	Nguyễn Thị Thu Hằng	Khoa Dầu khí	x				
109	Lê Văn Nam	Khoa Dầu khí	x				
110	Nguyễn Văn Vinh	Khoa Dầu khí		x			
111	Vũ Cúc Phương	Khoa Dầu khí	x				
112	Trần Ngọc Tuân	Khoa Dầu khí		x			
113	Phan Thị Hồng	Khoa Dầu khí			x		
114	Trương Thị Chinh	Khoa Dầu khí					x
115	Phạm Ngọc Kiên	Khoa Dầu khí			x		
116	Đỗ Thành Sỹ	Khoa Dầu khí					x
117	Tô Hữu Toàn	Khoa Dầu khí					x
118	Tống Trần Anh	Khoa Dầu khí			x		
119	Trần Hữu Kiên	Khoa Dầu khí			x		
120	Đoàn Văn Huấn	Khoa Dầu khí					x
121	Hồ Văn Sơn	Khoa Dầu khí					x
122	Đào Thị Uyên	Khoa Dầu khí			x		
123	Nguyễn Thị Hải Yến	Khoa Dầu khí					x
124	Dương Viết Cường	Khoa Dầu khí					x
125	Trần Văn Hữu	Khoa Dầu khí			x		
126	Trần Văn Độ	Khoa Giáo dục quốc phòng		x			
127	Hoàng Xuân Trường	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
128	Nguyễn Văn Phong	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức đánh giá xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
129	Nghiêm Công Đĩnh	Khoa Giáo dục quốc phòng		x			
130	Lê Thị Định	Khoa Giáo dục quốc phòng		x			
131	Phạm Công Tú	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
132	Nguyễn Quốc Hưng	Khoa KH và KTĐC			x		
133	Ngô Thị Kim Chi	Khoa KH và KTĐC	x				
134	Bùi Vinh Hậu	Khoa KH và KTĐC	x				
135	Hoàng Đình Quế	Khoa KH và KTĐC			x		
136	Phan Văn Bình	Khoa KH và KTĐC			x		
137	Nhữ Việt Hà	Khoa KH và KTĐC	x				
138	Phạm Thị Việt Nga	Khoa KH và KTĐC			x		
139	Nguyễn Thành Dương	Khoa KH và KTĐC	x				
140	Nguyễn Văn Hùng	Khoa KH và KTĐC		x			
141	Nguyễn Văn Lâm	Khoa KH và KTĐC	x				
142	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Khoa KH và KTĐC			x		
143	Vũ Thu Hiền	Khoa KH và KTĐC			x		
144	Trần Vũ Long	Khoa KH và KTĐC			x		
145	Đào Đức Bằng	Khoa KH và KTĐC			x		
146	Lê Tiến Dũng	Khoa KH và KTĐC					x
147	Nguyễn Khắc Giảng	Khoa KH và KTĐC			x		
148	Đặng Thị Vinh	Khoa KH và KTĐC		x			
149	Nguyễn Hữu Trọng	Khoa KH và KTĐC			x		
150	Phạm Trường Sinh	Khoa KH và KTĐC			x		
151	Nguyễn Trung Thành	Khoa KH và KTĐC			x		
152	Lê Thị Ngọc Tú	Khoa KH và KTĐC		x			
153	Phan Viết Sơn	Khoa KH và KTĐC	x				
154	Khương Thế Hùng	Khoa KH và KTĐC	x				
155	Đỗ Mạnh An	Khoa KH và KTĐC	x				
156	Bùi Thanh Tịnh	Khoa KH và KTĐC	x				
157	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Khoa KH và KTĐC	x				
158	Tạ Thị Toán	Khoa KH và KTĐC		x			
159	Phạm Thị Thanh Hiền	Khoa KH và KTĐC		x			
160	Lê Thị Thu	Khoa KH và KTĐC		x			
161	Hoàng Thị Thoa	Khoa KH và KTĐC	x				
162	Nguyễn Khắc Du	Khoa KH và KTĐC	x				
163	Ngô Xuân Đắc	Khoa KH và KTĐC			x		
164	Kiều Thị Vân Anh	Khoa KH và KTĐC			x		
165	Phạm Thị Ngọc Hà	Khoa KH và KTĐC	x				
166	Phùng Hữu Hải	Khoa KH và KTĐC			x		
167	Bùi Thị Thu Hiền	Khoa KH và KTĐC	x				
168	Vũ Thị Hiền	Khoa KH và KTĐC			x		
169	Hà Thành Như	Khoa KH và KTĐC			x		
170	Hồ Thanh Bình	Khoa KH và KTĐC			x		
171	Phan Thị Thùy Dương	Khoa KH và KTĐC	x				
172	Vũ Anh Thư	Khoa KH và KTĐC					x

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức đánh giá xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
173	Đào Văn Nghiêm	Khoa KH và KTĐC					x
174	Nguyễn Trường Tài	Khoa KH và KTĐC					x
175	Vũ Anh Đạo	Khoa KH và KTĐC		x			
176	Bùi Văn Bình	Khoa KH và KTĐC			x		
177	Dương Văn Bình	Khoa KH và KTĐC			x		
178	Nguyễn Ngọc Dũng	Khoa KH và KTĐC			x		
179	Vũ Văn Hưng	Khoa KH và KTĐC					x
180	Trần Quang Tuấn	Khoa KH và KTĐC			x		
181	Nguyễn Hữu Mạnh	Khoa KH và KTĐC			x		
182	Lê Xuân Trường	Khoa KH và KTĐC					x
183	Phạm Như Sang	Khoa KH và KTĐC					x
184	Nguyễn Duy Hưng	Khoa KH và KTĐC					x
185	Nguyễn Đình Luyện	Khoa KH và KTĐC					x
186	Nguyễn Xuân Phú	Khoa KH và KTĐC					x
187	Phạm Minh Tuấn	Khoa KH và KTĐC					x
188	Đinh Công Đạt	Khoa Khoa học cơ bản		x			
189	Trần Thị Trâm	Khoa Khoa học cơ bản			x		
190	Lã Ngọc Linh	Khoa Khoa học cơ bản		x			
191	Lê Viết Tuấn	Khoa Khoa học cơ bản		x			
192	Nguyễn Huy Thông	Khoa Khoa học cơ bản	x				
193	Trần Lan Hương	Khoa Khoa học cơ bản		x			
194	Đỗ Tiến Thiết	Khoa Khoa học cơ bản		x			
195	Nguyễn Trường Đông	Khoa Khoa học cơ bản		x			
196	Chu Thị Hồng Hạnh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
197	Vũ Thị Hương Giang	Khoa Khoa học cơ bản			x		
198	Trần Hồng Hải	Khoa Khoa học cơ bản					x
199	Hoàng Văn Tài	Khoa Khoa học cơ bản			x		
200	Đỗ Việt Anh	Khoa Khoa học cơ bản		x			
201	Phạm Thị Mai Anh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
202	Phạm Tiến Dũng	Khoa Khoa học cơ bản			x		
203	Lê Thị Duyên	Khoa Khoa học cơ bản	x				
204	Nguyễn Mạnh Hà	Khoa Khoa học cơ bản			x		
205	Nguyễn Thu Hà	Khoa Khoa học cơ bản			x		
206	Đỗ Thị Hải	Khoa Khoa học cơ bản			x		
207	Võ Thị Hạnh	Khoa Khoa học cơ bản	x				
208	Hà Mạnh Hùng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
209	Nguyễn Thị Thu Hiền	Khoa Khoa học cơ bản			x		
210	Vũ Duy Thịnh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
211	Lê Thị Vinh	Khoa Khoa học cơ bản	x				
212	Nguyễn Viết Hùng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
213	Nguyễn Thị Kim Thoa	Khoa Khoa học cơ bản			x		
214	Trần Đình Thước	Khoa Khoa học cơ bản			x		
215	Nguyễn Thị Thu Phúc	Khoa Khoa học cơ bản			x		
216	Lê Thị Thúy Hà	Khoa Khoa học cơ bản			x		

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức đánh giá xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
217	Đặng Thanh Mai	Khoa Khoa học cơ bản		x			
218	Nguyễn Hồng Vân	Khoa Khoa học cơ bản		x			
219	Vũ Thanh Tâm	Khoa Khoa học cơ bản			x		
220	Nguyễn Ánh Hoa	Khoa Khoa học cơ bản			x		
221	Trịnh Thị Vân	Khoa Khoa học cơ bản			x		
222	Nguyễn Thị Cúc	Khoa Khoa học cơ bản			x		
223	Vũ Thái Linh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
224	Nguyễn Thị Hằng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
225	Đào Xuân Hưng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
226	Phạm Ngọc Anh	Khoa Khoa học cơ bản	x				
227	Lê Bích Phượng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
228	Hoàng Ngự Huấn	Khoa Khoa học cơ bản	x				
229	Hà Hữu Cao Trình	Khoa Khoa học cơ bản			x		
230	Nguyễn Thế Lâm	Khoa Khoa học cơ bản		x			
231	Nguyễn Thu Hằng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
232	Lê Thị Hương Giang	Khoa Khoa học cơ bản	x				
233	Nguyễn Thùy Linh	Khoa Khoa học cơ bản	x				
234	Nguyễn Thị Hiền	Khoa Khoa học cơ bản		x			
235	Vũ Bá Dũng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
236	Nguyễn Xuân Chung	Khoa Khoa học cơ bản	x				
237	Trần Thị Hà	Khoa Khoa học cơ bản	x				
238	Đỗ Thị Hồng Hải	Khoa Khoa học cơ bản	x				
239	Nguyễn Thị Hậu	Khoa Khoa học cơ bản	x				
240	Đào Việt Thắng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
241	Nguyễn Thị Diệu Thu	Khoa Khoa học cơ bản		x			
242	Tống Bá Tuấn	Khoa Khoa học cơ bản	x				
243	Hồ Quỳnh Anh	Khoa Khoa học cơ bản		x			
244	Hà Thị Hiến	Khoa Khoa học cơ bản		x			
245	Bùi Hữu Nguyên	Khoa Khoa học cơ bản					x
246	Đỗ Hữu Tùng	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
247	Phan Thị Thái	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
248	Nguyễn Thu Hà	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
249	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
250	Phạm Ngọc Tuấn	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
251	Lê Văn Chiến	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
252	Phạm Kiên Trung	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
253	Lê Đình Chiều	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
254	Lê Thị Thu Hường	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
255	Nguyễn Đức Thắng	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
256	Phan Thị Thùy Linh	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
257	Nguyễn Thị Hường	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
258	Nguyễn Văn Thưởng	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
259	Nguyễn Văn Bưởi	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
260	Nguyễn Thị Hồng Loan	Khoa Kinh tế - QTKD	x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức đánh giá xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
261	Phạm Thu Trang	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
262	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
263	Nguyễn Thanh Thảo	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
264	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
265	Vũ Thị Hiền	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
266	Lưu Thị Thu Hà	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
267	Nguyễn Tiến Hưng	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
268	Phí Thị Kim Thư	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
269	Phạm Thu Hương	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
270	Phạm Minh Hải	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
271	Dương Thị Nhàn	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
272	Nguyễn Thị Minh Thu	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
273	Lê Thị Thu Hồng	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
274	Hoàng Thị Thủy	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
275	Nguyễn Thị Huyền Trang	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
276	Phan Minh Quang	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
277	Nguyễn Thị Kim Liên	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
278	Vũ Ngọc Thịnh	Khoa Kinh tế - QTKD			x		
279	Phạm Thị Châu Giang	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
280	Nguyễn Thị Thu Dung	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
281	Trần Thị Khánh Vân	Khoa Kinh tế - QTKD			x		
282	Trần Trung Nguyên	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
283	Trần Văn Hiệp	Khoa Kinh tế - QTKD			x		
284	Nguyễn Thị Thúy Hà	Khoa Lý luận chính trị	x				
285	Lê Quốc Hiệp	Khoa Lý luận chính trị	x				
286	Đặng Thị Thanh Trâm	Khoa Lý luận chính trị	x				
287	Nguyễn Tuấn Vương	Khoa Lý luận chính trị	x				
288	Bùi Thị Thùy Dương	Khoa Lý luận chính trị	x				
289	Nguyễn Lê Hà Giang	Khoa Lý luận chính trị					x
290	Trần Thị Lan Hương	Khoa Lý luận chính trị	x				
291	Ngô Văn Hưởng	Khoa Lý luận chính trị	x				
292	Dương Thị Tuyết Nhung	Khoa Lý luận chính trị	x				
293	Đào Thị Tuyết	Khoa Lý luận chính trị	x				
294	Nguyễn Thị Kim Dung	Khoa Lý luận chính trị	x				
295	Đỗ Thị Vân Hà	Khoa Lý luận chính trị	x				
296	Lê Thị Yến	Khoa Lý luận chính trị	x				
297	Nguyễn Thu Hương	Khoa Lý luận chính trị		x			
298	Đỗ Anh Sơn	Khoa Mỏ			x		
299	Phạm Đức Hưng	Khoa Mỏ	x				
300	Đào Văn Chi	Khoa Mỏ	x				
301	Nguyễn Phi Hùng	Khoa Mỏ	x				
302	Lê Tiến Dũng	Khoa Mỏ	x				
303	Nguyễn Hồng Cường	Khoa Mỏ			x		
304	Nguyễn Văn Quang	Khoa Mỏ	x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức đánh giá xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
305	Đặng Phương Thảo	Khoa Mỏ			x		
306	Vũ Thái Tiến Dũng	Khoa Mỏ	x				
307	Lê Thị Thu Hoa	Khoa Mỏ	x				
308	Nguyễn Đình An	Khoa Mỏ	x				
309	Lê Quí Thảo	Khoa Mỏ	x				
310	Phạm Văn Việt	Khoa Mỏ	x				
311	Trần Đình Bão	Khoa Mỏ	x				
312	Nguyễn Hoàng	Khoa Mỏ	x				
313	Nguyễn Viết Thắng	Khoa Mỏ		x			
314	Trần Mạnh Tiến	Khoa Mỏ	x				
315	Vũ Thị Chinh	Khoa Mỏ		x			
316	Trần Văn Được	Khoa Mỏ	x				
317	Phạm Thị Nhung	Khoa Mỏ			x		
318	Phùng Tiến Thuật	Khoa Mỏ	x				
319	Nguyễn Ngọc Phú	Khoa Mỏ			x		
320	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Khoa Mỏ	x				
321	Hoàng Thị Nga	Khoa Mỏ	x				
322	Đinh Thị Thanh Nhàn	Khoa Mỏ	x				
323	Nguyễn Nam Hòa	Khoa Mỏ			x		
324	Lê Việt Hà	Khoa Mỏ	x				
325	Lê Thị Hải	Khoa Mỏ			x		
326	Nhữ Văn Phúc	Khoa Mỏ			x		
327	Lê Quang Phục	Khoa Mỏ	x				
328	Lê Thị Minh Hạnh	Khoa Mỏ			x		
329	Đỗ Ngọc Hoàn	Khoa Mỏ		x			
330	Bùi Thị Thuyết	Khoa Mỏ			x		
331	Hoàng Hữu Đường	Khoa Mỏ					x
332	Phạm Thanh Hải	Khoa Mỏ					x
333	Nguyễn Như Hùng	Khoa Mỏ					x
334	Đặng Quang Hưng	Khoa Mỏ					x
335	Trần Thị Kim Hà	Khoa Môi trường			x		
336	Phạm Khánh Huy	Khoa Môi trường		x			
337	Trần Thị Thu Hương	Khoa Môi trường	x				
338	Nguyễn Mai Hoa	Khoa Môi trường		x			
339	Đỗ Thị Hải	Khoa Môi trường	x				
340	Nguyễn Quang Minh	Khoa Môi trường			x		
341	Đỗ Cao Cường	Khoa Môi trường	x				
342	Trần Anh Quân	Khoa Môi trường		x			
343	Vũ Thị Phương Thảo	Khoa Môi trường		x			
344	Trần Hồng Hà	Khoa Môi trường			x		
345	Đặng Thị Ngọc Thủy	Khoa Môi trường		x			
346	Trần Thị Ngọc	Khoa Môi trường		x			
347	Nguyễn Thị Hòa	Khoa Môi trường		x			
348	Nguyễn Thị Hồng	Khoa Môi trường	x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức đánh giá xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
349	Đào Trung Thành	Khoa Môi trường	x				
350	Nguyễn Phương Đông	Khoa Môi trường	x				
351	Nguyễn Thị Thu Huyền	Khoa Môi trường	x				
352	Nguyễn Phương	Khoa Môi trường	x				
353	Đỗ Văn Nhuận	Khoa Môi trường	x				
354	Hoàng Thị Chung	Khoa Môi trường				x	
355	Nguyễn Thị Cúc	Khoa Môi trường	x				
356	Phan Thị Mai Hoa	Khoa Môi trường			x		
357	Vũ Thị Lan Anh	Khoa Môi trường		x			
358	Hạ Quang Hưng	Khoa Môi trường			x		
359	Hoàng Thu Trang	Khoa Môi trường	x				
360	Nguyễn Văn Bình	Khoa Môi trường			x		
361	Dương Anh Quân	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
362	Trần Thị Tuyết Vinh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
363	Nguyễn Văn Lợi	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
364	Phạm Văn Hiệp	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
365	Nguyễn Văn Trung	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
366	Trần Thanh Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
367	Trần Hồng Hạnh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
368	Lê Thanh Nghị	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
369	Phạm Thị Thanh Hòa	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
370	Dương Vân Phong	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
371	Lê Thị Thanh Tâm	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
372	Phạm Ngọc Quang	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
373	Trần Khánh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
374	Đinh Thị Lệ Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
375	Nguyễn Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
376	Phạm Trung Dũng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
377	Nguyễn Thị Kim Thanh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
378	Trần Thùy Linh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
379	Phạm Công Khải	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
380	Vương Trọng Kha	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
381	Lê Thị Thu Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
382	Võ Ngọc Dũng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
383	Phạm Thị Làn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
384	Cao Xuân Cường	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
385	Lê Văn Cảnh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
386	Nguyễn Thị Dung	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
387	Trần Đình Thành	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
388	Nguyễn Thế Công	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
389	Phạm Thị Kim Thoa	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
390	Đặng Thị Hoàng Nga	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
391	Đinh Hải Nam	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
392	Trần Xuân Miễn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức đánh giá xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
393	Phùng Minh Sơn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
394	Hoàng Ngọc Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
395	Đinh Công Hòa	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
396	Nguyễn Quang Minh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
397	Lê Ngọc Giang	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
398	Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
399	Hoàng Anh Tuấn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
400	Nguyễn Danh Đức	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
401	Nguyễn Thị Hiền	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
402	Đoàn Thị Nam Phương	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
403	Nguyễn Thị Mến	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
404	Cù Thị Thu Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
405	Nguyễn Quang Thắng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
406	Tạ Thị Thu Hường	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
407	Nguyễn Thị Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
408	Trương Minh Hùng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
409	Trần Anh Tuấn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
410	Trần Thị Hương Giang	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
411	Phạm Hà Thái	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
412	Lê Thu Trang	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
413	Nguyễn Bá Duy	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
414	Nguyễn Minh Hải	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
415	Bùi Khắc Luyên	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
416	Nguyễn Thái Chinh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
417	Vũ Đình Toàn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
418	Kim Thị Thu Hương	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
419	Nguyễn Văn Lâm	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
420	Nguyễn Xuân Mãn	Khoa Xây dựng	x				
421	Tăng Văn Lâm	Khoa Xây dựng	x				
422	Phạm Thị Nhàn	Khoa Xây dựng	x				
423	Võ Trọng Hùng	Khoa Xây dựng	x				
424	Ngô Doãn Hào	Khoa Xây dựng	x				
425	Trần Tuấn Minh	Khoa Xây dựng	x				
426	Đào Viết Đoàn	Khoa Xây dựng	x				
427	Nguyễn Duyên Phong	Khoa Xây dựng	x				
428	Nguyễn Chí Thành	Khoa Xây dựng	x				
429	Đỗ Ngọc Thái	Khoa Xây dựng	x				
430	Hoàng Đình Phúc	Khoa Xây dựng		x			
431	Vũ Minh Ngạn	Khoa Xây dựng		x			
432	Phạm Văn Hùng	Khoa Xây dựng	x				
433	Tạ Đức Thịnh	Khoa Xây dựng		x			
434	Đặng Quang Huy	Khoa Xây dựng			x		
435	Bùi Anh Thắng	Khoa Xây dựng			x		
436	Lê Huy Việt	Khoa Xây dựng	x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức đánh giá xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
437	Nguyễn Thị Hương	Khoa Xây dựng		x			
438	Phạm Thanh Huyền	Khoa Xây dựng	x				
439	Ngọ Thị Hương Trang	Khoa Xây dựng	x				
440	Đinh Hải Nam	Khoa Xây dựng					x
441	Đặng Văn Phi	Khoa Xây dựng			x		
442	Ngô Xuân Hùng	Khoa Xây dựng			x		
443	Nguyễn Văn Trí	Khoa Xây dựng					x
444	Nguyễn Tài Tiến	Khoa Xây dựng			x		
445	Đỗ Mạnh Tấn	Khoa Xây dựng					x
446	Phan Tuấn Anh	Khoa Xây dựng					x
447	Trần Mạnh Hùng	Khoa Xây dựng					x
448	Phạm Ngọc Anh	Khoa Xây dựng					x
449	Lại Thiên Nguyên	Ban Quản lý các dự án		x			
450	Nguyễn Tiến Dũng	Ban Quản lý các dự án	x				
451	Nguyễn Thị Sơn	Ban Quản lý các dự án	x				
452	Nguyễn Ngọc Dương	Ban Quản lý các dự án		x			
453	Trịnh Thị Hợp	Phòng Cơ sở vật chất	x				
454	Nguyễn Thúy Hà	Phòng Cơ sở vật chất	x				
455	Nguyễn Thế Tĩnh	Phòng Cơ sở vật chất	x				
456	Nguyễn Thị Thu Hà	Phòng Cơ sở vật chất	x				
457	Tạ Văn Minh	Phòng Cơ sở vật chất	x				
458	Đoàn Thị Kim Quy	Phòng Cơ sở vật chất			x		
459	Ninh Ngọc Cương	Phòng Cơ sở vật chất		x			
460	Lê Tiến Dũng	Phòng Cơ sở vật chất			x		
461	Nguyễn Thế	Phòng Cơ sở vật chất		x			
462	Trần Thị Hương	Phòng Cơ sở vật chất	x				
463	Nguyễn Đình Cường	Phòng Cơ sở vật chất	x				
464	Trần Thị Thu Huyền	Phòng Cơ sở vật chất			x		
465	Nguyễn Duy Hiệp	Phòng Cơ sở vật chất	x				
466	Trần Thiện Căn	Phòng Cơ sở vật chất			x		
467	Nguyễn Thị Thúy	Phòng Cơ sở vật chất			x		
468	Phạm Thị Hương	Phòng Công tác Chính trị - Sinh viên		x			
469	Nguyễn Thị Hồng Vân	Phòng Công tác Chính trị - Sinh viên	x				
470	Đào Thị Thơm	Phòng Công tác Chính trị - Sinh viên	x				
471	Nguyễn Thùy Linh	Phòng Công tác Chính trị - Sinh viên	x				
472	Trương Thúy Hà	Phòng Công tác Chính trị - Sinh viên		x			
473	Phan Thị Thúy	Phòng Công tác Chính trị - Sinh viên	x				
474	Chu Thị Thúy Nga	Phòng Công tác Chính trị - Sinh viên		x			
475	Dương Mai Yến	Phòng Đảm bảo chất lượng giáo dục		x			
476	Ngô Thái Vinh	Phòng Đảm bảo chất lượng giáo dục	x				
477	Dương Thị Hồng Đài	Phòng Đảm bảo chất lượng giáo dục	x				
478	Nguyễn Văn Đức	Phòng Đào tạo đại học		x			
479	Đặng Thị Hồng Vân	Phòng Đào tạo đại học	x				
480	Nguyễn Tuấn Thành	Phòng Đào tạo đại học	x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức đánh giá xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
481	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phòng Đào tạo đại học	x				
482	Nguyễn Thị Minh Thu	Phòng Đào tạo đại học		x			
483	Phạm Thị Nguyên	Phòng Đào tạo đại học		x			
484	Bùi Thị Mai	Phòng Đào tạo đại học	x				
485	Lại Kim Cương	Phòng Đào tạo đại học	x				
486	Nguyễn Quốc Dũng	Phòng Đào tạo đại học	x				
487	Đào Duy Nam	Phòng Đào tạo đại học		x			
488	Nguyễn Thị Thanh Loan	Phòng Đào tạo đại học		x			
489	Hà Ngọc Kiên	Phòng Đào tạo sau đại học	x				
490	Hoàng Thị Phương Dung	Phòng Đào tạo sau đại học	x				
491	Nguyễn Thị Vân	Phòng Đào tạo sau đại học	x				
492	Phạm Ngọc Hà	Phòng Đào tạo sau đại học		x			
493	Lê Đức Cường	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
494	Nguyễn Ngọc Sự	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
495	Nguyễn Đức Năng	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
496	Bùi Huy Văn	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
497	Lê Đức Minh	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
498	Lý Hồng Khanh	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
499	Nguyễn Quang Hải	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
500	Trần Văn Huyên	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
501	Hà Ngọc Trường	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
502	Lê Hoài Nam	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
503	Hoàng Văn Sinh	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
504	Phạm Văn Khương	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
505	Phạm Trường Sơn	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
506	Dương Thành Quảng	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
507	Lưu Hữu Phước	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
508	Nguyễn Đức Toàn	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
509	Nguyễn Thị Nga	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
510	Nguyễn Thị Chi	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
511	Nguyễn Minh Thu	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
512	Nguyễn Thị Dàng	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
513	Hàn Văn Tưởng	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
514	Chu Thế Mạnh	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
515	Nguyễn Thị Thắm	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
516	Trần Thị Lan Phương	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
517	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng Hợp tác Quốc tế	x				
518	Nguyễn Thị Sim	Phòng Hợp tác Quốc tế			x		
519	Nguyễn Đạo Lý Nhân Phúc	Phòng Hợp tác Quốc tế			x		
520	Đỗ Bảo Anh Phương	Phòng Hợp tác Quốc tế			x		
521	Quách Thị Nhịp	Phòng Kế hoạch Tài chính			x		
522	Nhâm Quỳnh Giang	Phòng Kế hoạch Tài chính			x		
523	Trương Thị Thanh Huyền	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
524	Nguyễn Thu Hà	Phòng Kế hoạch Tài chính			x		

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức đánh giá xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
525	Cao Thu Hoài	Phòng Kế hoạch Tài chính			x		
526	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
527	Đỗ Thủy Trà My	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
528	Phạm Tuyết Mai	Phòng Kế hoạch Tài chính			x		
529	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Phòng Khoa học Công nghệ	x				
530	Hoàng Thu Hằng	Phòng Khoa học Công nghệ	x				
531	Phạm Đức Nghiệp	Phòng Khoa học Công nghệ		x			
532	Nguyễn Thanh Hải	Phòng Khoa học Công nghệ		x			
533	Lê Chí Phúc	Phòng QHCC & DN		x			
534	Nguyễn Hồng Hạnh	Phòng QHCC & DN	x				
535	Đoàn Thị Luyên	Phòng QHCC & DN	x				
536	Nguyễn Thị Biên	Phòng QHCC & DN		x			
537	Nguyễn Thế Anh	Phòng QHCC & DN			x		
538	Đặng Lê Văn	Phòng QHCC & DN	x				
539	Hà Thị Liễu	Phòng Tổ chức - Cán bộ	x				
540	Đoàn Nguyễn Thanh Hương	Phòng Tổ chức - Cán bộ		x			
541	Lê Thị Thu	Phòng Tổ chức - Cán bộ		x			
542	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Phòng Xuất bản		x			
543	Võ Thị Công Chính	Phòng Xuất bản	x				
544	Trịnh Trọng An	Phòng Xuất bản		x			
545	Bùi Thị Thanh Vân	Trạm Y tế	x				
546	Nguyễn Thị Thu Thụy	Trạm Y tế	x				
547	Mai Ngọc Liên	Trạm Y tế		x			
548	Đỗ Khắc Điệp	Trung tâm Dịch vụ		x			
549	Nguyễn Thị Hồng	Trung tâm Dịch vụ		x			
550	Nguyễn Văn Hùng	Trung tâm Dịch vụ		x			
551	Vũ Thế Hùng	Trung tâm Dịch vụ	x				
552	Đinh Hữu Khánh	Trung tâm Dịch vụ		x			
553	Nguyễn Văn Khẩn	Trung tâm Dịch vụ	x				
554	Quách Thị Thu Phương	Trung tâm Dịch vụ		x			
555	Nguyễn Xuân Thuận	Trung tâm Dịch vụ		x			
556	Bùi Thị Kim Anh	Trung tâm Dịch vụ		x			
557	Phan Thanh Chương	Trung tâm Dịch vụ		x			
558	Trần Thị Dược	Trung tâm Dịch vụ		x			
559	Phạm Thị Quy	Trung tâm Dịch vụ		x			
560	Phạm Thị Thanh Tâm	Trung tâm Dịch vụ		x			
561	Vũ Thị Phương Thùy	Trung tâm Dịch vụ		x			
562	Lê Thị Thanh Xuân	Trung tâm Dịch vụ	x				
563	Nguyễn Mai Hà	Trung tâm Dịch vụ	x				
564	Hà Tú Hương	Trung tâm Dịch vụ		x			
565	Nguyễn Thị Thu	Trung tâm Dịch vụ		x			
566	Vũ Thị Hoài Thu	Trung tâm ngoại ngữ - Tin học	x				
567	Đỗ Thị Thanh Thủy	Trung tâm ngoại ngữ - Tin học		x			
568	Ngô Huyền Giang	Trung tâm ngoại ngữ - Tin học	x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức đánh giá xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
569	Trần Thị Thu Hiền	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học					x
570	Trịnh Thế Lực	Trung tâm PTTN công nghệ cao	x				
571	Đặng Ngọc Cương	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
572	Hoàng Thị Thúy	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
573	Nguyễn Hữu Độ	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
574	Đỗ Lệ Chi	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
575	Ngô Thị Hương Liên	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
576	Hoàng Thị Hiền	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
577	Nguyễn Duy Hiếu	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
578	Đỗ Thị Mường	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
579	Nguyễn Thị Thu Thủy	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
580	Vũ Thị Ngọc	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
581	Đào Thị Hồng Diệp	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
582	Ngô Thị Thanh Hương	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
583	Phan Thị Phượng	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
584	Hoàng Thị Nga	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
585	Trần Văn Duy	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
586	Phạm Quang Ba	Văn phòng Chương trình tiên tiến			x		
587	Vũ Thu Hường	Văn phòng Chương trình tiên tiến		x			
588	Đỗ Thanh Dũng	Văn phòng Chương trình tiên tiến			x		
589	Đồng Hữu Tiến	Văn phòng Đại diện	x				
590	Trần Thị Mai Hương	Văn phòng Đại diện			x		
591	Phạm Tố Uyên	Văn phòng Đảng - Đoàn thể		x			
592	Phạm Thị Việt Nga	Văn phòng Đảng - Đoàn thể	x				
593	Đặng Thị Hằng Nga	Văn phòng Đảng - Đoàn thể	x				
Tổng			**267**	**149**	**127**	**1**	**49**

KẾT QUẢ CÔNG NHẬN DANH HIỆU THI ĐUA NĂM HỌC 2020-2021

(ban hành kèm theo Quyết định số 1272 /QĐ-MĐC ngày 16 tháng 12 năm 2021

I	**Danh hiệu Chiến sĩ thi đua**	
1	Nông Thị Oanh	Khoa Công nghệ thông tin
2	Phạm Trung Sơn	Khoa Cơ - Điện
3	Phạm Thị Thanh Loan	Khoa Cơ - Điện
4	Vũ Hồng Dương	Khoa Dầu khí
5	Nguyễn Khắc Long	Khoa Dầu khí
6	Phạm Xuân Núi	Khoa Dầu khí
7	Phạm Trung Kiên	Khoa Dầu khí
8	Phạm Công Tú	Khoa Giáo dục quốc phòng
9	Lê Thị Vinh	Khoa Khoa học cơ bản
10	Lê Bích Phượng	Khoa Khoa học cơ bản
11	Hoàng Ngự Huấn	Khoa Khoa học cơ bản
12	Trần Thị Hà	Khoa Khoa học cơ bản
13	Nguyễn Thành Dương	Khoa KH và KTĐC
14	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Khoa KH và KTĐC
15	Lê Đình Chiều	Khoa Kinh tế - QTKD
16	Đặng Thị Thanh Trâm	Khoa Lý luận chính trị
17	Ngô Văn Hưởng	Khoa Lý luận chính trị
18	Phạm Đức Hưng	Khoa Mỏ
19	Nguyễn Hoàng	Khoa Mỏ
20	Trần Mạnh Tiến	Khoa Mỏ
21	Trần Thị Thu Hương	Khoa Môi trường
22	Đào Trung Thành	Khoa Môi trường
23	Nguyễn Phương Đông	Khoa Môi trường
24	Nguyễn Phương	Khoa Môi trường
25	Phạm Công Khải	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
26	Tạ Thị Thu Hường	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
27	Trần Thị Hương	Phòng cơ sở vật chất
28	Nguyễn Thị Hồng Vân	Phòng Công tác Chính trị - Sinh viên
29	Nguyễn Tuấn Thành	Phòng Đào tạo đại học
30	Bùi Thị Mai	Phòng Đào tạo đại học
31	Hà Ngọc Kiên	Phòng đào tạo sau đại học
32	Nguyễn Minh Thu	Phòng Hành chính - Tổng hợp
33	Nguyễn Thị Thắm	Phòng Hành chính - Tổng hợp
34	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng hợp tác Quốc tế
35	Ngô Thái Vinh	Phòng KT và ĐBCLGD
36	Nguyễn Mai Hà	Trung tâm Dịch vụ
37	Ngô Huyền Giang	Trung tâm ngoại ngữ - Tin học
38	Phạm Thị Việt Nga	Văn phòng Đảng - Đoàn thể

II	**Lao động tiên tiến**	
1	Lê Thanh Huệ	Khoa Công nghệ thông tin
2	Vũ Thị Kim Liên	Khoa Công nghệ thông tin
3	Phạm Thị Nguyệt	Khoa Công nghệ thông tin
4	Nguyễn Thế Bình	Khoa Công nghệ thông tin
5	Phạm Quang Hiển	Khoa Công nghệ thông tin
6	Nguyễn Thị Phương Bắc	Khoa Công nghệ thông tin
7	Nguyễn Thùy Dương	Khoa Công nghệ thông tin
8	Đỗ Như Hải	Khoa Công nghệ thông tin
9	Đào Anh Thư	Khoa Công nghệ thông tin
10	Phạm Đình Tân	Khoa Công nghệ thông tin
11	Đặng Quốc Trung	Khoa Công nghệ thông tin
12	Nguyễn Tuấn Anh	Khoa Công nghệ thông tin
13	Đào Thị Tuyết	Khoa Công nghệ thông tin
14	Trần Thị Hải Vân	Khoa Công nghệ thông tin
15	Đào Thị Hồng Thắm	Khoa Công nghệ thông tin
16	Dương Thị Tâm	Khoa Công nghệ thông tin
17	Phạm An Cương	Khoa Công nghệ thông tin
18	Trương Xuân Bình	Khoa Công nghệ thông tin
19	Bùi Thị Ánh Nguyệt	Khoa Công nghệ thông tin
20	Bùi Thị Vân Anh	Khoa Công nghệ thông tin
21	Vũ Lan Phương	Khoa Công nghệ thông tin
22	Vương Thị Như Quỳnh	Khoa Công nghệ thông tin
23	Phạm Đức Hậu	Khoa Công nghệ thông tin
24	Dương Chí Thiện	Khoa Công nghệ thông tin
25	Trần Thị Như Hoa	Khoa Công nghệ thông tin
26	Nguyễn Thị Loan	Khoa Công nghệ thông tin
27	Nguyễn Đức Quân	Khoa Công nghệ thông tin
28	Ngô Thị Phương Thảo	Khoa Công nghệ thông tin
29	Đinh Bảo Ngọc	Khoa Công nghệ thông tin
30	Nguyễn Thị Phấn	Khoa Công nghệ thông tin
31	Diêm Thị Thùy	Khoa Công nghệ thông tin
32	Nguyễn Thị Hữu Phương	Khoa Công nghệ thông tin
33	Hồ Thị Thảo Trang	Khoa Công nghệ thông tin
34	Nguyễn Thị Thanh	Khoa Công nghệ thông tin
35	Đặng Hữu Nghị	Khoa Công nghệ thông tin
36	Phạm Thị Hải Vân	Khoa Công nghệ thông tin
37	Nguyễn Thị Bích Hậu	Khoa Cơ - Điện
38	Đào Thị Thủy	Khoa Cơ - Điện
39	Nguyễn Sơn Tùng	Khoa Cơ - Điện
40	Đoàn Kim Bình	Khoa Cơ - Điện
41	Kim Ngọc Linh	Khoa Cơ - Điện
42	Đinh Văn Thắng	Khoa Cơ - Điện
43	Cung Quang Khang	Khoa Cơ - Điện
44	Nguyễn Trường Giang	Khoa Cơ - Điện
45	Tống Ngọc Anh	Khoa Cơ - Điện
46	Nguyễn Thế Hoàng	Khoa Cơ - Điện
47	Nguyễn Khắc Lĩnh	Khoa Cơ - Điện
48	Lê Thị Hồng Thắng	Khoa Cơ - Điện

49	Phạm Minh Hải	Khoa Cơ - Điện
50	Uông Quang Tuyến	Khoa Cơ - Điện
51	Đào Hiếu	Khoa Cơ - Điện
52	Thái Hải Âu	Khoa Cơ - Điện
53	Nguyễn Thế Lực	Khoa Cơ - Điện
54	Phan Thị Mai Phương	Khoa Cơ - Điện
55	Lê Thị Hồng Diệp	Khoa Cơ - Điện
56	Đặng Viết Khuê	Khoa Cơ - Điện
57	Chu Mạnh Cường	Khoa Cơ - Điện
58	Đào Thị Hiền	Khoa Cơ - Điện
59	Nguyễn Thị Liên	Khoa Cơ - Điện
60	Trần Danh Hùng	Khoa Dầu khí
61	Kiều Duy Thông	Khoa Dầu khí
62	Dương Văn Hào	Khoa Dầu khí
63	Trương Văn Từ	Khoa Dầu khí
64	Nguyễn Văn Thành	Khoa Dầu khí
65	Doãn Thị Trâm	Khoa Dầu khí
66	Nguyễn Trần Tuân	Khoa Dầu khí
67	Bùi Thị Lệ Thủy	Khoa Dầu khí
68	Ngô Thanh Hải	Khoa Dầu khí
69	Vũ Văn Toàn	Khoa Dầu khí
70	Nguyễn Thu Thủy	Khoa Dầu khí
71	Nguyễn Thị Thu Hằng	Khoa Dầu khí
72	Lê Văn Nam	Khoa Dầu khí
73	Nguyễn Văn Vinh	Khoa Dầu khí
74	Vũ Cúc Phương	Khoa Dầu khí
75	Trần Ngọc Tuân	Khoa Dầu khí
76	Trần Văn Độ	Khoa Giáo dục quốc phòng
77	Hoàng Xuân Trường	Khoa Giáo dục quốc phòng
78	Nguyễn Văn Phong	Khoa Giáo dục quốc phòng
79	Nghiêm Công Đĩnh	Khoa Giáo dục quốc phòng
80	Lê Thị Định	Khoa Giáo dục quốc phòng
81	Đinh Công Đạt	Khoa Khoa học cơ bản
82	Lã Ngọc Linh	Khoa Khoa học cơ bản
83	Lê Viết Tuấn	Khoa Khoa học cơ bản
84	Nguyễn Huy Thông	Khoa Khoa học cơ bản
85	Trần Lan Hương	Khoa Khoa học cơ bản
86	Đỗ Tiến Thiết	Khoa Khoa học cơ bản
87	Nguyễn Trường Đông	Khoa Khoa học cơ bản
88	Đỗ Việt Anh	Khoa Khoa học cơ bản
89	Lê Thị Duyên	Khoa Khoa học cơ bản
90	Võ Thị Hạnh	Khoa Khoa học cơ bản
91	Hà Mạnh Hùng	Khoa Khoa học cơ bản
92	Nguyễn Viết Hùng	Khoa Khoa học cơ bản
93	Đặng Thanh Mai	Khoa Khoa học cơ bản
94	Nguyễn Hồng Vân	Khoa Khoa học cơ bản
95	Nguyễn Thị Hằng	Khoa Khoa học cơ bản
96	Đào Xuân Hưng	Khoa Khoa học cơ bản
97	Phạm Ngọc Anh	Khoa Khoa học cơ bản

98	Nguyễn Thế Lâm	Khoa Khoa học cơ bản
99	Nguyễn Thu Hằng	Khoa Khoa học cơ bản
100	Lê Thị Hương Giang	Khoa Khoa học cơ bản
101	Nguyễn Thùy Linh	Khoa Khoa học cơ bản
102	Vũ Bá Dũng	Khoa Khoa học cơ bản
103	Nguyễn Xuân Chung	Khoa Khoa học cơ bản
104	Đỗ Thị Hồng Hải	Khoa Khoa học cơ bản
105	Nguyễn Thị Hậu	Khoa Khoa học cơ bản
106	Đào Việt Thắng	Khoa Khoa học cơ bản
107	Nguyễn Thị Diệu Thu	Khoa Khoa học cơ bản
108	Tống Bá Tuấn	Khoa Khoa học cơ bản
109	Hồ Quỳnh Anh	Khoa Khoa học cơ bản
110	Hà Thị Hiến	Khoa Khoa học cơ bản
111	Ngô Thị Kim Chi	Khoa KH và KTĐC
112	Bùi Vinh Hậu	Khoa KH và KTĐC
113	Nhữ Việt Hà	Khoa KH và KTĐC
114	Nguyễn Văn Hùng	Khoa KH và KTĐC
115	Nguyễn Văn Lâm	Khoa KH và KTĐC
116	Đặng Thị Vinh	Khoa KH và KTĐC
117	Lê Thị Ngọc Tú	Khoa KH và KTĐC
118	Phan Viết Sơn	Khoa KH và KTĐC
119	Khương Thế Hùng	Khoa KH và KTĐC
120	Đỗ Mạnh An	Khoa KH và KTĐC
121	Bùi Thanh Tịnh	Khoa KH và KTĐC
122	Tạ Thị Toán	Khoa KH và KTĐC
123	Phạm Thị Thanh Hiền	Khoa KH và KTĐC
124	Lê Thị Thu	Khoa KH và KTĐC
125	Hoàng Thị Thoa	Khoa KH và KTĐC
126	Nguyễn Khắc Du	Khoa KH và KTĐC
127	Phạm Thị Ngọc Hà	Khoa KH và KTĐC
128	Bùi Thị Thu Hiền	Khoa KH và KTĐC
129	Phan Thị Thùy Dương	Khoa KH và KTĐC
130	Đỗ Hữu Tùng	Khoa Kinh tế - QTKD
131	Phan Thị Thái	Khoa Kinh tế - QTKD
132	Nguyễn Thu Hà	Khoa Kinh tế - QTKD
133	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	Khoa Kinh tế - QTKD
134	Phạm Ngọc Tuấn	Khoa Kinh tế - QTKD
135	Lê Văn Chiến	Khoa Kinh tế - QTKD
136	Phạm Kiên Trung	Khoa Kinh tế - QTKD
137	Lê Thị Thu Hường	Khoa Kinh tế - QTKD
138	Nguyễn Đức Thắng	Khoa Kinh tế - QTKD
139	Phan Thị Thùy Linh	Khoa Kinh tế - QTKD
140	Nguyễn Thị Hường	Khoa Kinh tế - QTKD
141	Nguyễn Văn Thưởng	Khoa Kinh tế - QTKD
142	Nguyễn Văn Bưởi	Khoa Kinh tế - QTKD
143	Nguyễn Thị Hồng Loan	Khoa Kinh tế - QTKD
144	Phạm Thu Trang	Khoa Kinh tế - QTKD
145	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Khoa Kinh tế - QTKD
146	Nguyễn Thanh Thảo	Khoa Kinh tế - QTKD

147	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Khoa Kinh tế - QTKD
148	Lưu Thị Thu Hà	Khoa Kinh tế - QTKD
149	Nguyễn Tiến Hưng	Khoa Kinh tế - QTKD
150	Phí Thị Kim Thư	Khoa Kinh tế - QTKD
151	Phạm Thu Hương	Khoa Kinh tế - QTKD
152	Phạm Minh Hải	Khoa Kinh tế - QTKD
153	Dương Thị Nhàn	Khoa Kinh tế - QTKD
154	Nguyễn Thị Minh Thu	Khoa Kinh tế - QTKD
155	Lê Thị Thu Hồng	Khoa Kinh tế - QTKD
156	Hoàng Thị Thủy	Khoa Kinh tế - QTKD
157	Nguyễn Thị Huyền Trang	Khoa Kinh tế - QTKD
158	Phan Minh Quang	Khoa Kinh tế - QTKD
159	Phạm Thị Châu Giang	Khoa Kinh tế - QTKD
160	Nguyễn Thị Thu Dung	Khoa Kinh tế - QTKD
161	Nguyễn Thị Thúy Hà	Khoa Lý luận chính trị
162	Lê Quốc Hiệp	Khoa Lý luận chính trị
163	Nguyễn Tuấn Vương	Khoa Lý luận chính trị
164	Bùi Thị Thùy Dương	Khoa Lý luận chính trị
165	Trần Thị Lan Hương	Khoa Lý luận chính trị
166	Dương Thị Tuyết Nhung	Khoa Lý luận chính trị
167	Đào Thị Tuyết	Khoa Lý luận chính trị
168	Nguyễn Thị Kim Dung	Khoa Lý luận chính trị
169	Đỗ Thị Vân Hà	Khoa Lý luận chính trị
170	Lê Thị Yến	Khoa Lý luận chính trị
171	Nguyễn Thu Hương	Khoa Lý luận chính trị
172	Đào Văn Chi	Khoa Mỏ
173	Nguyễn Phi Hùng	Khoa Mỏ
174	Lê Tiến Dũng	Khoa Mỏ
175	Nguyễn Văn Quang	Khoa Mỏ
176	Vũ Thái Tiến Dũng	Khoa Mỏ
177	Lê Thị Thu Hoa	Khoa Mỏ
178	Nguyễn Đình An	Khoa Mỏ
179	Lê Quí Thảo	Khoa Mỏ
180	Phạm Văn Việt	Khoa Mỏ
181	Trần Đình Bão	Khoa Mỏ
182	Nguyễn Viết Thắng	Khoa Mỏ
183	Vũ Thị Chinh	Khoa Mỏ
184	Trần Văn Được	Khoa Mỏ
185	Phùng Tiến Thuật	Khoa Mỏ
186	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Khoa Mỏ
187	Hoàng Thị Nga	Khoa Mỏ
188	Đinh Thị Thanh Nhàn	Khoa Mỏ
189	Lê Việt Hà	Khoa Mỏ
190	Phạm Khánh Huy	Khoa Môi trường
191	Nguyễn Mai Hoa	Khoa Môi trường
192	Đỗ Thị Hải	Khoa Môi trường
193	Đỗ Cao Cường	Khoa Môi trường
194	Trần Anh Quân	Khoa Môi trường
195	Vũ Thị Phương Thảo	Khoa Môi trường

196	Đặng Thị Ngọc Thủy	Khoa Môi trường
197	Trần Thị Ngọc	Khoa Môi trường
198	Nguyễn Thị Hòa	Khoa Môi trường
199	Nguyễn Thị Hồng	Khoa Môi trường
200	Nguyễn Thị Thu Huyền	Khoa Môi trường
201	Đỗ Văn Nhuận	Khoa Môi trường
202	Nguyễn Thị Cúc	Khoa Môi trường
203	Vũ Thị Lan Anh	Khoa Môi trường
204	Phạm Thị Thanh Hải	Khoa Môi trường
205	Hoàng Thu Trang	Khoa Môi trường
206	Dương Anh Quân	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
207	Phạm Văn Hiệp	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
208	Nguyễn Văn Trung	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
209	Trần Thanh Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
210	Trần Hồng Hạnh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
211	Lê Thanh Nghị	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
212	Phạm Thị Thanh Hòa	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
213	Dương Vân Phong	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
214	Lê Thị Thanh Tâm	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
215	Trần Khánh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
216	Nguyễn Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
217	Phạm Trung Dũng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
218	Nguyễn Thị Kim Thanh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
219	Trần Thùy Linh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
220	Vương Trọng Kha	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
221	Lê Thị Thu Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
222	Võ Ngọc Dũng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
223	Phạm Thị Làn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
224	Cao Xuân Cường	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
225	Lê Văn Cảnh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
226	Nguyễn Thế Công	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
227	Đinh Hải Nam	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
228	Trần Xuân Miễn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
229	Hoàng Ngọc Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
230	Nguyễn Quang Minh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
231	Nguyễn Danh Đức	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
232	Nguyễn Thị Hiền	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
233	Đoàn Thị Nam Phương	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
234	Nguyễn Thị Mến	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
235	Nguyễn Quang Thắng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
236	Nguyễn Thị Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
237	Trương Minh Hùng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
238	Trần Anh Tuấn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
239	Nguyễn Xuân Mãn	Khoa Xây dựng
240	Tăng Văn Lâm	Khoa Xây dựng
241	Phạm Thị Nhàn	Khoa Xây dựng
242	Võ Trọng Hùng	Khoa Xây dựng
243	Ngô Doãn Hào	Khoa Xây dựng
244	Trần Tuấn Minh	Khoa Xây dựng

245	Đào Viết Đoàn	Khoa Xây dựng
246	Nguyễn Duyên Phong	Khoa Xây dựng
247	Nguyễn Chí Thành	Khoa Xây dựng
248	Đỗ Ngọc Thái	Khoa Xây dựng
249	Hoàng Đình Phúc	Khoa Xây dựng
250	Vũ Minh Ngạn	Khoa Xây dựng
251	Phạm Văn Hùng	Khoa Xây dựng
252	Tạ Đức Thịnh	Khoa Xây dựng
253	Lê Huy Việt	Khoa Xây dựng
254	Nguyễn Thị Hương	Khoa Xây dựng
255	Phạm Thanh Huyền	Khoa Xây dựng
256	Ngọ Thị Hương Trang	Khoa Xây dựng
257	Lại Thiên Nguyên	Ban Quản lý các dự án
258	Nguyễn Tiến Dũng	Ban Quản lý các dự án
259	Nguyễn Thị Sơn	Ban Quản lý các dự án
260	Nguyễn Ngọc Dương	Ban Quản lý các dự án
261	Trịnh Thị Hợp	Phòng cơ sở vật chất
262	Nguyễn Thúy Hà	Phòng cơ sở vật chất
263	Nguyễn Thế Tĩnh	Phòng cơ sở vật chất
264	Nguyễn Thị Thu Hà	Phòng cơ sở vật chất
265	Tạ Văn Minh	Phòng cơ sở vật chất
266	Ninh Ngọc Cương	Phòng cơ sở vật chất
267	Nguyễn Thế	Phòng cơ sở vật chất
268	Nguyễn Đình Cường	Phòng cơ sở vật chất
269	Nguyễn Duy Hiệp	Phòng cơ sở vật chất
270	Phạm Thị Hương	Phòng Công tác Chính trị - Sinh viên
271	Đào Thị Thơm	Phòng Công tác Chính trị - Sinh viên
272	Nguyễn Thùy Linh	Phòng Công tác Chính trị - Sinh viên
273	Trương Thúy Hà	Phòng Công tác Chính trị - Sinh viên
274	Phan Thị Thúy	Phòng Công tác Chính trị - Sinh viên
275	Chu Thị Thúy Nga	Phòng Công tác Chính trị - Sinh viên
276	Nguyễn Văn Đức	Phòng Đào tạo đại học
277	Đặng Thị Hồng Vân	Phòng Đào tạo đại học
278	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phòng Đào tạo đại học
279	Nguyễn Thị Minh Thu	Phòng Đào tạo đại học
280	Phạm Thị Nguyên	Phòng Đào tạo đại học
281	Lại Kim Cương	Phòng Đào tạo đại học
282	Nguyễn Quốc Dũng	Phòng Đào tạo đại học
283	Đào Duy Nam	Phòng Đào tạo đại học
284	Nguyễn Thị Thanh Loan	Phòng Đào tạo đại học
285	Hoàng Thị Phương Dung	Phòng đào tạo sau đại học
286	Nguyễn Thị Vân	Phòng đào tạo sau đại học
287	Phạm Ngọc Hà	Phòng đào tạo sau đại học
288	Lê Đức Cường	Phòng Hành chính - Tổng hợp
289	Nguyễn Ngọc Sự	Phòng Hành chính - Tổng hợp
290	Nguyễn Đức Năng	Phòng Hành chính - Tổng hợp
291	Bùi Huy Văn	Phòng Hành chính - Tổng hợp
292	Lê Đức Minh	Phòng Hành chính - Tổng hợp
293	Lý Hồng Khanh	Phòng Hành chính - Tổng hợp

294	Nguyễn Quang Hải	Phòng Hành chính - Tổng hợp
295	Trần Văn Huyên	Phòng Hành chính - Tổng hợp
296	Hà Ngọc Trường	Phòng Hành chính - Tổng hợp
297	Lê Hoài Nam	Phòng Hành chính - Tổng hợp
298	Hoàng Văn Sinh	Phòng Hành chính - Tổng hợp
299	Phạm Văn Khương	Phòng Hành chính - Tổng hợp
300	Phạm Trường Sơn	Phòng Hành chính - Tổng hợp
301	Dương Thành Quảng	Phòng Hành chính - Tổng hợp
302	Lưu Hữu Phước	Phòng Hành chính - Tổng hợp
303	Nguyễn Đức Toàn	Phòng Hành chính - Tổng hợp
304	Nguyễn Thị Nga	Phòng Hành chính - Tổng hợp
305	Nguyễn Thị Chi	Phòng Hành chính - Tổng hợp
306	Nguyễn Thị Dàng	Phòng Hành chính - Tổng hợp
307	Hàn Văn Tưởng	Phòng Hành chính - Tổng hợp
308	Chu Thế Mạnh	Phòng Hành chính - Tổng hợp
309	Trần Thị Lan Phương	Phòng Hành chính - Tổng hợp
310	Trương Thị Thanh Huyền	Phòng Kế hoạch Tài chính
311	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng Kế hoạch Tài chính
312	Đỗ Thủy Trà My	Phòng Kế hoạch Tài chính
313	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Phòng Khoa học Công nghệ
314	Hoàng Thu Hằng	Phòng Khoa học Công nghệ
315	Phạm Đức Nghiệp	Phòng Khoa học Công nghệ
316	Nguyễn Thanh Hải	Phòng Khoa học Công nghệ
317	Dương Mai Yến	Phòng KT và ĐBCLGD
318	Dương Thị Hồng Đài	Phòng KT và ĐBCLGD
319	Nguyễn Hồng Hạnh	Phòng QHCC & DN
320	Đoàn Thị Luyên	Phòng QHCC & DN
321	Nguyễn Thị Biên	Phòng QHCC & DN
322	Đặng Lê Văn	Phòng QHCC & DN
323	Hà Thị Liễu	Phòng Tổ chức - Cán bộ
324	Đoàn Nguyễn Thanh Hương	Phòng Tổ chức - Cán bộ
325	Lê Thị Thu	Phòng Tổ chức - Cán bộ
326	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Phòng xuất bản
327	Võ Thị Công Chính	Phòng xuất bản
328	Trịnh Trọng An	Phòng xuất bản
329	Bùi Thị Thanh Vân	Trạm Y tế
330	Nguyễn Thị Thu Thụy	Trạm Y tế
331	Mai Ngọc Liên	Trạm Y tế
332	Đỗ Khắc Điệp	Trung tâm Dịch vụ
333	Nguyễn Thị Hồng	Trung tâm Dịch vụ
334	Nguyễn Văn Hùng	Trung tâm Dịch vụ
335	Vũ Thế Hùng	Trung tâm Dịch vụ
336	Nguyễn Văn Khẩn	Trung tâm Dịch vụ
337	Quách Thị Thu Phương	Trung tâm Dịch vụ
338	Nguyễn Xuân Thuận	Trung tâm Dịch vụ
339	Bùi Thị Kim Anh	Trung tâm Dịch vụ
340	Phan Thanh Chương	Trung tâm Dịch vụ
341	Trần Thị Dược	Trung tâm Dịch vụ
342	Phạm Thị Quy	Trung tâm Dịch vụ

343	Phạm Thị Thanh Tâm	Trung tâm Dịch vụ
344	Vũ Thị Phương Thùy	Trung tâm Dịch vụ
345	Lê Thị Thanh Xuân	Trung tâm Dịch vụ
346	Hà Tú Hương	Trung tâm Dịch vụ
347	Nguyễn Thị Thu	Trung tâm Dịch vụ
348	Vũ Thị Hoài Thu	Trung tâm ngoại ngữ - Tin học
349	Đỗ Thị Thanh Thủy	Trung tâm ngoại ngữ - Tin học
350	Trịnh Thế Lực	Trung tâm PTTN công nghệ cao
351	Đặng Ngọc Cương	Trung tâm Thông tin - Thư viện
352	Hoàng Thị Thúy	Trung tâm Thông tin - Thư viện
353	Nguyễn Hữu Độ	Trung tâm Thông tin - Thư viện
354	Đỗ Lệ Chi	Trung tâm Thông tin - Thư viện
355	Ngô Thị Hương Liên	Trung tâm Thông tin - Thư viện
356	Hoàng Thị Hiền	Trung tâm Thông tin - Thư viện
357	Nguyễn Duy Hiếu	Trung tâm Thông tin - Thư viện
358	Đỗ Thị Mường	Trung tâm Thông tin - Thư viện
359	Nguyễn Thị Thu Thủy	Trung tâm Thông tin - Thư viện
360	Vũ Thị Ngọc	Trung tâm Thông tin - Thư viện
361	Đào Thị Hồng Diệp	Trung tâm Thông tin - Thư viện
362	Ngô Thị Thanh Hương	Trung tâm Thông tin - Thư viện
363	Phan Thị Phượng	Trung tâm Thông tin - Thư viện
364	Hoàng Thị Nga	Trung tâm Thông tin - Thư viện
365	Trần Văn Duy	Trung tâm Thông tin - Thư viện
366	Vũ Thu Hường	Văn phòng Chương trình tiên tiến
367	Đồng Hữu Tiến	Văn phòng Đại diện
368	Phạm Tố Uyên	Văn phòng Đảng - Đoàn thể
369	Đặng Thị Hằng Nga	Văn phòng Đảng - Đoàn thể

370	**Giấy khen hiệu trưởng**	
371	Lê Thanh Huệ	Khoa Công nghệ thông tin
372	Phạm Thị Nguyệt	Khoa Công nghệ thông tin
373	Nguyễn Thị Phương Bắc	Khoa Công nghệ thông tin
374	Nguyễn Thị Hữu Phương	Khoa Công nghệ thông tin
375	Phạm Minh Hải	Khoa Cơ - Điện
376	Uông Quang Tuyến	Khoa Cơ - Điện
377	Đào Hiếu	Khoa Cơ - Điện
378	Nguyễn Thế Lực	Khoa Cơ - Điện
379	Nguyễn Thu Thủy	Khoa Dầu khí
380	Hoàng Xuân Trường	Khoa Giáo dục quốc phòng
381	Hà Mạnh Hùng	Khoa Khoa học cơ bản
382	Nguyễn Thị Hằng	Khoa Khoa học cơ bản
383	Nguyễn Thị Hậu	Khoa Khoa học cơ bản
384	Đào Việt Thắng	Khoa Khoa học cơ bản
385	Ngô Thị Kim Chi	Khoa KH và KTĐC
386	Phan Viết Sơn	Khoa KH và KTĐC
387	Phạm Thị Ngọc Hà	Khoa KH và KTĐC
388	Phan Thị Thùy Dương	Khoa KH và KTĐC
389	Đỗ Hữu Tùng	Khoa Kinh tế - QTKD
390	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	Khoa Kinh tế - QTKD
391	Phạm Kiên Trung	Khoa Kinh tế - QTKD
392	Nguyễn Thị Hồng Loan	Khoa Kinh tế - QTKD
393	Phạm Thu Trang	Khoa Kinh tế - QTKD
394	Lưu Thị Thu Hà	Khoa Kinh tế - QTKD
395	Nguyễn Tiến Hưng	Khoa Kinh tế - QTKD
396	Phạm Thu Hương	Khoa Kinh tế - QTKD
397	Nguyễn Thị Minh Thu	Khoa Kinh tế - QTKD
398	Nguyễn Thị Thúy Hà	Khoa Lý luận chính trị
399	Trần Thị Lan Hương	Khoa Lý luận chính trị
400	Đỗ Thị Vân Hà	Khoa Lý luận chính trị
401	Đào Văn Chi	Khoa Mỏ
402	Lê Thị Thu Hoa	Khoa Mỏ
403	Lê Quí Thảo	Khoa Mỏ
404	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Khoa Mỏ
405	Đỗ Thị Hải	Khoa Môi trường
406	Đỗ Cao Cường	Khoa Môi trường
407	Nguyễn Thị Hồng	Khoa Môi trường
408	Hoàng Thu Trang	Khoa Môi trường
409	Nguyễn Văn Trung	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
410	Trần Hồng Hạnh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
411	Lê Thị Thu Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
412	Phạm Thị Làn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
413	Hoàng Ngọc Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
414	Nguyễn Thị Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
415	Tăng Văn Lâm	Khoa Xây dựng
416	Võ Trọng Hùng	Khoa Xây dựng
417	Nguyễn Duyên Phong	Khoa Xây dựng
418	Nguyễn Chí Thành	Khoa Xây dựng

419	Lê Huy Việt	Khoa Xây dựng
420	Nguyễn Tiến Dũng	Ban Quản lý các dự án
421	Tạ Văn Minh	Phòng cơ sở vật chất
422	Nguyễn Duy Hiệp	Phòng cơ sở vật chất
423	Nguyễn Thùy Linh	Phòng Công tác Chính trị - Sinh viên
424	Đặng Thị Hồng Vân	Phòng Đào tạo đại học
425	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phòng Đào tạo đại học
426	Lại Kim Cương	Phòng Đào tạo đại học
427	Nguyễn Quốc Dũng	Phòng Đào tạo đại học
428	Nguyễn Thị Vân	Phòng đào tạo sau đại học
429	Nguyễn Thị Chi	Phòng Hành chính - Tổng hợp
430	Hàn Văn Tưởng	Phòng Hành chính - Tổng hợp
431	Trương Thị Thanh Huyền	Phòng Kế hoạch Tài chính
432	Dương Thị Hồng Đài	Phòng KT và ĐBCLGD
433	Nguyễn Hồng Hạnh	Phòng QHCC & DN
434	Đặng Lê Văn	Phòng QHCC & DN
435	Hà Thị Liễu	Phòng Tổ chức - Cán bộ
436	Võ Thị Công Chính	Phòng xuất bản
437	Bùi Thị Thanh Vân	Trạm Y tế
438	Lê Thị Thanh Xuân	Trung tâm Dịch vụ
439	Vũ Thị Hoài Thu	Trung tâm ngoại ngữ - Tin học
440	Trịnh Thế Lực	Trung tâm PTTN công nghệ cao
441	Đặng Ngọc Cương	Trung tâm Thông tin - Thư viện
442	Hoàng Thị Thúy	Trung tâm Thông tin - Thư viện
443	Đồng Hữu Tiến	Văn phòng Đại diện
444	Đặng Thị Hằng Nga	Văn phòng Đảng - Đoàn thể

II Tập thể

A	**Tập thể lao động tiên tiến**
1	Khoa Cơ - Điện
2	Bộ môn Điện khí hóa
3	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí
4	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử
5	Bộ môn Tự động hóa XN M&DK
6	Xưởng Cơ - Điện
7	Khoa Công nghệ thông tin
8	Bộ môn Tin học Kinh tế
9	Bộ môn Khoa học máy tính
10	Bộ môn Mạng máy tính
11	Bộ môn Tin học Địa chất
12	Bộ môn HT Thông tin và Tri thức
13	Bộ môn Tin học Trắc địa
14	Bộ môn Công nghệ phần mềm
15	Phòng TN Địa - Tin học
16	Khoa Dầu khí
17	Bộ môn Địa vật lý
18	Bộ môn Khoan - Khai thác
19	Bộ môn Lọc hóa dầu
20	Bộ môn Thiết bị dầu khí và CT
21	Khoa Giáo dục quốc phòng
22	Bộ môn Đường lối quân sự
23	Bộ môn Kỹ thuật quân sự
24	Bộ môn Cơ lý thuyết
25	Bộ môn Giáo dục thể chất
26	Bộ môn Toán
27	Bộ môn Vật lý
28	Bộ môn Địa chất công trình
29	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò
30	Khoa Kinh tế - QTKD
31	Bộ môn QTKD Địa chất - Dầu khí
32	Bộ môn QTKD Mỏ
33	Bộ môn Kinh tế cơ sở
34	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp
35	Khoa Lý luận chính trị
36	Bộ môn Kinh tế CT và LSĐCS VN
37	Bộ môn Triết học và Pháp luật
38	Bộ môn Tư tưởng HCM và CNXHKH
39	Khoa Mỏ
40	Bộ môn Khai thác hầm lò
41	Bộ môn Khai thác lộ thiên
42	Bộ môn Tuyển khoáng
43	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT
44	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường
45	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
46	Bộ môn Bản đồ
47	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám

48	Bộ môn Trắc địa Cao cấp
49	Bộ môn Trắc địa Công trình
50	Bộ môn Trắc địa Mỏ
51	Tổ máy Trắc địa
52	Khoa Xây dựng
53	Bộ môn Kỹ thuật Xây dựng
54	Bộ môn Xây dựng CTN và Mỏ
55	Bộ môn Xây dựng Hạ tầng Cơ sở
56	Phòng Công tác Chính trị - Sinh viên
57	Phòng Cơ sở vật chất
58	Phòng Đào tạo đại học
59	Phòng Đào tạo sau đại học
60	Phòng Đảm bảo chất lượng giáo dục
61	Phòng Hành chính - Tổng hợp
62	Phòng Hợp tác Quốc tế
63	Phòng Khoa học Công nghệ
64	Phòng QHCC & DN
65	Phòng Tổ chức - Cán bộ
66	Phòng Xuất bản
67	Văn phòng Đảng - Đoàn thể
68	Trạm Y tế
69	Trung tâm Dịch vụ
70	Trung tâm ngoại ngữ - Tin học
71	Trung tâm PTTN công nghệ cao
72	Trung tâm Thông tin - Thư viện
73	Ban Quản lý các dự án
74	VP Đại diện
B	**Tập thể được tặng giấy khen của Hiệu trưởng**
1	Bộ môn Cơ lý thuyết
2	Bộ môn Giáo dục thể chất
3	Bộ môn Toán
4	Khoa Mỏ
5	Bộ môn Tuyển khoáng
6	Bộ môn Khoan - Khai thác

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1272 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v khen thưởng tập thể và viên chức, người lao động (không giữ chức vụ quản lý) năm học 2020 - 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Luật Thi đua Khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về công tác Thi đua Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư 21/2020/TT-BGDĐT ngày 31/7/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn công tác Thi đua, Khen thưởng trong ngành Giáo dục;

Căn cứ Công văn số 3106/BGDĐT-TĐKT ngày 17/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai một số quy định của Thông tư 21/2020/TT-BGDĐT ngày 31/7/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn công tác Thi đua, Khen thưởng trong ngành Giáo dục;

Căn cứ Công văn số 2851/BGDĐT-TĐKT ngày 12/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn, xét công nhận sáng kiến; phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học làm cơ sở xét danh hiệu thi đua, khen thưởng hàng năm;

Căn cứ Nghị quyết số 49/NQ-HĐT ngày của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn sáng kiến và quy trình xét công nhận sáng kiến của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định về công tác Thi đua, Khen thưởng";

Căn cứ Quyết định số 872/QĐ-MĐC ngày 13/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc công nhận sáng kiến cấp cơ sở năm học 2020-2021;

Căn cứ Nghị quyết số 55/NQ-HĐT ngày 02/11/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với viên chức quản lý và tập thể thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 966/QĐ-MĐC ngày 02/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động (không giữ chức vụ quản lý) năm học 2020-2021;

Căn cứ kết quả cuộc họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng năm học 2020 -2021 ngày 08/12/2021;

Theo đề nghị của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công nhận danh hiệu thi đua cho các tập thể và cá nhân (không giữ chức vụ quản lý) năm học 2020 - 2021 (danh sách kèm theo).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các tập thể và cá nhân có tên trong danh sách kèm theo tại Điều 1 được hưởng mức thưởng theo quy định hiện hành.

Điều 3 Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Trưởng các đơn vị liên quan và các tập thể, cá nhân có tên trong danh sách kèm theo tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- HUMG eOffice;
- Lưu HCTH.

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Trần Thanh Hải



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1426 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động (không giữ chức vụ quản lý) năm học 2021 - 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 3277/QĐ-BGDĐT ngày 12/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với đơn vị và công chức, viên chức, người lao động của BGD&ĐT;

Căn cứ Quyết định số 729/QĐ-BGDĐT ngày 16/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với đơn vị và công chức, viên chức, người lao động của BGD&ĐT;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết số 82/NQ-HĐT ngày 25/01/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Kết luận cuộc họp ngày 01/11/2022 của Hội đồng đánh giá, xếp loại chất lượng và xét sáng kiến, thi đua khen thưởng của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động (không giữ chức vụ quản lý) năm học 2021 - 2022 gồm các cá nhân có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các cán bộ có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- HĐT, ĐUT (để báo cáo);
- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như Điều 2 (để thực hiện);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu: HCTH, TCCB(08).

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Trần Thanh Hải

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI VIÊN CHỨC KHÔNG GIỮ CHỨC VỤ QUẢN LÝ NĂM HỌC 2021 - 2022

(Kèm theo Quyết định số:1426/QĐ-MĐC ngày *21* tháng*11* năm 2022)

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
1	Phạm Trung Sơn	Khoa Cơ - Điện	x				
2	Nguyễn Thị Bích Hậu	Khoa Cơ - Điện	x				
3	Trần Đức Huân	Khoa Cơ - Điện			x		
4	Nguyễn Văn Lại	Khoa Cơ - Điện			x		
5	Bùi Minh Hoàng	Khoa Cơ - Điện			x		
6	Phạm Tuấn Long	Khoa Cơ - Điện			x		
7	Nguyễn Sơn Tùng	Khoa Cơ - Điện		x			
8	Đoàn Kim Bình	Khoa Cơ - Điện		x			
9	Kim Ngọc Linh	Khoa Cơ - Điện	x				
10	Đinh Văn Thắng	Khoa Cơ - Điện		x			
11	Cung Quang Khang	Khoa Cơ - Điện		x			
12	Nguyễn Trường Giang	Khoa Cơ - Điện	x				
13	Hà Thị Chúc	Khoa Cơ - Điện		x			
14	Tống Ngọc Anh	Khoa Cơ - Điện		x			
15	Bùi Ngọc Hùng	Khoa Cơ - Điện			x		
16	Đoàn Văn Giáp	Khoa Cơ - Điện	x				
17	Phạm Văn Tiến	Khoa Cơ - Điện		x			
18	Nguyễn Thế Hoàng	Khoa Cơ - Điện	x				
19	Kiều Đức Thịnh	Khoa Cơ - Điện		x			
20	Nguyễn Khắc Lĩnh	Khoa Cơ - Điện	x				
21	Phạm Minh Hải	Khoa Cơ - Điện		x			
22	Phạm Thị Thanh Loan	Khoa Cơ - Điện	x				
23	Uông Quang Tuyến	Khoa Cơ - Điện		x			
24	Đào Hiếu	Khoa Cơ - Điện	x				
25	Thái Hải Âu	Khoa Cơ - Điện	x				
26	Nguyễn Thế Lực	Khoa Cơ - Điện		x			
27	Đào Thị Hiền	Khoa Cơ - Điện			x		
28	Nguyễn Thị Liên	Khoa Cơ - Điện	x				
29	Lê Thị Hồng Thắng	Khoa Cơ - Điện	x				
30	Đào Thị Thủy	Khoa Cơ - Điện	x				
31	Phan Thị Mai Phương	Khoa Cơ - Điện	x				
32	Lê Thị Hồng Diệp	Khoa Cơ - Điện	x				
33	Đặng Viết Khuê	Khoa Cơ - Điện		x			
34	Chu Mạnh Cường	Khoa Cơ - Điện	x				
35	Vũ Đỗ Dũng	Khoa Cơ - Điện					x
36	Đặng Vũ Đinh	Khoa Cơ - Điện					x
37	Trần Bá Trung	Khoa Cơ - Điện					x
38	Đoàn Công Luận	Khoa Cơ - Điện					x
39	Nguyễn ánh Dương	Khoa Cơ - Điện					x
40	Đỗ Đức Thành	Khoa Cơ - Điện					x
41	Phạm Đức Hậu	Khoa Công nghệ thông tin		x			
42	Bùi Thị Vân Anh	Khoa Công nghệ thông tin	x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
43	Dương Chí Thiện	Khoa Công nghệ thông tin	x				
44	Vũ Lan Phương	Khoa Công nghệ thông tin	x				
45	Vương Thị Như Quỳnh	Khoa Công nghệ thông tin	x				
46	Trần Thị Như Hoa	Khoa Công nghệ thông tin		x			
47	Nguyễn Thị Phương Bắc	Khoa Công nghệ thông tin	x				
48	Nguyễn Thùy Dương	Khoa Công nghệ thông tin	x				
49	Nông Thị Oanh	Khoa Công nghệ thông tin	x				
50	Phạm Văn Đồng	Khoa Công nghệ thông tin		x			
51	Đặng Hữu Nghị	Khoa Công nghệ thông tin	x				
52	Hồ Thị Thảo Trang	Khoa Công nghệ thông tin			x		
53	Nguyễn Thị Hữu Phương	Khoa Công nghệ thông tin	x				
54	Nguyễn Thị Thanh	Khoa Công nghệ thông tin		x			
55	Phạm Thị Hải Vân	Khoa Công nghệ thông tin		x			
56	Lê Thanh Huệ	Khoa Công nghệ thông tin		x			
57	Vũ Thị Kim Liên	Khoa Công nghệ thông tin	x				
58	Phạm Thị Nguyệt	Khoa Công nghệ thông tin	x				
59	Nguyễn Thế Bình	Khoa Công nghệ thông tin	x				
60	Phạm Quang Hiển	Khoa Công nghệ thông tin	x				
61	Nguyễn Thị Loan	Khoa Công nghệ thông tin	x				
62	Nguyễn Đức Quân	Khoa Công nghệ thông tin	x				
63	Đào Thị Hồng Thắm	Khoa Công nghệ thông tin	x				
64	Trương Xuân Bình	Khoa Công nghệ thông tin			x		
65	Phạm An Cương	Khoa Công nghệ thông tin			x		
66	Ngô Hùng Long	Khoa Công nghệ thông tin			x		
67	Dương Thị Tâm	Khoa Công nghệ thông tin		x			
68	Bùi Thị Ánh Nguyệt	Khoa Công nghệ thông tin	x				
69	Đào Anh Thư	Khoa Công nghệ thông tin	x				
70	Đỗ Như Hải	Khoa Công nghệ thông tin	x				
71	Phạm Đình Tân	Khoa Công nghệ thông tin	x				
72	Nguyễn Tuấn Anh	Khoa Công nghệ thông tin	x				
73	Đặng Quốc Trung	Khoa Công nghệ thông tin	x				
74	Đào Thị Tuyết	Khoa Công nghệ thông tin	x				
75	Nguyễn Quang Khánh	Khoa Công nghệ thông tin			x		
76	Ngô Thị Phương Thảo	Khoa Công nghệ thông tin		x			
77	Trần Mai Hương	Khoa Công nghệ thông tin		x			
78	Đinh Bảo Ngọc	Khoa Công nghệ thông tin		x			
79	Nguyễn Thị Phấn	Khoa Công nghệ thông tin		x			
80	Bùi Thế Vinh	Khoa Công nghệ thông tin					x
81	Đoàn Khánh Hoàng	Khoa Công nghệ thông tin					x
82	Trần Trường Giang	Khoa Công nghệ thông tin					x
83	Trần Thị Hòa	Khoa Công nghệ thông tin					x
84	Nguyễn Trường Linh	Khoa Công nghệ thông tin					x
85	Diêm Thị Thùy	Khoa Công nghệ thông tin	x				
86	Nguyễn Minh Hòa	Khoa Dầu khí		x			
87	Nguyễn Duy Mười	Khoa Dầu khí		x			
88	Nguyễn Thị Minh Hồng	Khoa Dầu khí				x	
89	Bùi Thị Ngân	Khoa Dầu khí		x			
90	Trần Danh Hùng	Khoa Dầu khí			x		
91	Dương Văn Hào	Khoa Dầu khí	x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
92	Vũ Hồng Dương	Khoa Dầu khí	x				
93	Phan Thiên Hương	Khoa Dầu khí			x		
94	Nguyễn Trần Tuân	Khoa Dầu khí			x		
95	Doãn Thị Trâm	Khoa Dầu khí		x			
96	Nguyễn Văn Thành	Khoa Dầu khí		x			
97	Nguyễn Khắc Long	Khoa Dầu khí	x				
98	Trương Văn Từ	Khoa Dầu khí	x				
99	Tô Hữu Toàn	Khoa Dầu khí			x		
100	Bùi Thị Lệ Thủy	Khoa Dầu khí	x				
101	Phạm Xuân Núi	Khoa Dầu khí	x				
102	Phạm Trung Kiên	Khoa Dầu khí	x				
103	Ngô Thanh Hải	Khoa Dầu khí	x				
104	Vũ Văn Toàn	Khoa Dầu khí		x			
105	Nguyễn Thu Thủy	Khoa Dầu khí	x				
106	Nguyễn Thị Thu Hằng	Khoa Dầu khí	x				
107	Vũ Cúc Phương	Khoa Dầu khí	x				
108	Trần Ngọc Tuân	Khoa Dầu khí	x				
109	Lê Văn Nam	Khoa Dầu khí	x				
110	Nguyễn Văn Vinh	Khoa Dầu khí		x			
111	Phan Thị Hồng	Khoa Dầu khí		x			
112	Trương Thị Chinh	Khoa Dầu khí					x
113	Phạm Ngọc Kiên	Khoa Dầu khí			x		
114	Đỗ Thành Sỹ	Khoa Dầu khí					x
115	Tống Trần Anh	Khoa Dầu khí					x
116	Trần Hữu Kiên	Khoa Dầu khí					x
117	Đoàn Văn Huấn	Khoa Dầu khí					x
118	Hồ Văn Sơn	Khoa Dầu khí					x
119	Đào Thị Uyên	Khoa Dầu khí					x
120	Nguyễn Thị Hải Yến	Khoa Dầu khí					x
121	Dương Viết Cường	Khoa Dầu khí					x
122	Trần Văn Hữu	Khoa Dầu khí					x
123	Bùi Thanh Bình	Khoa Dầu khí					x
124	Trần Văn Độ	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
125	Nguyễn Văn Phong	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
126	Hoàng Xuân Trường	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
127	Nghiêm Công Đĩnh	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
128	Lê Thị Định	Khoa Giáo dục quốc phòng		x			
129	Phạm Công Tú	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
130	Trần Thanh Hanh	Khoa Giáo dục quốc phòng					**x**
131	Đinh Công Đạt	Khoa Khoa học cơ bản		x			
132	Trần Thị Trâm	Khoa Khoa học cơ bản			x		
133	Lê Viết Tuấn	Khoa Khoa học cơ bản	x				
134	Lã Ngọc Linh	Khoa Khoa học cơ bản	x				
135	Nguyễn Huy Thông	Khoa Khoa học cơ bản	x				
136	Trần Lan Hương	Khoa Khoa học cơ bản	x				
137	Đỗ Tiến Thiết	Khoa Khoa học cơ bản		x			
138	Nguyễn Trường Đông	Khoa Khoa học cơ bản		x			
139	Chu Thị Hồng Hạnh	Khoa Khoa học cơ bản	x				
140	Vũ Thị Hương Giang	Khoa Khoa học cơ bản		x			
141	Hoàng Văn Tài	Khoa Khoa học cơ bản			x		

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
142	Đỗ Việt Anh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
143	Phạm Thị Mai Anh	Khoa Khoa học cơ bản				x	
144	Phạm Tiến Dũng	Khoa Khoa học cơ bản			x		
145	Lê Thị Duyên	Khoa Khoa học cơ bản	x				
146	Nguyễn Mạnh Hà	Khoa Khoa học cơ bản			x		
147	Nguyễn Thu Hà	Khoa Khoa học cơ bản				x	
148	Đỗ Thị Hải	Khoa Khoa học cơ bản			x		
149	Võ Thị Hạnh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
150	Hà Mạnh Hùng	Khoa Khoa học cơ bản			x		
151	Nguyễn Thị Thu Hiền	Khoa Khoa học cơ bản			x		
152	Vũ Duy Thịnh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
153	Lê Thị Vinh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
154	Nguyễn Viết Hùng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
155	Nguyễn Thị Kim Thoa	Khoa Khoa học cơ bản			x		
156	Trần Đình Thước	Khoa Khoa học cơ bản	x				
157	Nguyễn Thị Thu Phúc	Khoa Khoa học cơ bản	x				
158	Lê Thị Thúy Hà	Khoa Khoa học cơ bản		x			
159	Đặng Thanh Mai	Khoa Khoa học cơ bản		x			
160	Nguyễn Hồng Vân	Khoa Khoa học cơ bản		x			
161	Vũ Thanh Tâm	Khoa Khoa học cơ bản	x				
162	Nguyễn Ánh Hoa	Khoa Khoa học cơ bản		x			
163	Trịnh Thị Vân	Khoa Khoa học cơ bản		x			
164	Nguyễn Thị Cúc	Khoa Khoa học cơ bản	x				
165	Vũ Thái Linh	Khoa Khoa học cơ bản	x				
166	Nguyễn Đạo Lý Nhân Phúc	Khoa Khoa học cơ bản		x			
167	Đỗ Bảo Anh Phương	Khoa Khoa học cơ bản		x			
168	Trần Thị Thu Hiền	Khoa Khoa học cơ bản		x			
169	Nguyễn Thị Hằng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
170	Đào Xuân Hưng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
171	Phạm Ngọc Anh	Khoa Khoa học cơ bản	x				
172	Lê Bích Phượng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
173	Hoàng Ngự Huấn	Khoa Khoa học cơ bản	x				
174	Hà Hữu Cao Trình	Khoa Khoa học cơ bản			x		
175	Nguyễn Thế Lâm	Khoa Khoa học cơ bản	x				
176	Nguyễn Thu Hằng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
177	Lê Thị Hương Giang	Khoa Khoa học cơ bản	x				
178	Nguyễn Thùy Linh	Khoa Khoa học cơ bản	x				
179	Hồ Quỳnh Anh	Khoa Khoa học cơ bản		x			
180	Nguyễn Xuân Chung	Khoa Khoa học cơ bản			x		
181	Vũ Bá Dũng	Khoa Khoa học cơ bản			x		
182	Trần Thị Hà	Khoa Khoa học cơ bản	x				
183	Đỗ Thị Hồng Hải	Khoa Khoa học cơ bản	x				
184	Nguyễn Thị Hậu	Khoa Khoa học cơ bản	x				
185	Đào Việt Thắng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
186	Nguyễn Thị Diệu Thu	Khoa Khoa học cơ bản		x			
187	Tống Bá Tuấn	Khoa Khoa học cơ bản	x				
188	Hà Thị Hiến	Khoa Khoa học cơ bản	x				
189	Bùi Hữu Nguyên	Khoa Khoa học cơ bản					x
190	Ngô Thị Kim Chi	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
191	Phan Văn Bình	Khoa Khoa học và KTĐC		x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
192	Bùi Vinh Hậu	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
193	Nguyễn Quốc Hưng	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
194	Bùi Thị Thu Hiền	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
195	Phạm Minh Tuấn	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
196	Nhữ Việt Hà	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
197	Phạm Thị Việt Nga	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
198	Nguyễn Thành Dương	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
199	Nguyễn Văn Hùng	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
200	Phạm Thị Ngọc Hà	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
201	Phùng Hữu Hải	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
202	Nguyễn Văn Lâm	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
203	Vũ Thu Hiền	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
204	Trần Vũ Long	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
205	Đào Đức Bằng	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
206	Kiều Thị Vân Anh	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
207	Đặng Thị Vinh	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
208	Phạm Trường Sinh	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
209	Nguyễn Trung Thành	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
210	Lê Thị Ngọc Tú	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
211	Nguyễn Hữu Trọng	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
212	Hà Thành Như	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
213	Phan Viết Sơn	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
214	Khương Thế Hùng	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
215	Đỗ Mạnh An	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
216	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
217	Tạ Thị Toán	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
218	Phạm Thị Thanh Hiền	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
219	Lê Thị Thu	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
220	Hoàng Thị Thoa	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
221	Nguyễn Khắc Du	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
222	Ngô Xuân Đắc	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
223	Hồ Thanh Bình	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
224	Phan Thị Thùy Dương	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
225	Vũ Thị Hiền	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
226	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Khoa Khoa học và KTĐC					x
227	Nguyễn Khắc Giảng	Khoa Khoa học và KTĐC					x
228	Vũ Anh Thư	Khoa Khoa học và KTĐC					x
229	Đào Văn Nghiêm	Khoa Khoa học và KTĐC					x
230	Nguyễn Trường Tài	Khoa Khoa học và KTĐC					x
231	Vũ Anh Đạo	Khoa Khoa học và KTĐC					x
232	Phạm Như Sang	Khoa Khoa học và KTĐC					x
233	Nguyễn Duy Hưng	Khoa Khoa học và KTĐC					x
234	Lê Xuân Trường	Khoa Khoa học và KTĐC					x
235	Nguyễn Đình Luyện	Khoa Khoa học và KTĐC					x
236	Nguyễn Xuân Phú	Khoa Khoa học và KTĐC					x
237	Bùi Thanh Tịnh	Khoa Khoa học và KTĐC					x
238	Vũ Văn Hưng	Khoa Khoa học và KTĐC					x
239	Trần Quang Tuấn	Khoa Khoa học và KTĐC					x
240	Nguyễn Hữu Mạnh	Khoa Khoa học và KTĐC					x
241	Nguyễn Ngọc Dũng	Khoa Khoa học và KTĐC					x

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
242	Bùi Văn Bình	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
243	Dương Văn Bình	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
244	Nguyễn Thu Hà	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
245	Phạm Ngọc Tuấn	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
246	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
247	Trần Văn Hiệp	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
248	Đỗ Hữu Tùng	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
249	Lê Thị Thu Hường	Khoa Kinh tế - QTKD			x		
250	Nguyễn Đức Thắng	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
251	Phan Thị Thùy Linh	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
252	Nguyễn Thị Hường	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
253	Lê Đình Chiều	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
254	Phạm Kiên Trung	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
255	Nguyễn Văn Thưởng	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
256	Lê Văn Chiến	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
257	Nguyễn Văn Bưởi	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
258	Nguyễn Thị Hồng Loan	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
259	Phạm Thu Trang	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
260	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
261	Nguyễn Thanh Thảo	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
262	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
263	Lưu Thị Thu Hà	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
264	Nguyễn Tiến Hưng	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
265	Phí Thị Kim Thư	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
266	Phạm Thu Hương	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
267	Phạm Minh Hải	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
268	Dương Thị Nhàn	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
269	Nguyễn Thị Minh Thu	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
270	Lê Thị Thu Hồng	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
271	Hoàng Thị Thủy	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
272	Nguyễn Thị Huyền Trang	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
273	Phan Minh Quang	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
274	Nguyễn Thị Kim Liên	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
275	Vũ Ngọc Thịnh	Khoa Kinh tế - QTKD					x
276	Phạm Thị Châu Giang	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
277	Nguyễn Thị Thu Dung	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
278	Trần Thị Khánh Vân	Khoa Kinh tế - QTKD			x		
279	Đặng Thị Thanh Trâm	Khoa Lý luận chính trị	x				
280	Nguyễn Thị Thúy Hà	Khoa Lý luận chính trị	x				
281	Lê Quốc Hiệp	Khoa Lý luận chính trị	x				
282	Nguyễn Tuấn Vương	Khoa Lý luận chính trị	x				
283	Trần Thị Lan Hương	Khoa Lý luận chính trị	x				
284	Bùi Thị Thùy Dương	Khoa Lý luận chính trị	x				
285	Ngô Văn Hưởng	Khoa Lý luận chính trị	x				
286	Đào Thị Tuyết	Khoa Lý luận chính trị	x				
287	Dương Thị Tuyết Nhung	Khoa Lý luận chính trị	x				
288	Nguyễn Thị Kim Dung	Khoa Lý luận chính trị	x				
289	Đỗ Thị Vân Hà	Khoa Lý luận chính trị	x				
290	Lê Thị Yến	Khoa Lý luận chính trị	x				
291	Nguyễn Thu Hương	Khoa Lý luận chính trị		x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
292	Đỗ Anh Sơn	Khoa Mỏ			x		
293	Phạm Đức Hưng	Khoa Mỏ		x			
294	Đào Văn Chi	Khoa Mỏ	x				
295	Nguyễn Phi Hùng	Khoa Mỏ	x				
296	Lê Tiến Dũng	Khoa Mỏ	x				
297	Nguyễn Hồng Cường	Khoa Mỏ		x			
298	Nguyễn Văn Quang	Khoa Mỏ	x				
299	Đặng Phương Thảo	Khoa Mỏ				x	
300	Vũ Thái Tiến Dũng	Khoa Mỏ	x				
301	Lê Thị Thu Hoa	Khoa Mỏ	x				
302	Nguyễn Đình An	Khoa Mỏ		x			
303	Phạm Văn Việt	Khoa Mỏ	x				
304	Lê Quí Thảo	Khoa Mỏ		x			
305	Trần Đình Bão	Khoa Mỏ	x				
306	Đỗ Ngọc Hoàn	Khoa Mỏ	x				
307	Nguyễn Hoàng	Khoa Mỏ	x				
308	Nguyễn Viết Thắng	Khoa Mỏ			x		
309	Trần Mạnh Tiến	Khoa Mỏ	x				
310	Vũ Thị Chinh	Khoa Mỏ		x			
311	Trần Văn Được	Khoa Mỏ	x				
312	Phạm Thị Nhung	Khoa Mỏ	x				
313	Phùng Tiến Thuật	Khoa Mỏ		x			
314	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Khoa Mỏ	x				
315	Hoàng Thị Nga	Khoa Mỏ	x				
316	Đinh Thị Thanh Nhàn	Khoa Mỏ	x				
317	Nguyễn Nam Hòa	Khoa Mỏ			x		
318	Lê Việt Hà	Khoa Mỏ		x			
319	Lê Quang Phục	Khoa Mỏ		x			
320	Lê Thị Minh Hạnh	Khoa Mỏ			x		
321	Bùi Thị Thuyết	Khoa Mỏ					x
322	Hoàng Hữu Đường	Khoa Mỏ					x
323	Phạm Thanh Hải	Khoa Mỏ					x
324	Nguyễn Như Hùng	Khoa Mỏ					x
325	Trần Thị Kim Hà	Khoa Môi trường			x		
326	Phạm Khánh Huy	Khoa Môi trường			x		
327	Trần Thị Thu Hương	Khoa Môi trường	x				
328	Nguyễn Mai Hoa	Khoa Môi trường			x		
329	Đỗ Thị Hải	Khoa Môi trường			x		
330	Nguyễn Quang Minh	Khoa Môi trường			x		
331	Đỗ Cao Cường	Khoa Môi trường			x		
332	Trần Anh Quân	Khoa Môi trường	x				
333	Đặng Thị Ngọc Thủy	Khoa Môi trường		x			
334	Trần Thị Ngọc	Khoa Môi trường	x				
335	Nguyễn Thị Hòa	Khoa Môi trường	x				
336	Nguyễn Thị Hồng	Khoa Môi trường	x				
337	Đào Trung Thành	Khoa Môi trường	x				
338	Nguyễn Phương Đông	Khoa Môi trường	x				
339	Nguyễn Thị Thu Huyền	Khoa Môi trường		x			
340	Phan Quang Văn	Khoa Môi trường			x		
341	Vũ Thị Phương Thảo	Khoa Môi trường	x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
342	Đỗ Văn Nhuận	Khoa Môi trường		x			
343	Hoàng Thị Chung	Khoa Môi trường				x	
344	Nguyễn Thị Cúc	Khoa Môi trường		x			
345	Phan Thị Mai Hoa	Khoa Môi trường		x			
346	Vũ Thị Lan Anh	Khoa Môi trường		x			
347	Phạm Thị Thanh Hải	Khoa Môi trường	x				
348	Trần Hồng Hà	Khoa Môi trường					x
349	Hạ Quang Hưng	Khoa Môi trường					x
350	Nguyễn Văn Bình	Khoa Môi trường					x
351	Dương Anh Quân	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
352	Trần Thị Tuyết Vinh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
353	Nguyễn Văn Lợi	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
354	Phạm Văn Hiệp	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
355	Nguyễn Văn Trung	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
356	Trần Thanh Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
357	Trần Hồng Hạnh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
358	Lê Thanh Nghị	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
359	Phạm Thị Thanh Hòa	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
360	Dương Vân Phong	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
361	Nguyễn Văn Sáng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
362	Lê Thị Thanh Tâm	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
363	Phạm Ngọc Quang	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
364	Nguyễn Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
365	Phạm Trung Dũng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
366	Nguyễn Thị Kim Thanh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
367	Trần Thùy Linh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
368	Phạm Công Khải	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
369	Vương Trọng Kha	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
370	Lê Thị Thu Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
371	Võ Ngọc Dũng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
372	Phạm Thị Làn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
373	Cao Xuân Cường	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
374	Lê Văn Cảnh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
375	Nguyễn Thị Dung	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
376	Trần Đình Thành	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
377	Nguyễn Thế Công	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
378	Phạm Thị Kim Thoa	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
379	Đặng Thị Hoàng Nga	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
380	Đinh Hải Nam	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
381	Trần Xuân Miễn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
382	Phùng Minh Sơn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
383	Hoàng Ngọc Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
384	Nguyễn Quang Minh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
385	Lê Ngọc Giang	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
386	Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
387	Hoàng Anh Tuấn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
388	Nguyễn Danh Đức	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
389	Nguyễn Thị Hiền	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
390	Đoàn Thị Nam Phương	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
391	Nguyễn Thị Mến	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
392	Cù Thị Thu Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
393	Nguyễn Quang Thắng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
394	Tạ Thị Thu Hường	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
395	Nguyễn Thị Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
396	Trương Minh Hùng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
397	Trần Anh Tuấn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
398	Trần Thị Hương Giang	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
399	Phạm Hà Thái	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
400	Lê Thu Trang	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
401	Nguyễn Bá Duy	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
402	Nguyễn Minh Hải	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
403	Bùi Khắc Luyên	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
404	Nguyễn Thái Chinh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
405	Vũ Đình Toàn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
406	Kim Thị Thu Hương	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
407	Nguyễn Văn Lâm	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
408	Đinh Thị Lệ Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
409	Nguyễn Xuân Mãn	Khoa Xây dựng	x				
410	Tăng Văn Lâm	Khoa Xây dựng	x				
411	Phạm Thị Nhàn	Khoa Xây dựng	x				
412	Lê Huy Việt	Khoa Xây dựng	x				
413	Võ Trọng Hùng	Khoa Xây dựng	x				
414	Ngô Doãn Hào	Khoa Xây dựng			x		
415	Đào Viết Đoàn	Khoa Xây dựng	x				
416	Nguyễn Duyên Phong	Khoa Xây dựng	x				
417	Nguyễn Chí Thành	Khoa Xây dựng	x				
418	Đỗ Ngọc Thái	Khoa Xây dựng	x				
419	Hoàng Đình Phúc	Khoa Xây dựng	x				
420	Phạm Văn Hùng	Khoa Xây dựng	x				
421	Tạ Đức Thịnh	Khoa Xây dựng	x				
422	Đặng Quang Huy	Khoa Xây dựng	x				
423	Bùi Anh Thắng	Khoa Xây dựng	x				
424	Nguyễn Trọng Dũng	Khoa Xây dựng	x				
425	Phạm Thanh Huyền	Khoa Xây dựng	x				
426	Nguyễn Thị Hương	Khoa Xây dựng	x				
427	Ngọ Thị Hương Trang	Khoa Xây dựng		x			
428	Đinh Hải Nam	Khoa Xây dựng					x
429	Đặng Văn Phi	Khoa Xây dựng			x		
430	Ngô Xuân Hùng	Khoa Xây dựng					x
431	Nguyễn Văn Trí	Khoa Xây dựng					x
432	Nguyễn Tài Tiến	Khoa Xây dựng	x				
433	Đỗ Mạnh Tấn	Khoa Xây dựng					x
434	Phan Tuấn Anh	Khoa Xây dựng					x
435	Trần Mạnh Hùng	Khoa Xây dựng					x
436	Phạm Ngọc Anh	Khoa Xây dựng					x
437	Nguyễn Tiến Dũng	Ban Quản lý các dự án	x				
438	Lại Thiên Nguyên	Ban Quản lý các dự án		x			
439	Nguyễn Ngọc Dương	Ban Quản lý các dự án	x				
440	Nguyễn Thị Sơn	Ban Quản lý các dự án	x				
441	Nguyễn Thúy Hà	Phòng Cơ sở vật chất	x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
442	Nguyễn Thế Tĩnh	Phòng Cơ sở vật chất	x				
443	Nguyễn Thị Thu Hà	Phòng Cơ sở vật chất	x				
444	Lê Tiến Dũng	Phòng Cơ sở vật chất			x		
445	Trần Thị Hương	Phòng Cơ sở vật chất	x				
446	Nguyễn Duy Hiệp	Phòng Cơ sở vật chất	x				
447	Tạ Văn Minh	Phòng Cơ sở vật chất	x				
448	Trần Thiện Căn	Phòng Cơ sở vật chất			x		
449	Ninh Ngọc Cương	Phòng Cơ sở vật chất		x			
450	Nguyễn Đình Cường	Phòng Cơ sở vật chất	x				
451	Nguyễn Thế	Phòng Cơ sở vật chất	x				
452	Trịnh Thị Hợp	Phòng Cơ sở vật chất		x			
453	Trần Thị Thu Huyền	Phòng Cơ sở vật chất			x		
454	Nguyễn Thị Thúy	Phòng Cơ sở vật chất			x		
455	Đoàn Thị Kim Quy	Phòng Cơ sở vật chất			x		
456	Phạm Thị Hương	Phòng Công tác chính trị - SV	x				
457	Nguyễn Thị Hồng Vân	Phòng Công tác chính trị - SV	x				
458	Nguyễn Thùy Linh	Phòng Công tác chính trị - SV	x				
459	Đào Thị Thơm	Phòng Công tác chính trị - SV		x			
460	Trương Thúy Hà	Phòng Công tác chính trị - SV		x			
461	Phan Thị Thúy	Phòng Công tác chính trị - SV		x			
462	Chu Thị Thúy Nga	Phòng Công tác chính trị - SV	x				
463	Dương Mai Yến	Phòng Đảm bảo chất lượng GD	x				
464	Ngô Thái Vinh	Phòng Đảm bảo chất lượng GD	x				
465	Dương Thị Hồng Đài	Phòng Đảm bảo chất lượng GD	x				
466	Lại Kim Cương	Phòng Đào tạo đại học	x				
467	Nguyễn Văn Đức	Phòng Đào tạo đại học	x				
468	Nguyễn Quốc Dũng	Phòng Đào tạo đại học	x				
469	Nguyễn Thị Thanh Loan	Phòng Đào tạo đại học		x			
470	Bùi Thị Mai	Phòng Đào tạo đại học	x				
471	Đào Duy Nam	Phòng Đào tạo đại học	x				
472	Phạm Thị Nguyên	Phòng Đào tạo đại học	x				
473	Nguyễn Tuấn Thành	Phòng Đào tạo đại học	x				
474	Nguyễn Thị Minh Thu	Phòng Đào tạo đại học		x			
475	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phòng Đào tạo đại học	x				
476	Đặng Thị Hồng Vân	Phòng Đào tạo đại học		x			
477	Hà Ngọc Kiên	Phòng đào tạo sau đại học	x				
478	Hoàng Thị Phương Dung	Phòng đào tạo sau đại học		x			
479	Nguyễn Thị Vân	Phòng đào tạo sau đại học	x				
480	Phạm Ngọc Hà	Phòng đào tạo sau đại học	x				
481	Nguyễn Ngọc Sự	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
482	Nguyễn Đức Năng	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
483	Bùi Huy Văn	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
484	Lê Đức Minh	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
485	Lý Hồng Khanh	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
486	Nguyễn Quang Hải	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
487	Trần Văn Huyên	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
488	Hà Ngọc Trường	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
489	Lê Hoài Nam	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
490	Hoàng Văn Sinh	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
491	Phạm Văn Khương	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
492	Phạm Trường Sơn	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
493	Dương Thành Quảng	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
494	Lưu Hữu Phước	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
495	Nguyễn Đức Toàn	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
496	Nguyễn Thị Nga	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
497	Nguyễn Thị Chi	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
498	Nguyễn Minh Thu	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
499	Nguyễn Thị Dàng	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
500	Hàn Văn Tưởng	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
501	Chu Thế Mạnh	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
502	Nguyễn Thị Thắm	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
503	Trần Thị Lan Phương	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
504	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng Hợp tác quốc tế	x				
505	Nguyễn Thị Sim	Phòng Hợp tác quốc tế		x			
506	Cao Thu Hoài	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
507	Nhâm Quỳnh Giang	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
508	Nguyễn Thu Hà	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
509	Quách Thị Nhịp	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
510	Trương Thị Thanh Huyền	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
511	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
512	Đỗ Thủy Trà My	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
513	Phạm Tuyết Mai	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
514	Hoàng Thu Hằng	Phòng Khoa học Công nghệ	x				
515	Nguyễn Thanh Hải	Phòng Khoa học Công nghệ	x				
516	Phạm Đức Nghiệp	Phòng Khoa học Công nghệ	x				
517	Trần Thị Hải Vân	Phòng Khoa học Công nghệ		x			
518	Đoàn Thị Luyên	Phòng Quan hệ CC&DN		x			
519	Nguyễn Hồng Hạnh	Phòng Quan hệ CC&DN	x				
520	Quyền Minh Hoàng Phương	Phòng Quan hệ CC&DN	x				
521	Nguyễn Thế Anh	Phòng Quan hệ CC&DN	x				
522	Đặng Lê Văn	Phòng Quan hệ CC&DN	x				
523	Hà Thị Liễu	Phòng Tổ chức Cán bộ		x			
524	Lê Thị Thu	Phòng Tổ chức Cán bộ	x				
525	Đoàn Nguyễn Thanh Hương	Phòng Tổ chức Cán bộ	x				
526	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Phòng Xuất bản		x			
527	Võ Thị Công Chính	Phòng Xuất bản	x				
528	Trịnh Trọng An	Phòng Xuất bản			x		
529	Đỗ Khắc Điệp	Trung tâm Dịch vụ		x			
530	Nguyễn Thị Hồng	Trung tâm Dịch vụ		x			
531	Nguyễn Văn Hùng	Trung tâm Dịch vụ		x			
532	Vũ Thế Hùng	Trung tâm Dịch vụ	x				
533	Hà Tú Hương	Trung tâm Dịch vụ		x			
534	Đinh Hữu Khánh	Trung tâm Dịch vụ		x			
535	Nguyễn Văn Khẩn	Trung tâm Dịch vụ	x				
536	Quách Thị Thu Phương	Trung tâm Dịch vụ		x			
537	Nguyễn Xuân Thuận	Trung tâm Dịch vụ		x			
538	Bùi Thị Kim Anh	Trung tâm Dịch vụ		x			
539	Phan Thanh Chương	Trung tâm Dịch vụ		x			
540	Trần Thị Dược	Trung tâm Dịch vụ		x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
541	Phạm Thị Quy	Trung tâm Dịch vụ		x			
542	Phạm Thị Thanh Tâm	Trung tâm Dịch vụ		x			
543	Vũ Thị Phương Thùy	Trung tâm Dịch vụ		x			
544	Lê Thị Thanh Xuân	Trung tâm Dịch vụ	x				
545	Nguyễn Mai Hà	Trung tâm Dịch vụ	x				
546	Nguyễn Thị Thu	Trung tâm Dịch vụ	x				
547	Vũ Thị Hoài Thu	Trung tâm ngoại ngữ - Tin học		x			
548	Đỗ Thị Thanh Thủy	Trung tâm ngoại ngữ - Tin học	x				
549	Ngô Huyền Giang	Trung tâm ngoại ngữ - Tin học	x				
550	Trịnh Thế Lực	Trung tâm PT, TN CN cao	x				
551	Đặng Ngọc Cương	Trung tâm Thông tin - TV	x				
552	Vũ Thị Ngọc	Trung tâm Thông tin - TV	x				
553	Nguyễn Thị Thu Thủy	Trung tâm Thông tin - TV	x				
554	Đào Thị Hồng Diệp	Trung tâm Thông tin - TV	x				
555	Hoàng Thị Nga	Trung tâm Thông tin - TV	x				
556	Phan Thị Phượng	Trung tâm Thông tin - TV	x				
557	Ngô Thị Thanh Hương	Trung tâm Thông tin - TV	x				
558	Trần Văn Duy	Trung tâm Thông tin - TV	x				
559	Đỗ Thị Mường	Trung tâm Thông tin - TV	x				
560	Hoàng Thị Thúy	Trung tâm Thông tin - TV	x				
561	Hoàng Thị Hiền	Trung tâm Thông tin - TV		x			
562	Đỗ Lệ Chi	Trung tâm Thông tin - TV	x				
563	Nguyễn Hữu Độ	Trung tâm Thông tin - TV		x			
564	Nguyễn Duy Hiếu	Trung tâm Thông tin - TV		x			
565	Ngô Thị Hương Liên	Trung tâm Thông tin - TV		x			
566	Bùi Thị Thanh Vân	Trạm Y tế	x				
567	Mai Ngọc Liên	Trạm Y tế	x				
568	Nguyễn Thị Thu Thụy	Trạm Y tế		x			
569	Phạm Quang Ba	Văn phòng Chương trình tiên tiến			x		
570	Vũ Thu Hường	Văn phòng Chương trình tiên tiến	x				
571	Đỗ Thanh Dũng	Văn phòng Chương trình tiên tiến					x
572	Đồng Hữu Tiến	Văn phòng Đại diện	x				
573	Trần Thị Mai Hương	Văn phòng Đại diện			x		
574	Phạm Tố Uyên	Văn phòng Đảng - Đoàn thể	x				
575	Phạm Thị Việt Nga	Văn phòng Đảng - Đoàn thể	x				
576	Đặng Thị Hằng Nga	Văn phòng Đảng - Đoàn thể		x			

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 1854 /QĐ - MĐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
V/v: Công nhận danh hiệu thi đua cấp trường cho tập thể và cá nhân (không giữ chức vụ quản lý) năm học 2022- 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Luật Thi đua Khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về công tác Thi đua Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư 21/2020/TT-BGDĐT ngày 31/7/2020 của của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác Thi đua, Khen thưởng trong ngành Giáo dục và một số văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác bình xét thi đua và xét công nhận sáng kiến;

Căn cứ Công văn số 3106/BGDĐT-TĐKT ngày 17/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai một số quy định của Thông tư số 21/2020/TT-BGDĐT ngày 31/7/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Giáo dục; Công văn số 2851/BGDĐT-TĐKT ngày 12/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn, xét công nhận sáng kiến; phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học làm cơ sở xét danh hiệu thi đua, khen thưởng hàng năm;

Căn cứ Nghị quyết số 49/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn sáng kiến và quy trình xét công nhận sáng kiến của Trường ĐH Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định về công tác Thi đua, Khen thưởng; Nghị quyết số 114/NQ-HĐT ngày 24/05/2022 của Hội đồng trường về việc sửa đổi một số Khoản tại Điều 4, Chương II của Quy định về tiêu chuẩn sáng kiến và quy trình xét công nhận sáng kiến của Trường ĐH Mỏ - Địa chất ban hành kèm theo Nghị quyết số 49/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường Trường ĐH Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-MĐC ngày 10/8/2023 về việc công nhận sáng kiến cấp cơ sở năm học 2022-2023; Quyết định số 1326/QĐ-MĐC ngày 18/09/2023 về việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động (không giữ chức vụ quản lý) năm học 2022-2023;

Căn cứ Kết quả Họp Hội đồng đánh giá, xếp loại chất lượng và xét sáng kiến, thi đua khen thưởng ngày 14/11/2023;

Theo đề nghị Hội đồng đánh giá, xếp loại chất lượng và xét sáng kiến, thi đua khen thưởng trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu thi đua cấp trường cho các tập thể và cá nhân (không giữ chức vụ quản lý) năm học 2022 - 2023 (danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký, các tập thể và cá nhân có tên trong danh sách kèm theo tại Điều 1 được hưởng mức thưởng theo quy định hiện hành.

Điều 3. Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính và các tập thể, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- ĐU. HĐT (để b/cáo);
- Như điều 3;
- Lưu HCTH.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

Danh sách Công nhận danh hiệu thi đua cấp trường tập thể và cá nhân (không giữ chức vụ quản lý) năm học 2022- 2023

(kèm theo QĐ số 1854/QĐ-MĐC ngày 17 tháng 11 năm 2023)

A. KHEN THƯỞNG CẤP TRƯỜNG		
I. Khen thưởng cá nhân		
1. Danh sách cá nhân đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua		
TT	**Họ và tên**	**Đơn vị**
1	Nguyễn Khắc Lĩnh	Khoa Cơ - Điện
2	Phạm Trung Sơn	Khoa Cơ - Điện
3	Phạm Thị Thanh Loan	Khoa Cơ - Điện
4	Đặng Quốc Trung	Khoa Công nghệ thông tin
5	Nông Thị Oanh	Khoa Công nghệ thông tin
6	Vũ Hồng Dương	Khoa Dầu khí và Năng lượng
7	Nguyễn Thị Thu Hằng	Khoa Dầu khí và Năng lượng
8	Phạm Công Tú	Khoa Giáo dục quốc phòng
9	Nguyễn Huy Thông	Khoa Khoa học cơ bản
10	Lê Thị Duyên	Khoa Khoa học cơ bản
11	Nguyễn Thế Lâm	Khoa Khoa học cơ bản
12	Nguyễn Thùy Linh	Khoa Khoa học cơ bản
13	Đỗ Thị Hồng Hải	Khoa Khoa học cơ bản
14	Đào Việt Thắng	Khoa Khoa học cơ bản
15	Bùi Vinh Hậu	Khoa Khoa học và KTĐC
16	Phạm Thị Ngọc Hà	Khoa Khoa học và KTĐC
17	Phan Viết Sơn	Khoa Khoa học và KTĐC
18	Đỗ Mạnh An	Khoa Khoa học và KTĐC
19	Nguyễn Khắc Du	Khoa Khoa học và KTĐC
20	Nguyễn Thị Hồng Loan	Khoa Kinh tế - QTKD
21	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Khoa Kinh tế - QTKD
22	Đỗ Hữu Tùng	Khoa Kinh tế - QTKD
23	Lê Thị Yến	Khoa Lý luận chính trị
24	Dương Thị Tuyết Nhung	Khoa Lý luận chính trị
25	Đặng Thị Thanh Trâm	Khoa Lý luận chính trị
26	Lê Tiến Dũng	Khoa Mỏ
27	Phạm Thanh Hải	Khoa Mỏ
28	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Khoa Mỏ
29	Trần Anh Quân	Khoa Môi trường
30	Nguyễn Phương Đông	Khoa Môi trường
31	Vũ Thị Phương Thảo	Khoa Môi trường
32	Nguyễn Thị Kim Thanh	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
33	Tạ Thị Thu Hường	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
34	Tăng Văn Lâm	Khoa Xây dựng
35	Lê Huy Việt	Khoa Xây dựng

36	Phạm Thị Hương	Phòng Công tác chính trị - SV
37	Phạm Thị Nguyên	Phòng Đào tạo Đại học
38	Nguyễn Tuấn Thành	Phòng Đào tạo Đại học
39	Hoàng Thị Phương Dung	Phòng Đạo tạo sau đại học
40	Nguyễn Minh Thu	Phòng Hành chính - Tổng hợp
41	Nguyễn Thị Dàng	Phòng Hành chính - Tổng hợp
42	Nguyễn Thị Thắm	Phòng Hành chính - Tổng hợp
43	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng Hợp tác quốc tế
44	Nguyễn Thu Hà	Phòng Kế hoạch Tài chính
45	Hoàng Thu Hằng	Phòng KHCN
46	Nguyễn Hồng Hạnh	Phòng Quan hệ CC và DN
47	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Phòng Tổ chức - Cán bộ
48	Lê Thị Thu	Phòng Tổ chức - Cán bộ
49	Nguyễn Mai Hà	Trung tâm dịch vụ
50	Trịnh Thế Lực	Trung tâm PTTN CN cao
51	Vũ Thị Ngọc	Trung tâm Thông tin - Thư viện
52	Đặng Thị Hằng Nga	VP Đảng - Đoàn thể

2. Danh sách cá nhân được tặng giấy khen của Hiệu trưởng		
TT	**Họ và tên**	**Khoa**
1	Nguyễn Thế Hoàng	Khoa Cơ - Điện
2	Đào Hiếu	Khoa Cơ - Điện
3	Nguyễn Trường Giang	Khoa Cơ - Điện
4	Phan Thị Mai Phương	Khoa Cơ - Điện
5	Nguyễn Thị Liên	Khoa Cơ - Điện
6	Nguyễn Thị Hữu Phương	Khoa Công nghệ thông tin
7	Đào Thị Tuyết	Khoa Công nghệ thông tin
8	Vũ Lan Phương	Khoa Công nghệ thông tin
9	Phạm Thị Nguyệt	Khoa Công nghệ thông tin
10	Trần Thị Hòa	Khoa Công nghệ thông tin
11	Diêm Thị Thùy	Khoa Công nghệ thông tin
12	Nguyễn Thị Loan	Khoa Công nghệ thông tin
13	Lê Văn Nam	Khoa Dầu khí và Năng lượng
14	Nguyễn Thu Thủy	Khoa Dầu khí và Năng lượng
15	Trần Thanh Hanh	Khoa Giáo dục quốc phòng
16	Đỗ Tiến Thiết	Khoa Khoa học cơ bản
17	Nguyễn Thị Hằng	Khoa Khoa học cơ bản
18	Nguyễn Thu Hằng	Khoa Khoa học cơ bản
19	Hồ Quỳnh Anh	Khoa Khoa học cơ bản
20	Nguyễn Thị Hậu	Khoa Khoa học cơ bản
21	Nguyễn Thị Hà	Khoa Khoa học cơ bản
22	Phan Văn Bình	Khoa Khoa học và KTĐC

23	Nguyễn Văn Hùng	Khoa Khoa học và KTĐC
24	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Khoa Khoa học và KTĐC
25	Tạ Thị Toán	Khoa Khoa học và KTĐC
26	Phan Thị Thùy Dương	Khoa Khoa học và KTĐC
27	Nguyễn Tiến Hưng	Khoa Kinh tế - QTKD
28	Hoàng Thị Thủy	Khoa Kinh tế - QTKD
29	Phan Minh Quang	Khoa Kinh tế - QTKD
30	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	Khoa Kinh tế - QTKD
31	Phạm Ngọc Tuấn	Khoa Kinh tế - QTKD
32	Lê Đình Chiều	Khoa Kinh tế - QTKD
33	Lê Văn Chiến	Khoa Kinh tế - QTKD
34	Đỗ Thị Vân Hà	Khoa Lý luận chính trị
35	Ngô Văn Hưởng	Khoa Lý luận chính trị
36	Nguyễn Thị Thúy Hà	Khoa Lý luận chính trị
37	Nguyễn Tuấn Vương	Khoa Lý luận chính trị
38	Đinh Thị Thanh Nhàn	Khoa Mỏ
39	Đỗ Ngọc Hoàn	Khoa Mỏ
40	Nguyễn Hoàng	Khoa Mỏ
41	Vũ Thị Chinh	Khoa Mỏ
42	Lê Việt Hà	Khoa Mỏ
43	Trần Thị Thu Hương	Khoa Môi trường
44	Phan Thị Mai Hoa	Khoa Môi trường
45	Trần Vân Anh	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
46	Phạm Trung Dũng	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
47	Võ Ngọc Dũng	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
48	Nguyễn Thế Công	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
49	Trần Xuân Miễn	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
50	Nguyễn Thị Mến	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
51	Đào Viết Đoàn	Khoa Xây dựng
52	Nguyễn Chí Thành	Khoa Xây dựng
53	Ngọ Thị Hương Trang	Khoa Xây dựng
54	Nguyễn Thị Hương	Khoa Xây dựng
55	Nguyễn Thị Thúy Hà	Phòng Cơ sở vật chất
56	Nguyễn Duy Hiệp	Phòng Cơ sở vật chất
57	Trịnh Thị Hợp	Phòng Cơ sở vật chất
58	Phan Thị Thúy	Phòng Công tác chính trị - SV
59	Chu Thị Thúy Nga	Phòng Công tác chính trị - SV
60	Đào Duy Nam	Phòng Đào tạo Đại học
61	Đặng Thị Hồng Vân	Phòng Đào tạo Đại học
62	Nguyễn Thị Vân	Phòng Đạo tạo sau đại học
63	Ngô Thái Vinh	Phòng ĐBCLGD
64	Nguyễn Đức Năng	Phòng Hành chính - Tổng hợp

65	Phạm Văn Khương	Phòng Hành chính - Tổng hợp
66	Nguyễn Đức Toàn	Phòng Hành chính - Tổng hợp
67	Nguyễn Thị Nga	Phòng Hành chính - Tổng hợp
68	Cao Thu Hoài	Phòng Kế hoạch Tài chính
69	Nhâm Quỳnh Giang	Phòng Kế hoạch Tài chính
70	Quách Thị Nhịp	Phòng Kế hoạch Tài chính
71	Nguyễn Thanh Hải	Phòng KHCN
72	Đoàn Thị Luyên	Phòng Quan hệ CC và DN
73	Đoàn Nguyễn Thanh Hương	Phòng Tổ chức - Cán bộ
74	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Phòng Xuất bản
75	Nguyễn Văn Khẩn	Trung tâm dịch vụ
76	Lê Thị Thanh Xuân	Trung tâm dịch vụ
77	Nguyễn Thị Thu	Trung tâm dịch vụ
78	Đỗ Thị Thanh Thủy	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học
79	Đặng Ngọc Cương	Trung tâm Thông tin - Thư viện
80	Ngô Thị Thanh Hương	Trung tâm Thông tin - Thư viện
81	Đồng Hữu Tiến	Văn phòng Đại diện
82	Phạm Tố Uyên	VP Đảng - Đoàn thể

3. Danh sách cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến		
TT	**Họ và tên**	**Đơn vị**
1	Nguyễn Thế Hoàng	Khoa Cơ - Điện
2	Đoàn Công Luận	Khoa Cơ - Điện
3	Đào Hiếu	Khoa Cơ - Điện
4	Nguyễn Thế Lực	Khoa Cơ - Điện
5	Nguyễn Trường Giang	Khoa Cơ - Điện
6	Kim Ngọc Linh	Khoa Cơ - Điện
7	Nguyễn Thị Bích Hậu	Khoa Cơ - Điện
8	Đoàn Kim Bình	Khoa Cơ - Điện
9	Uông Quang Tuyến	Khoa Cơ - Điện
10	Phạm Tuấn Long	Khoa Cơ - Điện
11	Bùi Ngọc Hùng	Khoa Cơ - Điện
12	Đinh Văn Thắng	Khoa Cơ - Điện
13	Bùi Minh Hoàng	Khoa Cơ - Điện
14	Tống Ngọc Anh	Khoa Cơ - Điện
15	Nguyễn Sơn Tùng	Khoa Cơ - Điện
16	Đặng Vũ Đinh	Khoa Cơ - Điện
17	Phan Thị Mai Phương	Khoa Cơ - Điện
18	Lê Thị Hồng Thắng	Khoa Cơ - Điện
19	Nguyễn Thị Liên	Khoa Cơ - Điện
20	Đào Thị Thủy	Khoa Cơ - Điện
21	Lê Thị Hồng Diệp	Khoa Cơ - Điện

22	Chu Mạnh Cường	Khoa Cơ - Điện
23	Đặng Viết Khuê	Khoa Cơ - Điện
24	Phạm Văn Đồng	Khoa Công nghệ thông tin
25	Đặng Hữu Nghị	Khoa Công nghệ thông tin
26	Nguyễn Thị Hữu Phương	Khoa Công nghệ thông tin
27	Phạm Thị Hải Vân	Khoa Công nghệ thông tin
28	Đào Anh Thư	Khoa Công nghệ thông tin
29	Đỗ Như Hải	Khoa Công nghệ thông tin
30	Nguyễn Tuấn Anh	Khoa Công nghệ thông tin
31	Đào Thị Tuyết	Khoa Công nghệ thông tin
32	Dương Thị Tâm	Khoa Công nghệ thông tin
33	Phạm An Cương	Khoa Công nghệ thông tin
34	Bùi Thị Ánh Nguyệt	Khoa Công nghệ thông tin
35	Phạm Đức Hậu	Khoa Công nghệ thông tin
36	Bùi Thị Vân Anh	Khoa Công nghệ thông tin
37	Dương Chí Thiện	Khoa Công nghệ thông tin
38	Vũ Lan Phương	Khoa Công nghệ thông tin
39	Vương Thị Như Quỳnh	Khoa Công nghệ thông tin
40	Trần Thị Như Hoa	Khoa Công nghệ thông tin
41	Nguyễn Thị Phương Bắc	Khoa Công nghệ thông tin
42	Nguyễn Thùy Dương	Khoa Công nghệ thông tin
43	Phạm Quang Hiển	Khoa Công nghệ thông tin
44	Phạm Thị Nguyệt	Khoa Công nghệ thông tin
45	Nguyễn Thế Bình	Khoa Công nghệ thông tin
46	Lê Thanh Huệ	Khoa Công nghệ thông tin
47	Vũ Thị Kim Liên	Khoa Công nghệ thông tin
48	Đinh Bảo Ngọc	Khoa Công nghệ thông tin
49	Trần Mai Hương	Khoa Công nghệ thông tin
50	Trần Thị Hòa	Khoa Công nghệ thông tin
51	Trần Trường Giang	Khoa Công nghệ thông tin
52	Diêm Thị Thùy	Khoa Công nghệ thông tin
53	Nguyễn Thị Phấn	Khoa Công nghệ thông tin
54	Đào Thị Hồng Thắm	Khoa Công nghệ thông tin
55	Nguyễn Đức Quân	Khoa Công nghệ thông tin
56	Nguyễn Thị Loan	Khoa Công nghệ thông tin
57	Phan Thị Hồng	Khoa Dầu khí và Năng lượng
58	Doãn Thị Trâm	Khoa Dầu khí và Năng lượng
59	Nguyễn Văn Thành	Khoa Dầu khí và Năng lượng
60	Nguyễn Khắc Long	Khoa Dầu khí và Năng lượng
61	Trương Văn Từ	Khoa Dầu khí và Năng lượng
62	Bùi Thị Lệ Thủy	Khoa Dầu khí và Năng lượng
63	Phạm Xuân Núi	Khoa Dầu khí và Năng lượng

64	Phạm Trung Kiên	Khoa Dầu khí và Năng lượng
65	Ngô Thanh Hải	Khoa Dầu khí và Năng lượng
66	Lê Văn Nam	Khoa Dầu khí và Năng lượng
67	Nguyễn Văn Vinh	Khoa Dầu khí và Năng lượng
68	Trần Ngọc Tuân	Khoa Dầu khí và Năng lượng
69	Vũ Cúc Phương	Khoa Dầu khí và Năng lượng
70	Nguyễn Thu Thủy	Khoa Dầu khí và Năng lượng
71	Hoàng Xuân Trường	Khoa Giáo dục quốc phòng
72	Nguyễn Văn Phong	Khoa Giáo dục quốc phòng
73	Nghiêm Công Đĩnh	Khoa Giáo dục quốc phòng
74	Trần Thanh Hanh	Khoa Giáo dục quốc phòng
75	Ngô Văn Dương	Khoa Giáo dục quốc phòng
76	Lê Thị Định	Khoa Giáo dục quốc phòng
77	Trần Thị Trâm	Khoa Khoa học cơ bản
78	Lê Viết Tuấn	Khoa Khoa học cơ bản
79	Lã Ngọc Linh	Khoa Khoa học cơ bản
80	Trần Lan Hương	Khoa Khoa học cơ bản
81	Đỗ Tiến Thiết	Khoa Khoa học cơ bản
82	Nguyễn Trường Đông	Khoa Khoa học cơ bản
83	Chu Thị Hồng Hạnh	Khoa Khoa học cơ bản
84	Đỗ Việt Anh	Khoa Khoa học cơ bản
85	Hà Mạnh Hùng	Khoa Khoa học cơ bản
86	Trần Đình Thước	Khoa Khoa học cơ bản
87	Nguyễn Thị Cúc	Khoa Khoa học cơ bản
88	Trần Thị Thu Hiền	Khoa Khoa học cơ bản
89	Nguyễn Thị Hằng	Khoa Khoa học cơ bản
90	Đào Xuân Hưng	Khoa Khoa học cơ bản
91	Phạm Ngọc Anh	Khoa Khoa học cơ bản
92	Lê Bích Phượng	Khoa Khoa học cơ bản
93	Hoàng Ngự Huấn	Khoa Khoa học cơ bản
94	Nguyễn Thu Hằng	Khoa Khoa học cơ bản
95	Lê Thị Hương Giang	Khoa Khoa học cơ bản
96	Hồ Quỳnh Anh	Khoa Khoa học cơ bản
97	Nguyễn Xuân Chung	Khoa Khoa học cơ bản
98	Trần Thị Hà	Khoa Khoa học cơ bản
99	Nguyễn Thị Hậu	Khoa Khoa học cơ bản
100	Nguyễn Thị Diệu Thu	Khoa Khoa học cơ bản
101	Tống Bá Tuấn	Khoa Khoa học cơ bản
102	Nguyễn Thị Hà	Khoa Khoa học cơ bản
103	Đỗ Bảo Anh Phương	Khoa Khoa học cơ bản
104	Nguyễn Đạo Lý Nhân Phúc	Khoa Khoa học cơ bản
105	Ngô Thị Kim Chi	Khoa Khoa học và KTĐC

106	Phan Văn Bình	Khoa Khoa học và KTĐC
107	Bùi Thị Thu Hiền	Khoa Khoa học và KTĐC
108	Nhữ Việt Hà	Khoa Khoa học và KTĐC
109	Nguyễn Thành Dương	Khoa Khoa học và KTĐC
110	Nguyễn Văn Hùng	Khoa Khoa học và KTĐC
111	Phùng Hữu Hải	Khoa Khoa học và KTĐC
112	Kiều Thị Vân Anh	Khoa Khoa học và KTĐC
113	Hà Thành Như	Khoa Khoa học và KTĐC
114	Đặng Thị Vinh	Khoa Khoa học và KTĐC
115	Nguyễn Trung Thành	Khoa Khoa học và KTĐC
116	Nguyễn Hữu Trọng	Khoa Khoa học và KTĐC
117	Khương Thế Hùng	Khoa Khoa học và KTĐC
118	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Khoa Khoa học và KTĐC
119	Tạ Thị Toán	Khoa Khoa học và KTĐC
120	Phạm Thị Thanh Hiền	Khoa Khoa học và KTĐC
121	Hoàng Thị Thoa	Khoa Khoa học và KTĐC
122	Lê Xuân Trường	Khoa Khoa học và KTĐC
123	Vũ Thị Hiền	Khoa Khoa học và KTĐC
124	Dương Văn Bình	Khoa Khoa học và KTĐC
125	Phan Thị Thùy Dương	Khoa Khoa học và KTĐC
126	Lưu Thị Thu Hà	Khoa Kinh tế - QTKD
127	Nguyễn Tiến Hưng	Khoa Kinh tế - QTKD
128	Phí Thị Kim Thư	Khoa Kinh tế - QTKD
129	Phạm Thu Hương	Khoa Kinh tế - QTKD
130	Phạm Minh Hải	Khoa Kinh tế - QTKD
131	Dương Thị Nhàn	Khoa Kinh tế - QTKD
132	Nguyễn Thị Minh Thu	Khoa Kinh tế - QTKD
133	Lê Thị Thu Hồng	Khoa Kinh tế - QTKD
134	Hoàng Thị Thủy	Khoa Kinh tế - QTKD
135	Nguyễn Thị Huyền Trang	Khoa Kinh tế - QTKD
136	Phan Minh Quang	Khoa Kinh tế - QTKD
137	Phạm Thu Trang	Khoa Kinh tế - QTKD
138	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Khoa Kinh tế - QTKD
139	Nguyễn Thanh Thảo	Khoa Kinh tế - QTKD
140	Trần Văn Hiệp	Khoa Kinh tế - QTKD
141	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	Khoa Kinh tế - QTKD
142	Nguyễn Thu Hà	Khoa Kinh tế - QTKD
143	Phạm Ngọc Tuấn	Khoa Kinh tế - QTKD
144	Lê Thị Thu Hường	Khoa Kinh tế - QTKD
145	Nguyễn Đức Thắng	Khoa Kinh tế - QTKD
146	Phan Thị Thùy Linh	Khoa Kinh tế - QTKD
147	Nguyễn Thị Hường	Khoa Kinh tế - QTKD

148	Lê Đình Chiều	Khoa Kinh tế - QTKD
149	Phạm Kiên Trung	Khoa Kinh tế - QTKD
150	Nguyễn Văn Thưởng	Khoa Kinh tế - QTKD
151	Lê Văn Chiến	Khoa Kinh tế - QTKD
152	Phạm Thị Châu Giang	Khoa Kinh tế - QTKD
153	Nguyễn Thị Thu Dung	Khoa Kinh tế - QTKD
154	Nguyễn Thị Kim Liên	Khoa Kinh tế - QTKD
155	Vũ Thị Như Quỳnh	Khoa Kinh tế - QTKD
156	Nguyễn Thị Kim Dung	Khoa Lý luận chính trị
157	Đỗ Thị Vân Hà	Khoa Lý luận chính trị
158	Trần Thị Lan Hương	Khoa Lý luận chính trị
159	Bùi Thị Thùy Dương	Khoa Lý luận chính trị
160	Ngô Văn Hưởng	Khoa Lý luận chính trị
161	Đào Thị Tuyết	Khoa Lý luận chính trị
162	Nguyễn Thị Thúy Hà	Khoa Lý luận chính trị
163	Lê Quốc Hiệp	Khoa Lý luận chính trị
164	Nguyễn Tuấn Vương	Khoa Lý luận chính trị
165	Nguyễn Thu Hương	Khoa Lý luận chính trị
166	Phạm Đức Hưng	Khoa Mỏ
167	Nguyễn Văn Quang	Khoa Mỏ
168	Vũ Thái Tiến Dũng	Khoa Mỏ
169	Lê Quang Phục	Khoa Mỏ
170	Đinh Thị Thanh Nhàn	Khoa Mỏ
171	Lê Thị Thu Hoa	Khoa Mỏ
172	Nguyễn Đình An	Khoa Mỏ
173	Phạm Văn Việt	Khoa Mỏ
174	Lê Quí Thảo	Khoa Mỏ
175	Trần Đình Bão	Khoa Mỏ
176	Đỗ Ngọc Hoàn	Khoa Mỏ
177	Nguyễn Hoàng	Khoa Mỏ
178	Nguyễn Viết Thắng	Khoa Mỏ
179	Trần Mạnh Tiến	Khoa Mỏ
180	Nguyễn Nam Hòa	Khoa Mỏ
181	Vũ Thị Chinh	Khoa Mỏ
182	Trần Văn Được	Khoa Mỏ
183	Phạm Thị Nhung	Khoa Mỏ
184	Phùng Tiến Thuật	Khoa Mỏ
185	Lê Việt Hà	Khoa Mỏ
186	Hoàng Thị Nga	Khoa Mỏ
187	Trần Thị Thu Hương	Khoa Môi trường
188	Trần Thị Ngọc	Khoa Môi trường
189	Nguyễn Thị Hòa	Khoa Môi trường

190	Nguyễn Thị Hồng	Khoa Môi trường
191	Đào Trung Thành	Khoa Môi trường
192	Nguyễn Thị Thu Huyền	Khoa Môi trường
193	Nguyễn Thị Cúc	Khoa Môi trường
194	Phan Thị Mai Hoa	Khoa Môi trường
195	Vũ Thị Lan Anh	Khoa Môi trường
196	Phạm Thị Thanh Hải	Khoa Môi trường
197	Nguyễn Danh Đức	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
198	Trần Vân Anh	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
199	Trần Thanh Hà	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
200	Lê Thanh Nghị	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
201	Phạm Thị Thanh Hòa	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
202	Đoàn Thị Nam Phương	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
203	Dương Vân Phong	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
204	Nguyễn Văn Sáng	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
205	Lê Thị Thanh Tâm	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
206	Phạm Ngọc Quang	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
207	Nguyễn Hà	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
208	Phạm Trung Dũng	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
209	Phạm Công Khải	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
210	Vương Trọng Kha	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
211	Lê Thị Thu Hà	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
212	Võ Ngọc Dũng	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
213	Phạm Thị Làn	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
214	Lê Văn Cảnh	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
215	Hoàng Ngọc Hà	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
216	Nguyễn Quang Minh	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
217	Trương Minh Hùng	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
218	Trần Anh Tuấn	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
219	Nguyễn Thế Công	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
220	Phạm Thị Kim Thoa	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
221	Đặng Thị Hoàng Nga	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
222	Đinh Hải Nam	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
223	Trần Xuân Miễn	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
224	Nguyễn Thị Hiền	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
225	Nguyễn Thị Mến	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
226	Cù Thị Thu Hà	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
227	Nguyễn Quang Thắng	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
228	Phạm Thị Nhàn	Khoa Xây dựng
229	Ngô Xuân Hùng	Khoa Xây dựng
230	Võ Trọng Hùng	Khoa Xây dựng
231	Đào Viết Đoàn	Khoa Xây dựng

232	Nguyễn Duyên Phong	Khoa Xây dựng
233	Nguyễn Chí Thành	Khoa Xây dựng
234	Đỗ Ngọc Thái	Khoa Xây dựng
235	Nguyễn Tài Tiến	Khoa Xây dựng
236	Phạm Văn Hùng	Khoa Xây dựng
237	Đặng Quang Huy	Khoa Xây dựng
238	Bùi Anh Thắng	Khoa Xây dựng
239	Ngọ Thị Hương Trang	Khoa Xây dựng
240	Phạm Thanh Huyền	Khoa Xây dựng
241	Nguyễn Thị Hương	Khoa Xây dựng
242	Đặng Văn Phi	Khoa Xây dựng
243	Nguyễn Thị Thúy Hà	Phòng Cơ sở vật chất
244	Nguyễn Thế Tĩnh	Phòng Cơ sở vật chất
245	Nguyễn Thị Thu Hà	Phòng Cơ sở vật chất
246	Lê Tiến Dũng	Phòng Cơ sở vật chất
247	Trần Thị Hương	Phòng Cơ sở vật chất
248	Nguyễn Duy Hiệp	Phòng Cơ sở vật chất
249	Tạ Văn Minh	Phòng Cơ sở vật chất
250	Ninh Ngọc Cương	Phòng Cơ sở vật chất
251	Nguyễn Đình Cường	Phòng Cơ sở vật chất
252	Nguyễn Thế	Phòng Cơ sở vật chất
253	Trịnh Thị Hợp	Phòng Cơ sở vật chất
254	Trần Thị Thu Huyền	Phòng Cơ sở vật chất
255	Nguyễn Thị Thúy	Phòng Cơ sở vật chất
256	Nguyễn Thị Hồng Vân	Phòng Công tác chính trị - SV
257	Đào Thị Thơm	Phòng Công tác chính trị - SV
258	Nguyễn Thùy Linh	Phòng Công tác chính trị - SV
259	Trương Thúy Hà	Phòng Công tác chính trị - SV
260	Phan Thị Thúy	Phòng Công tác chính trị - SV
261	Chu Thị Thúy Nga	Phòng Công tác chính trị - SV
262	Lại Kim Cương	Phòng Đào tạo Đại học
263	Nguyễn Văn Đức	Phòng Đào tạo Đại học
264	Nguyễn Quốc Dũng	Phòng Đào tạo Đại học
265	Nguyễn Thị Thanh Loan	Phòng Đào tạo Đại học
266	Bùi Thị Mai	Phòng Đào tạo Đại học
267	Đào Duy Nam	Phòng Đào tạo Đại học
268	Nguyễn Thị Minh Thu	Phòng Đào tạo Đại học
269	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phòng Đào tạo Đại học
270	Đặng Thị Hồng Vân	Phòng Đào tạo Đại học
271	Hà Ngọc Kiên	Phòng Đạo tạo sau đại học
272	Nguyễn Thị Vân	Phòng Đạo tạo sau đại học
273	Phạm Ngọc Hà	Phòng Đạo tạo sau đại học

274	Dương Mai Yến	Phòng ĐBCLGD
275	Ngô Thái Vinh	Phòng ĐBCLGD
276	Dương Thị Hồng Đài	Phòng ĐBCLGD
277	Nguyễn Đức Năng	Phòng Hành chính - Tổng hợp
278	Bùi Huy Văn	Phòng Hành chính - Tổng hợp
279	Lê Đức Minh	Phòng Hành chính - Tổng hợp
280	Lý Hồng Khanh	Phòng Hành chính - Tổng hợp
281	Nguyễn Quang Hải	Phòng Hành chính - Tổng hợp
282	Trần Văn Huyên	Phòng Hành chính - Tổng hợp
283	Hà Ngọc Trường	Phòng Hành chính - Tổng hợp
284	Lê Hoài Nam	Phòng Hành chính - Tổng hợp
285	Hoàng Văn Sinh	Phòng Hành chính - Tổng hợp
286	Phạm Văn Khương	Phòng Hành chính - Tổng hợp
287	Phạm Trường Sơn	Phòng Hành chính - Tổng hợp
288	Dương Thành Quảng	Phòng Hành chính - Tổng hợp
289	Lưu Hữu Phước	Phòng Hành chính - Tổng hợp
290	Nguyễn Đức Toàn	Phòng Hành chính - Tổng hợp
291	Nguyễn Thị Nga	Phòng Hành chính - Tổng hợp
292	Nguyễn Thị Chi	Phòng Hành chính - Tổng hợp
293	Chu Thế Mạnh	Phòng Hành chính - Tổng hợp
294	Trần Thị Lan Phương	Phòng Hành chính - Tổng hợp
295	Nguyễn Thị Sim	Phòng Hợp tác quốc tế
296	Cao Thu Hoài	Phòng Kế hoạch Tài chính
297	Nhâm Quỳnh Giang	Phòng Kế hoạch Tài chính
298	Quách Thị Nhịp	Phòng Kế hoạch Tài chính
299	Trương Thị Thanh Huyền	Phòng Kế hoạch Tài chính
300	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng Kế hoạch Tài chính
301	Đỗ Thủy Trà My	Phòng Kế hoạch Tài chính
302	Phạm Tuyết Mai	Phòng Kế hoạch Tài chính
303	Phạm Đức Nghiệp	Phòng KHCN
304	Trần Thị Hải Vân	Phòng KHCN
305	Nguyễn Thanh Hải	Phòng KHCN
306	Đoàn Thị Luyên	Phòng Quan hệ CC và DN
307	Quyền Minh Hoàng Phương	Phòng Quan hệ CC và DN
308	Nguyễn Thế Anh	Phòng Quan hệ CC và DN
309	Đặng Lê Văn	Phòng Quan hệ CC và DN
310	Hà Thị Liễu	Phòng Tổ chức - Cán bộ
311	Đoàn Nguyễn Thanh Hương	Phòng Tổ chức - Cán bộ
312	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Phòng Xuất bản
313	Võ Thị Công Chính	Phòng Xuất bản
314	Bùi Thị Thanh Vân	Trạm y tế
315	Mai Ngọc Liên	Trạm y tế

316	Nguyễn Thị Thu Thụy	Trạm y tế
317	Nguyễn Thị Hồng	Trung tâm dịch vụ
318	Vũ Thế Hùng	Trung tâm dịch vụ
319	Hà Tú Hương	Trung tâm dịch vụ
320	Đinh Hữu Khánh	Trung tâm dịch vụ
321	Nguyễn Văn Khẩn	Trung tâm dịch vụ
322	Quách Thị Thu Phương	Trung tâm dịch vụ
323	Nguyễn Xuân Thuận	Trung tâm dịch vụ
324	Bùi Thị Kim Anh	Trung tâm dịch vụ
325	Phan Thanh Chương	Trung tâm dịch vụ
326	Trần Thị Dược	Trung tâm dịch vụ
327	Phạm Thị Quy	Trung tâm dịch vụ
328	Phạm Thị Thanh Tâm	Trung tâm dịch vụ
329	Vũ Thị Phương Thùy	Trung tâm dịch vụ
330	Lê Thị Thanh Xuân	Trung tâm dịch vụ
331	Nguyễn Thị Thu	Trung tâm dịch vụ
332	Vũ Thị Hoài Thu	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học
333	Đỗ Thị Thanh Thủy	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học
334	Ngô Huyền Giang	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học
335	Đặng Ngọc Cương	Trung tâm Thông tin - Thư viện
336	Nguyễn Duy Hiếu	Trung tâm Thông tin - Thư viện
337	Nguyễn Thị Thu Thủy	Trung tâm Thông tin - Thư viện
338	Hoàng Thị Thúy	Trung tâm Thông tin - Thư viện
339	Đỗ Lệ Chi	Trung tâm Thông tin - Thư viện
340	Hoàng Thị Nga	Trung tâm Thông tin - Thư viện
341	Đỗ Thị Mường	Trung tâm Thông tin - Thư viện
342	Ngô Thị Thanh Hương	Trung tâm Thông tin - Thư viện
343	Hoàng Thị Hiền	Trung tâm Thông tin - Thư viện
344	Trần văn Duy	Trung tâm Thông tin - Thư viện
345	Phan Thị Phượng	Trung tâm Thông tin - Thư viện
346	Đào Thị Hồng Diệp	Trung tâm Thông tin - Thư viện
347	Đồng Hữu Tiến	Văn phòng Đại diện
348	Phạm Thị Việt Nga	VP Đảng - Đoàn thể
349	Phạm Tố Uyên	VP Đảng - Đoàn thể
350	Nguyễn Tiến Dũng	Ban quản lý các dự án
351	Lại Thiên Nguyên	Ban quản lý các dự án
352	Nguyễn Ngọc Dương	Ban quản lý các dự án
353	Nguyễn Thị Sơn	Ban quản lý các dự án

II. Khen thưởng tập thể	
1. Tập thể được tặng giấy khen của Hiệu trưởng	
1	Bộ môn Điện khí hóa XN

2	Bộ môn Tự động hóa XN M&DK
3	Khoa Giáo dục quốc phòng
4	Bộ môn Cơ lý thuyết
5	Khoa Kinh tế - QTKD
6	Bộ môn QTDN Địa chất - Dầu khí
7	Khoa Lý luận chính trị
8	Bộ môn Tư tưởng HCM và CNXHKH
9	Bộ môn Tuyển khoáng
10	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường
11	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
12	Khoa Xây dựng
13	Bộ môn Xây dựng CTN và Mỏ
14	Phòng Công tác chính trị - SV
15	Phòng Cơ sở vật chất
16	Phòng Đào tạo Đại học
17	Phòng Đạo tạo sau đại học
18	Phòng Hành chính - Tổng hợp
19	Trạm y tế
20	Ban quản lý các dự án
2. Danh sách tập thể Lao động tiên tiến	
1	Khoa Cơ - Điện
2	Bộ môn Điện khí hóa XN
3	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí
4	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử
5	Bộ môn Máy và Thiết bị CN
6	Bộ môn Tự động hóa XN M&DK
7	Xưởng Cơ - Điện
8	Khoa Công nghệ thông tin
9	Bộ môn Tin học Kinh tế
10	Bộ môn Khoa học máy tính
11	Bộ môn Mạng máy tính
12	Bộ môn Tin học Địa chất
13	Bộ môn HT Thông tin và Tri thức
14	Bộ môn Tin học Trắc địa
15	Bộ môn Công nghệ phần mềm
16	Phòng TN Địa - Tin học
17	Khoa Dầu khí và năng lượng
18	Bộ môn Địa vật lý
19	Bộ môn Khoan - Khai thác
20	Bộ môn Lọc - Hóa dầu
21	Bộ môn Thiết bị dầu khí và công trình
22	Khoa Giáo dục quốc phòng

23	Bộ môn Đường lối quân sự
24	Bộ môn Kỹ thuật quân sự
25	Khoa Khoa học cơ bản
26	Bộ môn Cơ lý thuyết
27	Bộ môn Giáo dục thể chất
28	Bộ môn Ngoại ngữ
29	Bộ môn Toán
30	Bộ môn Vật lý
31	Khoa Khoa học và KTĐC
32	Bộ môn Địa chất
33	Bộ môn Địa chất công trình
34	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa
35	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò
36	Khoa Kinh tế - QTKD
37	Bộ môn QTDN Địa chất - Dầu khí
38	Bộ môn QTDN Mỏ
39	Bộ môn Kinh tế cơ sở
40	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp
41	Khoa Lý luận chính trị
42	Bộ môn Kinh tế CT và LSĐCS VN
43	Bộ môn Triết học và Pháp luật
44	Bộ môn Tư tưởng HCM và CNXHKH
45	Bộ môn Khai thác lộ thiên
46	Bộ môn Sức bền vật liệu
47	Bộ môn Tuyển khoáng
48	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường
49	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
50	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám
51	Bộ môn Trắc địa Cao cấp
52	Bộ môn Trắc địa Công trình
53	Bộ môn Trắc địa Mỏ
54	Bộ môn Địa chính
55	Bộ môn Trắc địa Phổ thông
56	Tổ máy Trắc địa
57	Khoa Xây dựng
58	Bộ môn Kỹ thuật Xây dựng
59	Bộ môn Xây dựng CTN và Mỏ
60	Bộ môn Xây dựng Hạ tầng Cơ sở
61	Phòng Công tác chính trị - SV
62	Phòng Cơ sở vật chất
63	Phòng Đào tạo Đại học
64	Phòng Đạo tạo sau đại học

65	Phòng ĐBCLGD
66	Phòng Hành chính - Tổng hợp
67	Phòng Hợp tác quốc tế
68	Phòng KHCN
69	Phòng Kế hoạch Tài chính
70	Phòng Quan hệ CC và DN
71	Phòng Tổ chức - Cán bộ
72	Văn phòng Chương trình tiên tiến
73	Văn phòng Đảng - Đoàn thể
74	Trạm y tế
75	Trung tâm dịch vụ
76	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học
77	Trung tâm PTTN CN cao
78	Trung tâm Thông tin - Thư viện
79	Ban quản lý các dự án
80	Văn phòng Đại diện